

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 351 /CBTT - XMQT
(V/v: Công bố thông tin)

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

Trụ sở chính: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Mã chứng khoán: CQT

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Minh Hải

Địa chỉ: SN 06 ngõ 45 tổ 08 Phường Tân Long – Tp Thái Nguyên

Điện thoại: 0977.995.831

Loại công bố thông tin: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung công bố thông tin: Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.Cụ thể theo file đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/03/2022 tại đường dẫn <http://www.ximangquantrieu.com/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố.

Thái nguyên, ngày 28 tháng 03 năm 2022.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



Nguyễn Minh Hải

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Số: 01/TB - HĐQT

THÔNG BÁO

(V/v: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông
thường niên năm 2022 và nhiệm kỳ IV 2022-2027)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ quyết định số 09/2021/QĐ-HĐQT ngày 14/04/2021 ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI;

Sau khi đã chuẩn bị các điều kiện cần thiết theo quy định, HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và nhiệm kỳ IV 2022-2027 như sau:

1. Thời gian: Từ 8 giờ 15 phút, ngày 19 tháng 4 năm 2022.

- Thời gian đón tiếp và kiểm tra tư cách cổ đông: Từ 7h15' đến 8h15'.

2. Địa điểm: Tại Văn phòng Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

Xã An Khánh - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên.

3. Thành phần tham dự đại hội:

- Các thành viên HĐQT và BKS Công ty.

- Tất cả cổ đông của Công ty được trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) chốt danh sách ngày 16/3/2022 có quyền tham dự đại hội. Tuy nhiên, các cổ đông nếu không có điều kiện tham dự Đại hội thì thực hiện ủy quyền theo quy định (có mẫu ủy quyền kèm theo).

4. Nội dung đại hội:

+ Thông qua kết quả bầu bổ sung HĐQT bất thường nhiệm kỳ 2017-2022.

+ Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT Công ty nhiệm kỳ III 2017-2022 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IV 2022-2027.

+ Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2022.

+ Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty nhiệm kỳ III 2017-2022 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IV 2022-2027.

+ Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

+ Thông qua quyết toán việc chi trả phụ cấp cho HĐQT, BKS năm 2021; Kế hoạch chi trả phụ cấp cho HĐQT, BKS năm 2022.

+ Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

+ Thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2022.



+ Thông qua việc chấp thuận Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKVCTCP bảo lãnh cho Công ty vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2022.

+ Thông qua Tờ trình ủy quyền cho HĐQT thông qua việc chấp thuận các hợp đồng liên quan theo điều 167 Luật doanh nghiệp.

+ Bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV 2022 – 2027.

+ Thảo luận và thông qua các nội dung cần thiết khác.

5. Đăng ký, tiếp nhận thông tin và các vấn đề khác:

- Cổ đông tham dự hay ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đề nghị đăng ký theo **Giấy xác nhận tham dự/ Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên** (theo mẫu đính kèm).

- Để công tác chuẩn bị Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý Cổ đông xác nhận về việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền gửi qua đường bưu điện hoặc fax, Email cho Công ty **trước 15 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 4 năm 2022.**

* Địa chỉ liên hệ và gửi giấy xác nhận, ủy quyền:

Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

Xã An Khánh - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên.

- Số ĐT liên lạc: 0208 3843 185; 0974 987 578 (gặp A. Toàn – Phòng TCHC)

- Email: toanxmqt@gmail.com.

6. Tài liệu phục vụ đại hội:

Toàn bộ tài liệu phục vụ đại hội được đăng tải tại Website:

[http:// www.ximangquantrieu.com](http://www.ximangquantrieu.com) – mục: “Quan hệ cổ đông”.

Đề nghị các đại biểu tới tham dự đại hội xuất trình chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu và giấy ủy quyền (nếu có). Đồng thời để đảm bảo công tác phòng chống dịch covid 19, yêu cầu các cổ đông khi tham dự Đại hội phải đảm bảo, công tác 5k theo khuyến cáo của Bộ y tế và chính quyền địa phương.

Thông báo này thay cho giấy mời./.

Vậy Công ty trân trọng kính mời!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TK HĐQT;
- Sở GD&ĐT, UBCKNN;
- Công bố TT trên Website Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

Nay chúng tôi cùng thông nhất uỷ quyền cho:

Ông (bà):

Địa chỉ:

Số CMND : Ngày cấp Nơi cấp:

Điện thoại: Fax Email.....

Mã số cổ đông:

Được thay mặt chúng tôi tham dự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chúng tôi tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022 Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI, với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà chúng tôi sở hữu.

Người được chúng tôi uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người khác và có trách nhiệm tuân thủ Quy chế tổ chức Đại hội do Ban tổ chức đại hội đồng cổ đông Công ty quy định.

Giấy uỷ quyền này chỉ có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022 tại Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI và được lập thành 2 bản có giá trị pháp lý như nhau, người được uỷ quyền giữ một bản và những người uỷ quyền giữ một bản.

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc uỷ quyền này và đã nhất trí ký tên xác nhận tại giấy uỷ quyền này.

Chữ ký của người được uỷ quyền:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 02
Dùng cho ủy
quyền cá nhân

....., Ngày tháng..... năm 2022

GIẤY XÁC NHẬN

**Tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
và nhiệm kỳ IV 2022-2027 Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI**

Kính gửi: HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

Họ và tên:
Địa chỉ:
Số CMND/CCCD số: Cấp ngày: tại:
Điện thoại:..... Email.....
Số cổ phần sở hữu:CP, bằng chữ:
Căn cứ vào thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và nhiệm kỳ IV 2022-2027 của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

1. Trực tiếp tham dự:

2. Ủy quyền cho ông /bà có tên dưới đây:

Họ và tên:
Địa chỉ:.....
Số CMND/CCCD số: Cấp ngày: tại:
Điện thoại: Email.....

3. Hoặc: Cổ đông có thể ủy quyền cho các thành viên HĐQT đương nhiệm có tên dưới đây:

TT	Người được ủy quyền	Chức vụ	Số CP ủy quyền
1	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	
2	Trần Việt Cường	Thành viên HĐQT	
3	Hà Văn Chuyển	Thành viên HĐQT	
4	Đỗ Thu Hương	Thành viên HĐQT	
5	Đỗ Ngọc Huy	Thành viên HĐQT	

4. Nội dung ủy quyền và thời hạn ủy quyền:

- Được thay mặt tôi tham dự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của tôi tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022 với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi sở hữu;

- Giấy uỷ quyền này chỉ có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi công việc được hoàn tất.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu kiện nào./.

Người được uỷ quyền

(Ký, ghi rõ họ và tên/đóng dấu nếu là tổ chức)

Người tham dự/Ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ và tên)

10h50-11h05	- Đại hội nghỉ giải lao.
11h05-11h15	- Công bố kết quả bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát.
11h15-11h30	Tổng kết - Trình bày dự thảo Nghị quyết, Biên bản Đại hội; - Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội; - Bế mạc Đại hội.

Ban tổ chức Đại hội



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09 /TTr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC THAY THẾ THÀNH VIÊN HĐQT BẮT THƯỜNG NHIỆM KỲ 2017-2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-HĐQT ngày 14/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI V/v Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua;

Căn cứ quyết định số 316/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2021, của HĐQT Tổng công ty về việc thay đổi người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI;

Căn cứ nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 25/11/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ biên bản số 16/BB-HĐQT ngày 25/11/2021 của HĐQT Công ty về việc bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022;

Căn cứ mục 9 điều 25 – Điều lệ Công ty quy định: Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực. Do vậy HĐQT trình Đại hội cổ đông xem thông qua như sau:

1- Hội đồng quản trị họp phiên bất thường ngày 25/11/2021. Miễn nhiệm ông Ngô Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT thôi không tham gia vào HĐQT, thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI nhiệm kỳ 2017-2022 kể từ ngày 25/11/2021.

2- Bầu ông Nguyễn Văn Dũng – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP, thay thế ông Ngô Ngọc Sơn là thành viên Hội đồng quản trị và



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
QUÁN TRIỀU VVMI
Số: 07 /QC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Dự thảo

QUY CHẾ

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và nhiệm kỳ IV 2022-2027 Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020.

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-HĐQT ngày 14/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI V/v Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và nhiệm kỳ IV 2022-2027 Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI được tổ chức và làm việc theo Quy chế sau đây:

Chương I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định thể thức tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI và quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự đại hội.

2. Các cổ đông của Công ty và các đối tượng tham dự đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 2. Quyền của các cổ đông khi tham dự đại hội

1. Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người đại diện tham dự đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của đại hội.

2. Được Ban tổ chức đại hội gửi giấy mời họp kèm theo Quy chế đại hội, chương trình đại hội để nghiên cứu và góp ý trước bằng văn bản cho Ban tổ chức đại hội để tổng hợp hoặc để thảo luận trực tiếp tại đại hội.

3. Được phát thẻ biểu quyết với số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện (ví dụ thẻ biểu quyết của đại biểu cổ đông được ghi là 10.000 cổ phần, tức là cổ đông đó có 10.000 phiếu biểu quyết).

4. Cổ đông đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội; nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).

Điều 3. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự đại hội

1. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
2. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ toạ đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
3. Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự đại hội.
4. Mang theo giấy mời họp kèm theo giấy uỷ quyền (trong trường hợp được uỷ quyền) và giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu), trình cho ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức đại hội thành lập, có trách nhiệm:
 - Lập danh sách cổ đông tham dự đại hội và niêm yết tại nơi diễn ra đại hội.
 - Thu và kiểm tra các giấy mời họp, giấy uỷ quyền tham dự đại hội.
 - Kiểm tra cổ đông đi dự có đầy đủ và đúng thành phần không.
 - Lập báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông để đọc trước đại hội.
 - Phát thẻ biểu quyết cho các cổ đông trước khi vào hội trường.
2. Ban kiểm phiếu có 3 thành viên do Chủ toạ giới thiệu để đại hội bầu trong Đại hội. Những người tham gia ban kiểm phiếu không đồng thời là thư ký đại hội. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn thẻ lệ biểu quyết, phát phiếu biểu quyết, thu phiếu biểu quyết, tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước đại hội, sau đó nộp biên bản và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Chủ toạ đại hội.
3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu có nghĩa vụ tuyệt đối trung thực, cẩn trọng khi thực hiện nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ toạ và Thư ký đại hội

1. Chủ toạ đại hội:

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Chủ toạ đại hội.

Chủ toạ đại hội có quyền và nghĩa vụ sau đây:

 - a) Điều khiển đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự.
 - b) Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của đại hội.

c) Có quyền trì hoãn đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của đại hội.

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

2. Thư ký đại hội do Chủ toạ giới thiệu để Đại hội thông qua. Thư ký có nhiệm vụ giúp việc Chủ toạ điều hành đại hội, ghi chép và đọc dự thảo biên bản, nghị quyết Đại hội.

Chương II

TRÌNH TỰ VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành đại hội

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông được triệu tập dự Đại hội (theo quy định tại Điều 19 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI).

2. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

Điều 7. Trình tự tiến hành đại hội

1. Đại hội diễn ra theo trình tự và bao gồm các nội dung sau đây:

a) Làm thủ tục kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

b) Công tác chuẩn bị, khai mạc, giới thiệu đại biểu.

c) Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông.

d) Giới thiệu chủ tọa Đại hội, thông qua danh sách thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu phục vụ đại hội.

đ) Thông qua chương trình nghị sự của Đại hội (gửi trước cho các cổ đông).

e) Biểu quyết thông qua các nội dung đã được Đoàn chủ tọa trình bày.

f) Thực hiện biểu quyết lấy ý kiến về các nội dung cần thông qua.

g) Công bố kết quả các nội dung biểu quyết.

h) Thông qua biên bản, nghị quyết đại hội và bế mạc đại hội.

2. Điều kiện thông qua các nội dung trong chương trình đại hội.

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

2.1 Nghị quyết về các nội dung được quy định tại khoản 3 điều 21 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI được thông qua khi đủ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua các đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

2.2 Nghị quyết về các nội dung khác thuộc quyền của đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2.1 Điều này.

2.3. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

2.4. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản, Nghị quyết Đại hội được thông qua.

Điều 8. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung.

Điều 9. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến. Trong phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và nhiệm kỳ IV 2022-2027. Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT;
- UBCKNN, SGDCKHN;
- Công bố TT trên Website Cty.

**T.M/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng



Số: 06 /QC-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2022

DƯ THẢO

QUY CHẾ BẦU CỬ

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV 2022-2027

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ QĐ số 13/QĐ-HĐQT ngày 15/4/2021, Quy chế nội bộ quản trị Công ty;

Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV 2022-2027 tổ chức bầu thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát theo các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử

1. Nguyên tắc bầu cử:

- a. Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ và phù hợp với Quy chế này nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- b. Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.

2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập thông báo số: V239/2022-CQT/VSD-ĐK ngày 18/3/2022) có mặt tại Đại hội.

Điều 2. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HĐQT bầu

1. Thành viên HĐQT được bầu cần phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Luật doanh nghiệp như sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

2. Đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT:

a. Theo Luật doanh nghiệp 59/2020, thông tư 116/2020/TT-BTC quyền đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT được quy định như sau:

- Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ hai mươi (20)% đến dưới năm mươi (50)% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 3. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên BKS bầu

1. Thành viên BKS được bầu cần phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp như sau:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.
- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đề cử, ứng cử vào thành viên BKS:

a. Theo Luật doanh nghiệp 59/2020, thông tư 116/2020/TT-BTC quyền đề cử, ứng cử vào thành viên BKS được quy định như sau:

- Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát, cụ thể:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ hai mươi (20)% đến dưới năm mươi (50)% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng thành

viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 4. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, BKS

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT, BKS bao gồm:

- Văn bản đề cử (ứng cử) tham gia, (theo mẫu);
- Bản cung cấp thông tin do ứng viên khai;
- Bản sao có công chứng các giấy tờ: CMND, các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;
- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (*trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử*);
- Hồ sơ ứng cử, đề cử được gửi về Ban Tổ chức Đại hội trước 11h00' ngày 16/4/2022 theo địa chỉ sau đây:

Ban Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2022 và nhiệm kỳ IV 2022-2027 Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Địa Từ, tỉnh Thái Nguyên

- Đối với các trường hợp ứng cử, đề cử tại Đại hội thì cổ đông/nhóm cổ đông ứng cử, đề cử phải cung cấp ngay hồ sơ cho Chủ tọa để được xem xét trước khi tiến hành bầu cử.

- Chỉ những hồ sơ ứng cử, đề cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào danh sách ứng viên công bố tại Đại hội.

Đính kèm Quy chế là Phụ lục

Mẫu văn bản cổ đông và/hoặc Nhóm cổ đông đề cử ứng viên tham gia thành viên HĐQT, BKS.

Điều 5. Phương thức bầu cử

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với số thành viên được bầu.

Ví dụ: - Cổ đông sở hữu/đại diện sở hữu tổng số cổ phần tại đại hội là 1.000 cổ phần thực hiện bầu 05 thành viên HĐQT thì số phiếu biểu quyết của cổ đông là: $1.000 \times 5 = 5.000$ phiếu.

- Cổ đông sở hữu/đại diện sở hữu tổng số cổ phần tại đại hội là 1.000 cổ phần thực hiện bầu 03 thành viên BKS thì số phiếu biểu quyết của cổ đông là: $1.000 \times 3 = 3.000$ phiếu.

2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn. Tuy nhiên tổng số phiếu bầu không vượt số cổ phần sở hữu của cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp.

Điều 6. Quy định phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu hợp lệ:

- Phiếu do ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất có đóng dấu treo bên trái của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI, phiếu không cạo, sửa, tẩy, xóa;

- Phiếu bầu cho những người trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua;
- Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông cho các ứng cử viên bằng hoặc nhỏ hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông.

2. Phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
- Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông bầu cho tất cả các ứng cử viên lớn hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông;
- Cổ đông gạch tên ứng cử viên hoặc ghi thêm tên người khác vào danh sách;
- Số lượng phiếu biểu quyết ghi bằng %

Điều 6. Nguyên tắc kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS

1. Trước khi bỏ phiếu Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Trưởng ban bầu cử và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Cổ đông/người được ủy quyền dự họp tiến hành bỏ phiếu vào hòm phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được ban kiểm phiếu niêm phong.

3. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

4. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban bầu cử công bố trước Đại hội.

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS

1. Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu biểu quyết từ cao xuống thấp. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết cao nhất như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau;

2. Trường hợp sau khi đã công bố kết quả bầu cử mà có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần kiểm tra lại kết quả bầu cử, Chủ tọa sẽ xin ý kiến Đại hội để bầu ra một tổ kiểm tra ít nhất 3 thành viên đại diện các cổ đông sẽ trực tiếp kiểm tra lại, nếu phát hiện sai sót cố ý hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu thì Ban kiểm phiếu phải chịu bồi hoàn toàn bộ chi phí do phải tổ chức bầu cử lại. Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 9. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI thông qua tại cuộc họp./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT;
- UBCKNN, SGDCCKHN;
- Công bố TT trên Website Cty.



Nguyễn Văn Dũng

Thái Nguyên, ngày.....tháng..... năm 2022

**ĐƠN ỨNG CỬ
Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

Kính gửi: HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

Tôi tên là:
CMND/ Hộ chiếu/ GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú :
Đơn vị Công tác:.....
Trình độ học vấn:Chuyên ngành:.....
Hiện đang sở hữu: cổ phần (*bằng chữ:.....CP*)
của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Thông tư 116/2020/TT-BTC, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viênCông ty.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Quy chế bầu thành viên HĐQT, BKS tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022 và nhiệm kỳ IV 2022-2027 của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Quy chế bầu thành viên HĐQT, BKS của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn.

Ngày..... tháng năm 2022

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản cung cấp thông tin của ứng viên;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn, trình độ chuyên môn.

Thái Nguyên, ngày.....tháng.....năm 2022

ĐƠN ĐỀ CỬ
Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

Hôm nay, ngày, tôi/chúng tôi là cổ đông/ nhóm cổ đông sở hữu/ tự nguyện tập hợp thành nhóm cổ đông nắm giữ.....cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Cổ đông	Hộ chiếu /CMND/CCCD/ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)/ Tổng số cổ phần	Ký tên
1					
2					
3					
4					
5					
...					
	Tổng cộng				

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Thông tư 116/2020/TT-BTC, chúng tôi thống nhất đề ông/bà có tên sau vào vị trí thành viên Công ty.

TT	Họ tên ứng cử viên	Số CMND/ Hộ chiếu	Trình độ học vấn	Chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu
1					
2					
...					

Tôi/Chúng tôi cam kết sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu như đã đăng ký theo quy định để các ứng cử viên có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia ứng cử thành viên vào ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông bầu chức danh trên. Đồng thời, cam kết các nội dung trong Đơn đề cử này là hoàn toàn chính xác, theo đúng quy định pháp luật.

Trân trọng./.

....., ngàytháng..... năm 2022

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Đính kèm bản cung cấp thông tin và các văn bản, chứng chỉ liên quan của các ứng viên;
- Đối với cổ đông pháp nhân:
 - (1) Người đại diện pháp luật ký tên và đóng dấu;
 - (2) Trường hợp pháp nhân cử đại diện vốn (đại diện theo ủy quyền), thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện vốn theo quy định.

1/6/1/2/3/4/5/6/7/8/9/10/11/12/13/14/15/16/17/18/19/20/21/22/23/24/25/26/27/28/29/30/31/32/33/34/35/36/37/38/39/40/41/42/43/44/45/46/47/48/49/50/51/52/53/54/55/56/57/58/59/60/61/62/63/64/65/66/67/68/69/70/71/72/73/74/75/76/77/78/79/80/81/82/83/84/85/86/87/88/89/90/91/92/93/94/95/96/97/98/99/100

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên:
- Năm sinh: - Giới tính:
- Nơi sinh:
- CMND, Căn cước, hộ chiếu: - Ngày cấp:
- Nơi cấp:
- Quốc tịch:.....- Dân tộc:
- Địa chỉ thường trú:
- Chức vụ hiện nay:
- Liên hệ: Điện thoại:
- Email:.....

2. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Stt	Tên công ty	Chức vụ đang nắm giữ

3. Số cổ phần nắm giữ:.....CP, chiếm.....% vốn điều lệ của Công ty.

- Trong đó: - Đại diện sở hữu:.....CP
 - Cá nhân sở hữu:.....CP

4. Các cam kết nắm giữ (nếu có).....

5. Danh sách người có liên quan của người khai:

(Người có liên quan theo quy định tại khoản 4 điều 4 Luật Chứng khoán ngày 16/11/2019)

6. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng quỹ (nếu có):.....

7. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng quỹ (nếu có):.....

8. Cam kết trước pháp luật:

Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày tháng năm 2022

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

11

Thái nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Dự thảo Số: 05/BC-HĐQT

BÁO CÁO
CỦA HĐQT TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 VÀ NHIỆM KỲ IV 2022-2027

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần xi măng Quán Triều, Hội Đồng Quản Trị xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2022 và nhiệm kỳ IV (2022-2027) như sau:

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2021 là năm đầy thách thức, khó khăn với nền kinh tế nói chung và các ngành sản xuất nói riêng, trong đó có xi măng, nhất là khi dịch Covid-19 lần thứ 4 bùng phát. Mặc dù, Chính phủ có nhiều giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn như: Giảm thuế, hoãn nộp thuế và miễn thuế sử dụng đất đối với các doanh nghiệp (DN), đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và vốn ODA... Nhưng tác động bởi dịch ngầm sâu, DN ngành xi măng gặp nhiều khó khăn, thách thức phải giải quyết. Thị trường xi măng cung vượt cầu, nguồn cung xi măng cao (năm 2021 là hơn 100 triệu tấn) trong khi nhu cầu tiêu thụ xi măng giảm, khiến áp lực cạnh tranh thị trường nội địa càng khốc liệt hơn. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp xi măng trong nước đã đẩy mạnh tiêu thụ qua kênh xuất khẩu, đạt hơn 45 triệu tấn (năm 2020 là 38), trị giá gần 1,8 tỷ USD (2020 là 1,46), giá xuất khẩu trung bình khoảng 39 USD/tấn. Chi phí logistics tăng, chi phí vận tải tăng, giá cả vật tư, nguyên, nhiên liệu đầu vào cho sản xuất xi măng tăng cao... Tuy nhiên năm 2021 mặc dù có sự tác động lớn về dịch bệnh nước ta vẫn đạt được mức tăng trưởng dương 2,58%.

Dự báo về thị trường xi măng năm 2022 sản lượng tiêu thụ xi măng và clinker sẽ tăng trở lại (khoảng 100 – 106,6 triệu tấn, nội địa là 59 -75,6 triệu tấn, xuất khẩu là 41-45 triệu tấn), nhưng biên lợi nhuận gộp của các DN sản xuất sẽ gặp áp lực lớn do cạnh tranh khốc liệt khi thị trường xi măng cung vượt cầu, cộng thêm áp lực từ tăng giá nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất giá dầu thô, sắt thép.... do tình hình dịch bệnh cũng như những xung đột giữa Nga và Ukraine cho nên đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến các sản xuất của việt nam trong đó có ngành SX xi măng.

Với tình hình như vậy sẽ ảnh hưởng lớn đến thị trường tiêu thụ và áp lực cạnh tranh sản phẩm xi măng trong nước sẽ tăng và sẽ có ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất và tiêu thụ xi măng của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều.

PHẦN I:

Đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2021 và nhiệm kỳ III(2017-2022)

1. Khái quát về Công ty:

1.1. Về cơ cấu tổ chức:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI nhiệm kỳ III (2017-2022) bầu ra với 5 thành viên trong đại diện cho các cổ đông, gồm:

+ Ông Ngô Ngọc Sơn: Chủ tịch HĐQT. (Điều hành từ 2017 đến ngày 25/11/2021).

+ Ông Nguyễn Văn Dũng: CT HĐQT. (Điều hành từ 25/11/2021 đến nay)

+ Ông Trần Việt Cường – Giám đốc điều hành - Ủy viên HĐQT

+ Ông Hà Văn Chuyển - Ủy viên HĐQT.

+ Bà Đỗ Thu Hương - Ủy viên HĐQT

+ Ông Đỗ Ngọc Huy - Ủy Viên HĐQT.

1.2. Về cơ cấu vốn góp:

Cổ đông đại diện cho Nhà nước: 21.228.014 cổ phiếu chiếm 84,91%

Cổ đông thể nhân đại diện cổ phiếu: 3.704.486 cổ phiếu chiếm 15,09%

Công ty đã niêm yết trên sàn UPCOM và giao dịch 01/11 năm 2016 với mã chứng khoán CQT.

2. Hoạt động của HĐQT năm 2021:

2.1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị :

a) Thực hiện chi trả thù lao và tiền thưởng cho các Thành viên HĐQT năm 2020 theo nghị quyết của Đại Hội đồng thường niên năm 2021 với biểu chi tiết sau:

Đvt: đồng

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Ngô Ngọc Sơn	CT HĐQT		54.720.000	54.740.000
2	Trần Việt Cường	TV HĐQT		48.000.000	48.000.000
3	Hà Văn Chuyển	TV HĐQT		48.000.000	48.000.000
4	Đỗ Thu Hương	TV HĐQT		48.000.000	48.000.000
5	Đỗ Ngọc Huy	TV HĐQT		48.000.000	48.000.000
	Tổng cộng:			246.720.000	246.720.000

b) Thực hiện chi trả thù lao năm 2021 như sau:

Việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT được chi trả theo hình thức tạm ứng hàng tháng với mức 80% mức chi trả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường năm 2021; sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua mức chi trả tiền thù lao và tiền thưởng cho các thành viên HĐQT năm 2021; thì HĐQT công ty căn cứ để thực hiện chi trả.

Trong năm 2021 các thành viên HĐQT đã được tạm ứng thù lao như sau:

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Ngô Ngọc Sơn	CT HĐQT		40.128.000	40.128.000

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
2	Nguyễn Văn Dũng	CT HĐQT		3.648.000	3.648.000
3	Trần Việt Cường	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
4	Hà Văn Chuyên	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
5	Đỗ Thu Hương	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
6	Đỗ Ngọc Huy	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
	Tổng cộng:			197.376.000	197.376.000

3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị:

Năm 2021 Hội đồng quản trị công ty đã thực hiện họp trực tiếp và họp gián tiếp thông qua xin ý kiến bằng bản với số cuộc họp là 18 cuộc đã ban hành 19 nghị quyết và 25 quyết định.

Các cuộc họp của HĐQT đã thực hiện theo đúng điều lệ; thành phần tham dự họp HĐQT được tham dự đầy đủ; tài liệu cung cấp cho các thành viên HĐQT đầy đủ và đúng thời gian; các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình trong việc biểu quyết thông qua các vấn đề trong nghị quyết cuộc họp.

4. Báo cáo về các giao dịch có liên quan:

Trong năm Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng giao dịch với các bên liên quan như sau:

STT	Số Hợp đồng	Ngày ký	Tên đơn vị	Hàng hóa, dịch vụ	Giá trị hợp đồng (tr.đồng)	Giá trị thực hiện (tr.đồng)
A	Hợp đồng mua					
I	Vật liệu					
1	4068/HĐ-TKH-XMQT	31/12/2020	Công ty than Khánh Hòa VVMI	Đá sét thải	785,24	918,52
2	4069/HĐ/TKH-XMQT	31/12/2020	Công ty than Khánh Hòa VVMI	Đá vôi thải	14.757,56	20.346,42
3	4067/HĐ/TKH-XMQT	31/12/2020	Công ty than Khánh Hòa VVMI	Đá thải sau tuyển nước	1.725,54	2.503,76
4	3112/HĐMB/N H-QT	31/12/2020	Công ty than Núi Hồng VVMI	Vỏ bao xi măng	25.288,26	21.206,96
5	03/2021/CTQ-TT	01 01 2021	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang VVMI	Xi măng rời	2.197,87	2.197,87
6	1401/2020/XMQT-KSTN	14/01/2021	Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên	Mua sữa	1.007,42	973,62

7	3018/2021/HĐ XMQT-CKM	15/6/2021	Công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI	Mua sắm vật tur	62,34	62,34
8	1518/2021/HĐ XMQT-CKM	07 09 2021	Công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI	Mua sắm vật tur	42,75	42,75
9	0610/2021/HĐ XMQT-CKM	10 06 2021	Công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI	Mua sắm vật tur	155,19	155,19
10	348/2021/HĐX MQT-CKM	23/02/2021	Công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI	Mua sắm vật tur	937,59	864,86
11	13/HĐKT- KSTN	04 05 2021	Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyễn	Bảo hộ lao động	29,89	29,89
12	12/2021/HĐX MQT-CKM	20/1/2021	Công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI	Mua sắm vật tur	196,41	196,41
14	234/2021/HĐM B	23/3/2021	Công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI	Mua sắm vật tur	45,03	45,03
16	24/HĐKT- KSTN	07 05 2021	Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyễn	Bảo hộ lao động	22,96	22,96
II	Nhiên liệu					
1	2775/HĐ- KTKH	31/12/2020	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc	Than 4A.3 KH và 5A.6 KH	108.506,67	108.506,67
III	Dịch vụ					
1	19/HĐKT	01 06 2021	Công ty than Núi Hồng	Vận chuyển than bằng đường sắt	1.034,08	1.034,08
2	3680/2020/HĐ/ TKH-QT	12 04 2020	Công ty than Khánh Hòa	Hợp đồng rửa xe	614,40	159,02
3	2812/ HĐTK TL-QT	28 12 2020	Công ty cổ phần VLXD và KDTM VVMI	Thuê kho chứa Clinker	264,00	264,00
4	2702/2021/XM QT-CKM	03 03 2021	Công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI	Sửa chữa thiết bị v/v TĐT máy xúc lật ZL40B số 1	438,01	459,59
5	0502/2021/XM QT-CKM	03 05 2021	Công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị	716,30	690,55
6	584/2021/HĐS C	24/3/2021	Công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị	16,57	16,57
7	1908/2021/XM QT-CKM	19/8/2021	Công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị	422,21	422,21
8	0610/2021/HĐ XMQT-CKM	10 06 2021	Công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc VVMI	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị	25,81	25,81

9	06/HĐKT-KSTN	01 07 2021	Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên	Bảo hộ lao động	20,58	20,58
B	Hợp đồng bán					
10	1189/HĐMB	28/11/2021	Công ty cổ phần cơ khí mô Việt Bắc VVMI	Bán sắt phế liệu	240,00	307,84

5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Công ty có không có thành viên HĐQT độc lập.

6. Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT

Nhìn chung năm 2021, Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị đã thể hiện rõ vai trò của mình, luôn cố gắng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được phân công; đoàn kết, hợp tác giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ và xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh, cụ thể như sau:

6.1. Ông Ngô Ngọc Sơn - Chủ tịch HĐQT (Điều hành đến hết ngày 24/11/2021):

Là người đứng đầu và chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động của Công ty, chỉ đạo việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật, Quy chế hoạt động của HĐQT và tổ chức phân công nhiệm vụ cho các uỷ viên HĐQT;

Luôn chủ trì phân công các uỷ viên HĐQT chuẩn bị nội dung họp và kết luận về những nội dung thảo luận trong phiên họp HĐQT, xem xét kiến nghị của Ban Kiểm soát công ty và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT; việc xây dựng chủ trương, định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm; chương trình đầu tư các dự án, phương án điều chỉnh vốn và các nguồn lực, phương án tổ chức sản xuất của Công ty;

Luôn sát sao theo dõi, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giữa hai kỳ họp HĐQT, theo dõi, giám sát công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của giám đốc công ty và các công việc khác trong hoạt động SXKD thuộc chức năng của HĐQT.

Với vai trò là Chủ tịch HĐQT ông Ngô Ngọc Sơn đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà ĐHCĐ đã đề ra.

Trong năm 2021 Ông Ngô Ngọc Sơn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

6.2. Ông Nguyễn Văn Dũng - CTHĐQT

Tiếp nhận nhiệm vụ CTHĐQT công ty thay ông Ngô Ngọc Sơn từ ngày 25/11/2021 chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động của Công ty, chỉ đạo việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động

của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của Pháp luật, Quy chế hoạt động của HĐQT và tổ chức phân công nhiệm vụ cho các uỷ viên HĐQT, đã điều hành Công ty kết thúc năm KH 2021 đảm bảo đúng theo các quy định của pháp luật cũng như điều lệ của Công ty.

6.3. Ủy viên HĐQT, Giám đốc Trần Việt Cường.

Là người đại diện theo Pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật Nhà nước về quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, theo Điều lệ của công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT, trực tiếp chỉ đạo, tổ chức trong mọi hoạt động SXKD tại Công ty và các nhiệm vụ theo phân công của HĐQT.

Ông Trần Việt Cường luôn thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong thực thi nhiệm vụ. Là một lãnh đạo năng động, nhiệt tình, dám nghĩ, dám làm và đưa ra nhiều quyết sách, những giải pháp đột phá nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động SXKD và đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

Với vai trò là là giám đốc điều hành ông Trần Việt Cường đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà ĐHCĐ đã đề ra.

Trong năm 2021 Ông Trần Việt Cường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

6.4. Ủy viên HĐQT không trực tiếp điều hành Đỗ Thu Hương.

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công luôn theo dõi sát sao công tác Kế toán - Thống kê - Tài chính đảm bảo thực hiện đúng, đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đúng quy định của pháp luật. Đề xuất các lĩnh vực liên quan đến nguồn vốn, tín dụng, kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm nhất chi phí hoạt động tài chính của Công ty;

Bà Đỗ Thu Hương luôn nhiệt tình trong công việc, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, năng động, phối hợp với các phòng ban chức năng đảm bảo tốt công tác bán hàng và thu hồi công nợ; thận trọng trong xây dựng kế hoạch SXKD, xây dựng các quy chế quản lý và các lĩnh vực khác trong hoạt động của Công ty và các các nhiệm vụ khác của HĐQT; Góp phần tích cực thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

Với vai trò được phân công đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà ĐHCĐ đã đề ra.

Trong năm 2021 Bà Đỗ Thu Hương đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5.5. Ủy viên HĐQT không trực tiếp điều hành Hà Văn Chuyển.

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công luôn theo dõi sát sao công tác nghiên cứu - mở rộng thị trường, phát triển - tiêu thụ sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty; Kiểm tra, giám sát công tác cơ điện; Thẩm định các dự án đầu tư; các hợp đồng mua bán vật tư; mua bán tài sản thuộc diện HĐQT phê duyệt và các nhiệm vụ khác của HĐQT.

Ông Hà Văn Chuyển luôn thể hiện cao vai trò, trách nhiệm của mình, trong các cuộc họp đã luôn đưa ra những đề xuất, giải pháp trong thiết thực trong việc thực hiện

1101 21 21 21 21 21

các nghị quyết và công tác điều hành, quản lý của Công ty góp phần thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất của Công ty.

Trong năm 2021 Ông Hà Văn Chuyên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

6.6. Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Đỗ Ngọc Huy

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công là kiểm tra, giám sát công nghệ sản xuất của Công ty. Công tác chất lượng sản phẩm, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ. Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật. Xây dựng và hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty. và các nhiệm vụ khác của HĐQT.

Ông Đỗ Ngọc Huy luôn thể hiện cao vai trò, trách nhiệm của mình, trong các cuộc họp đã luôn đưa ra những quan điểm, đề xuất, đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các nghị quyết và công tác điều hành, quản lý của Công ty góp phần thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất của Công ty.

Trong năm 2021 Ông Đỗ Ngọc Huy đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị xin được trình trước đại hội.

7- Kết quả phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát, năm 2021 thực hiện tốt công tác kiểm tra tình hình hoạt động tài chính của Công ty. Hội đồng quản trị, bộ máy điều hành phối hợp tốt với Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng kiểm soát và giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty phối hợp tốt với Ban kiểm soát trong việc giải quyết các kiến nghị và yêu cầu của Ban kiểm soát trong công tác quản trị Công ty. Những kiến nghị của Ban kiểm soát trong việc Quản lý tài chính, tình hình sử dụng vốn, tình hình công nợ, các quy định, quy chế quản lý Công ty được HĐQT thực hiện giải quyết tốt.

8. Kết quả giám sát đối với Giám đốc Công ty và người điều hành khác.

Trong năm 2021 Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thuộc diện HĐQT quản lý; hàng năm HĐQT đã thực hiện kiểm điểm đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý kết quả cụ thể như sau:

Bảng xếp loại giám đốc điều hành và cán bộ quản lý năm 2021.

TT	Họ và tên	Chức danh	Xếp loại năm 2021
1	Trần Việt Cường	Giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2	Nguyễn Sóng Gió	Phó giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
4	Đỗ Ngọc Huy	Phó giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
5	Nguyễn Anh Tuấn	Kế toán trưởng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

*** Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD cho các bộ phận theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.

- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây tiếp tục là một năm ban điều hành Công ty hoạt động rất tích cực; với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao lên năm qua Công ty tiếp tục gặt hái được nhiều thành công.

9. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ sản xuất KD năm 2021 và nhiệm kỳ III 2017 - 2022 .

9.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

TT	Danh mục chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện		So sánh (%)	
				2020	2021	cùng kỳ 2020	TH/KH
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
I	Chỉ tiêu hiện vật						
1	Sản xuất sản phẩm	Tấn					
	Xi măng các loại	"	680.000	708.014,70	612.342,04	86,49	90,05
	Clinker	"	621.927,28	669.049,96	679.578,25	101,57	109,27
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	780.000	838.097,71	835.760,36		
-	Xi măng các loại	"	680.000	707.844,70	617.109,94	87,18	90,75
-	Clinker	"	100.000	130.253,01	218.650,42	167,87	218,65
3	Lao động bình quân	Ng	351	354	350	98,87	99,72
II	Chỉ tiêu tài chính						
1	Doanh thu thuần	Trđ	617.378,64	665.131,73	660.550,26	99,31	106,99
-	Xi măng, Clinker	"	616.103,64	661.978,41	656.965,80	99,24	106,63
-	SXKD khác	"	1.275	3.153,32	3.584,47	113,67	281,13

2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	30.800	36.672,69	47.089,54	128,40	152,89
3	Nộp ngân sách (số phải nộp)	Trđ	20.201,34	22.295,42	25.269,74	113,34	125,09
4	Tiền lương BQ/người/tháng	1000đ	8.976,18	8.971,30	10.323,75	115,08	115,01
5	Trả cổ tức (% VDL)	%	0.00	0.00	0.00		

9.2. Kết quả sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2017-2022

Chỉ tiêu	Năm hoạt động				
	2017	2018	2019	2020	2021
I. Chỉ tiêu hiện vật					
1. Sản xuất xi măng, clinker (tấn)					
+Clinker sản xuất	538.811,81	614.038,55	636.879,38	669.049,96	679.578,25
+ Xi măng	485.897,20	653.218,95	678.341,35	679.147,20	612.342,04
2. Tiêu thụ xi măng clinker	670.575,54	781.627,01	828.365,55	838.097,71	835.760,36
+ xi măng bao	350.110,75	505.681,15	576.611,90	576.054,15	522.169,50
+ Clinker	182.988,31	122.678,79	129.201,36	130.253,01	218.650,42
+ bột	137.476,48	153.267,07	122.552,29	131.790,55	94.940,44
II. Chỉ tiêu tài chính					
1. Tổng doanh thu	483.575,81	593.475,65	663.862,00	665.131,73	660.550,26
2. Lợi nhuận trước thuế	(27.889,39)	5.357,09	28.280,11	36.672,69	47.089,54
3. Lợi nhuận sau thuế	(27.889,39)	5.357,09	27.230,03	35.585,47	44.722,86
4. Vốn điều lệ	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000
5. Vốn chủ sở hữu	111.839,26	117.196,34	144.426,37	180.011,85	224.734,70
5. Chia cổ tức %	0	0	0	0	0
6. Tiền lương bình quân (1000đ/người/tháng)	5 638	6 703	7 968	8 971	10 323
7. Lao động bình quân	377	361	352	354	350
8. Thu nhập người lao động (1000đ/người/tháng)	6 083	7 153	8 437	9 466	10 965

9.3. Kết quả đầu tư nhiệm kỳ 2017-2022

Chỉ tiêu	Năm hoạt động				
	2017	2018	2019	2020	2021
III. Công tác đầu tư (Trđ)	126,9	1.472	7.332	1.247	3.335
1. Đầu tư kho phụ gia và mở rộng kho sét		1.423	1.845		
2. Hệ thống quan trắc môi trường tự động	126,9	49	5.488		
3. Đầu tư 01 máy xúc lật gầu có dung				1.183	

tích $\geq 3m^3$					
4. Hệ thống lọc bụi khu vực đóng bao				64	821
5. Đầu tư 01 máy xúc lật thủy lực bánh xích, dung tích gầu $\geq 0,8 m^3$					2.514

PHẦN II:

Phương hướng nhiệm vụ của HĐQT năm 2022 và nhiệm kỳ 2022-2027:

1. Đánh giá tình hình:

Năm 2022 cầu trong nước tăng hơn năm 2021 do Chính phủ tăng đầu tư công, bơm tiền hỗ trợ dịch covid, lạm phát tăng cao. Về tình hình tiêu thụ xi măng tiếp tục khó khăn, như đã phân tích trên, Đặc biệt dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp, nếu clinker và xi măng xuất khẩu giảm sẽ tăng sự cạnh tranh sản phẩm trong nước. Mặt khác tình hình kinh tế có khó khăn, các sản phẩm nông nghiệp giá thấp làm ảnh hưởng đến kinh tế trong dân dẫn đến ảnh hưởng đến giá sản phẩm.

Thiết bị dây chuyền của Công ty cũng đã trên 10 năm hoạt động một số cụm chi tiết đã đến kỳ phải cải tạo thay thế. Một số thiết bị đã lạc hậu so với các thiết bị hiện nay làm chi phí định mức sẽ cao cần phải cải tạo thay thế để giảm chi phí đầu vào.

Giá đầu vào như dầu, nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng hơn so với năm 2021 dẫn đến các cước phí vận chuyển tiêu thụ tăng, chi phí sản xuất tăng (Ở đây ước tính chi phí phụ gia cao silic, phụ gia, si bông, si phốt pho tăng ước chừng từ 6-7 tỷ.

Năng lực tài chính của Công ty năm 2022 vẫn rất khó khăn thiếu nguồn trả nợ. ước tính năm 2022 thiếu nguồn của Công ty ước chừng khoảng 172,41 tỷ đồng

Qua đánh giá như trên để hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2022 và nhiệm kỳ 2022-2027, HĐQT tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị Công ty như Ban hành Quy chế quản trị chi phí, sửa đổi bổ sung các Quy chế, quy định kịp thời khi chính sách nhà nước hoặc nhu cầu quản lý thay đổi, hướng tới việc minh bạch hóa thông tin, rút ngắn thời gian xử lý công việc, lựa chọn, ứng dụng hệ thống quản trị thông tin mới một cách tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu quản trị doanh nghiệp trong giai đoạn mới.

Chỉ đạo và điều hành công ty phấn đấu vượt qua mọi khó khăn để thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 2022:

2.1 Kế hoạch SXKD năm 2022:

TT	Danh mục chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tăng trưởng (%)
A	B	C	1	2	3=2/1
I	Chỉ tiêu hiện vật				
1	Sản xuất sản phẩm	Tấn			
	Xi măng các loại	"	612.342,04	640.000	103
	Clinker	"	679.578,25	629.495	92,6
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	835.760,36	790.000	94,5
-	Xi măng các loại	"	617.109,94	640.000	103,7

-	Clinker	"	218.650,42	150.000	68,6
3	Lao động bình quân	Ng/th	350	351	100,2
II	Chỉ tiêu tài chính				
1	Doanh thu thuần	Trđ	660.550,26	633.238,23	95,8
-	Xi măng, Clinker	"	656.965,80	543.238,23	82,7
-	SXKD khác	"	3.584,47	90.000	25,1
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	47.089,54	40.800	86,6
3	Nộp ngân sách (số phải nộp)	Trđ	25.269,74	20.107,97	79,6
4	Tiền lương BQ/người/tháng	1000đ	10.323,748	10.150,983	98,3
5	Nợ phải thu của khách hàng	Trđ	47.720,35	44.062	92,3
6	Trả cổ tức (% VĐL)	%	0	2%	

2.2. Kế hoạch đầu tư năm 2022:

TT	Danh mục chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tăng trưởng (%)
A	B	C	1	2	3=2/1
III	Công tác đầu tư	Trđ	3.335	3.923	117
a)	Chuyển tiếp năm cũ	Trđ	821		
1	Hệ thống lọc bụi khu vực đóng bao	"	821		
b)	Đầu tư mới	Trđ	2.514	3.923	156
1	Đầu tư 01 máy xúc lật thủy lực bánh xích, dung tích gầu $\geq 0,8$ m ³	"	2.514		
2	Đầu tư vận thăng 2 tấn lên tháp trao đổi nhiệt	"		1.812	
3	Đầu tư hệ thống lọc bụi khu vực xả Clinker	"		2.111	

3. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2022:

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao Kế hoạch (đồng)		Ghi chú
				tháng	năm	
I	Hội đồng quản trị				249 120 000	
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	4 760 000	57 120 000	
2	Ủy viên HĐQT	4	12	4 000 000	192 000 000	

(Kế hoạch chi trả thù lao 2022 áp dụng mức lương quy định x 20%)

4. Định hướng của Hội đồng quản trị:

- Dự kiến các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023 – 2026 với các chỉ tiêu như sau:

- + Sản lượng bình quân: > 800.000t/năm.
- + Doanh thu bình quân: > 660tỷ đồng/năm
- + Lợi nhuận trước thuế bình quân: > 40tỷ đồng/năm

- + Chi trả cổ tức bình quân: > 8%/năm
- + Lao động bình quân: 351 Người/năm
- + Tiền lương người lao động bình quân: > 11triệu đ/người/tháng
- Dự kiến công tác đầu tư xây dựng giai đoạn 2023-2026 khoảng 80 tỷ cho một số công trình sau:

- + Đầu tư si lô xi măng bằng thép 3.000 tấn, máy gạt,
- + Đầu tư cải tạo máy nghiền xi măng.
- + Đầu tư si lô clinker bằng thép 7.000 tấn.
- + Đầu tư cải tạo hệ thống lọc bụi tĩnh điện.

- Mỗi quý HĐQT họp thường kỳ một lần vào thời gian sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, nội dung họp kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý trước, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho quý tiếp theo, định hướng và giải pháp khắc phục những khó khăn trong sản xuất kinh doanh của Công ty và giải quyết các nội dung khác theo thẩm quyền của HĐQT.

Ngoài ra HĐQT có thể họp bất thường để giải quyết những nội dung cần thiết theo đề nghị của bộ máy điều hành. Trước khi họp phải chuẩn bị đầy đủ nội dung, tài liệu và được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất 3 ngày.

- Phối hợp chặt chẽ với BKS, bộ máy điều hành công ty tăng cường công tác quản trị chi phí. Các thành viên HĐQT thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công theo Quy chế hoạt động của HĐQT.

- Tập trung giải quyết nguồn vốn phục vụ cho quá trình sản xuất ổn định của nhà máy, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động, không để nợ tồn đọng và thất thoát vốn.

- Chỉ đạo đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2022 các dự án đã được Tập đoàn và Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP thông qua trên cơ sở đảm bảo hiệu quả các dự án. Tập trung thực hiện đầu tư Dự án Hệ thống lọc bụi khu vực xả Clanker và Vận thăng 02 tấn lên tháp trao đổi nhiệt.

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo theo đúng quy định, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của cấp trên, thực hiện tốt các chủ trương, ý kiến chỉ đạo của Tổng Công ty để tạo điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh năm 2022.

- Điều hành, chỉ đạo Công ty tập trung vào các khâu cơ bản sau:

+ Có kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ thiết bị, khắc phục tối đa những sự cố thiết bị dây chuyền, phấn đấu đạt và vượt công suất thiết kế lò nung Clinker.

+ Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật cơ điện, công nghệ để tăng mức Clinker và chất lượng xi măng đáp ứng thị hiếu của thị trường chú trọng đến các vấn đề ổn định sự hoạt động của thiết bị, cải tạo hệ thống ghi làm mát, tăng cường công tác đồng nhất nguyên vật liệu, đồng nhất than nung, đảm bảo chất lượng nguồn nguyên vật liệu như đất sét, đá, cát kết giàu silic ...Không sử dụng nguyên vật liệu không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Phân công trách nhiệm rõ ràng cho bộ phận công nghệ về việc quản lý các chỉ tiêu công nghệ.

+ Tăng cường công tác áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ nâng cao năng suất thiết bị đặc biệt các hệ thống máy nghiền liệu, nghiền xi măng, hệ thống cân than, hệ thống đóng bao xi măng.

+ Tăng cường áp dụng hệ thống tự động hóa, tin học hóa các khâu. Áp dụng công nghệ thông tin và các phần mềm quản lý thiết bị, Quản trị văn phòng, lưu trữ tài liệu để tăng cường công tác quản lý. Đặc biệt hoàn thiện và đưa vào hoạt động các thiết bị giám sát như giám và phân tích khí, Hoả quang kế, hệ thống quyết nhiệt độ vỏ lò.

+ Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, nhất là thiết bị xử lý khí thải, nước thải: lọc bụi tĩnh điện, trạm xử lý nước thải đảm bảo không xảy ra sự cố môi trường gây ảnh hưởng đến hoạt động và hình ảnh của công ty

+ Kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD như tiêu hao điện năng, tiêu hao than nung..., Tiến hành công tác khoán chi phí theo các công đoạn sản xuất như điện năng, chi phí vận hành, chi phí sửa chữa thường xuyên thiết bị... phấn đấu tiết kiệm 1,5% chi phí.

+ Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới tiêu thụ, mở rộng thị trường ra các địa bàn có tiềm năng, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với hệ thống đại lý và nhà phân phối để tăng sản lượng tiêu thụ. Có chế độ chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp để nâng cao chất lượng dịch vụ bán hàng và sau bán hàng. Tổ chức chăm sóc khách hàng hiện có và phát triển thêm khách hàng mới, có chiến lược tăng sản lượng tiêu thụ xi măng bao đặc biệt là xi măng Bao PCB 30 vào các thị trường truyền thống như Thái nguyên, Bắc Cạn, Cao Bằng, Bắc Giang, Lạng Sơn

+ Tăng cường chỉ đạo công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty;

+ Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của ban điều hành, Duy trì tình hình tài chính ổn định;

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng gọn nhẹ, đặc biệt rà soát việc ban hành chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ các bộ phận và đặc biệt tăng cường sự phối hợp nhiệm vụ các bộ phận trong công ty; chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; cũng như phù hợp với các quy chế, qui định của Công ty mẹ và các qui định hiện hành của nhà nước; tăng cường trách nhiệm của bộ máy điều hành, nâng cao hiệu quả SXKD.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2022 – 2027 của HĐQT Công ty. Kính trình Đại hội cổ đông năm 2022 xem xét cho ý kiến góp ý để HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2022 và những năm tiếp theo./.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT;
- UBCKNN, SGDCKHN;
- Công bố TT trên Website Cty.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 04/BC-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2022



Dự thảo

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021
VÀ NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 07/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 14/4/2021, Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 15/4/2021 của HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI V/v Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2021 cho Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI; Công ty cổ phần xi măng Quán Triều Báo cáo HĐQT về kết quả SXKD năm 2021 và nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2022 cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2021

I/ Đặc điểm tình hình

1- Thuận lợi

Sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty, sự đoàn kết nhất trí cao trong chỉ đạo điều hành của đội ngũ cán bộ và tập thể người lao động đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2021.

Giá nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất tương đối ổn định, sản phẩm xi măng Vinacomin Quán Triều đã được người dân tin tưởng sử dụng, thị trường không ngừng được mở rộng với sản lượng tiêu thụ tăng cao qua các năm.

2- Khó khăn

Năm 2021, nền kinh tế của nước ta chịu tác động mạnh mẽ và tiêu cực của dịch COVID-19, ảnh hưởng cả trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, đến tất cả các ngành, lĩnh vực. Sản xuất của doanh nghiệp bị đình trệ, chuỗi cung ứng bị đứt gãy, lao động, việc làm, đời sống của người dân gặp rất nhiều khó khăn, gây ảnh hưởng đến các cân đối vĩ mô và việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội năm 2021 và giai đoạn 5 năm 2021-2025.

Ngành vật liệu xây dựng nói chung và xi măng nói riêng cũng chịu tác động mạnh của dịch bệnh khi các địa phương thực hiện phong tỏa, dẫn cách qua đó làm giảm đáng kể sản lượng tiêu thụ. Thị trường tiêu thụ xi măng nội địa tiếp tục cạnh tranh khốc liệt với sự góp mặt của nhiều các thương hiệu xi măng khác như xi

mãng Quang Sơn, Long Sơn, Thành Thắng, Xuân Thành, Visai, Pomihoa ...vv tại các thị trường chính như Thái Nguyên, Bắc cạn, Cao Bằng Bắc Cạn, Lạng Sơn.. Do vậy, thị phần tiêu thụ sản phẩm xi măng Quán Triều đã và đang ảnh hưởng.

- Dây chuyền thiết bị sau hơn 10 năm hoạt động đã xuống cấp thường xảy ra nhiều sự cố thiết bị ngoài kế hoạch; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng hàng năm tăng cao.

II/ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2021

1- Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	Thực hiện năm 2021	% <u>TH</u> KH
A	Chỉ tiêu hiện vật				
I	Sản lượng sản xuất	Tấn			
1	Xi măng	"	680.000	612.342	90,05
2	Clinker thương phẩm	"	621.927	679.578	109,27
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	780.000	835.750	107,15
-	Xi măng	"	680.000	617.100	90,75
-	Clinker thương phẩm	"	100.000	218.650	218,65
B	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	617.379	660.638	107,01
-	Xi măng	"	557.467	524.831	94,15
-	Clinker thương phẩm	"	58.636	132.134	225,35
-	Doanh thu, thu nhập khác		1.275	3.672	287,98
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.800	47.090	152,89
D	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	20.201	25.270	125,09
E	Lao động và thu nhập				
1	Lao động bình quân	Người	351	350	99,72
2	Tiền lương bình quân	đ/n/th	8.976.176	10.323.748	115,01

2- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2021 mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, áp lực cạnh tranh gay gắt từ thị trường tiêu thụ sản phẩm, bên cạnh đó là ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 đến mọi mặt của đời sống xã hội, nhưng với tinh thần lao động sáng tạo, đoàn kết, Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ, NLD đã từng bước tháo gỡ khó khăn, nghiêm chỉnh thực hiện phòng chống dịch theo chỉ đạo các cấp, xây dựng và triển khai các kịch bản điều hành SXKD phù hợp với điều kiện của đơn vị và đã hoàn thành kế hoạch đề ra với Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 835.750 tấn/KH 780.000 tấn = 107,15% kế hoạch giao; doanh thu tiêu thụ sản

phẩm và thu nhập khác thực hiện đạt 660.638 tr.đ/KH 617.379 tr.đ = 107,1% kế hoạch giao; Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thực hiện 47.090 tr. đồng/KH 30.800 tr đồng đạt 152,89% kế hoạch giao. Những nội dung chính Công ty đã thực hiện được.

- Chỉ tiêu sản lượng và doanh thu, lợi nhuận đều hoàn thành vượt mức so với kế hoạch.

- Thiết bị hoạt động ổn định đạt năng suất cao, các chỉ tiêu công nghệ thực hiện đảm bảo kế hoạch đề ra. Đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất.

- Chất lượng sản phẩm khi đưa ra thị trường đáp ứng tốt nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.

- Việc làm và đời sống của người lao động được quan tâm.

- Ban lãnh đạo cùng toàn thể NLĐ Công ty đã vận dụng tối đa các lợi thế, phát huy trí tuệ tập thể tiết kiệm các yếu tố chi phí đầu vào trong sản xuất, áp dụng tốt các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ (*năm 2021 trong toàn công ty có 21 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, các sáng kiến về công tác quản lý mang lại giá trị làm lợi gần 10 tỷ đồng*). Bên cạnh đó Công ty luôn lựa chọn bán hàng tại các vùng thị trường mang lại lợi ích cao do vậy đã mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

3- Dự án đầu tư thực hiện trong năm 2021:

Trong năm 2021 Công ty đã thực hiện đầu tư đảm bảo tiến độ, chất lượng, đúng theo kế hoạch đề ra. Cụ thể:

- Hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 25/01/2021 công trình chuyển tiếp đầu tư hệ thống lọc bụi khu vực đóng bao từ năm 2020 chuyển sang với giá trị 1.183 triệu đồng/Kế hoạch 1.300 triệu đồng. Việc đầu tư đã đem lại hiệu quả khi giảm tối đa lượng bụi thải ra môi trường, đảm bảo môi trường làm việc cho cán bộ NLĐ và các hộ dân sống quanh Nhà máy.

- Đầu tư 01 máy xúc đào bánh xích giá trị 2.514 triệu đồng/Kế hoạch 2.516 triệu đồng, hoàn thành và đưa thiết bị vào vận hành ngày 18/7/2021. Với việc đầu tư máy xúc đào, Công ty đã chủ động trong sản xuất, giảm chi phí thuê ngoài.

4- Tình hình tài chính

- Trong năm Công ty đã quản lý, hạch toán hơn 660 tỷ đồng doanh thu đảm bảo, an toàn tài sản, tiền vốn. Thanh toán tiền lương cho người lao động với tổng chi >40 tỷ đồng kịp thời, nhanh gọn. Tổ chức thực hiện ghi chép, theo dõi việc xuất hàng, viết hóa đơn cho hơn 835.000 tấn sản phẩm đảm bảo chính xác, đầy đủ.

- Kiểm soát, cân đối các nguồn vốn, các khoản vay phải trả, các biện pháp huy động vốn, tổ chức sử dụng vốn hiệu quả trong kinh doanh. Trong năm đã thực hiện trả gốc vay dài hạn là >120 tỷ đồng, gốc vay ngắn hạn >220 tỷ đồng, lãi vay >35 tỷ đồng, công nợ phải trả khách hàng > 500 tỷ đồng đảm bảo an toàn và đúng kỳ hạn.

- Thực hiện hạch toán, kê khai, nộp nghĩa vụ ngân sách nhà nước >25,2 tỷ đồng đúng pháp luật thuế. Không phát sinh số chậm nộp và phạt vi phạm hành chính.

- Hạch toán lỗ lãi trong sản xuất kinh doanh đúng các chuẩn mực kế toán. Đề xuất các phương án xử lý tài chính hợp lý, phù hợp với chính sách quản lý tài chính của Nhà nước, của Công ty và của Tập đoàn.

- Chỉ đạo ghi chép, hạch toán công nợ chi tiết đối với từng khách hàng; hàng ngày giám sát, theo dõi, báo cáo, đôn đốc thu hồi công nợ trong năm mức dư nợ luôn đạt thấp và không có phát sinh nợ xấu.

5- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2021, Công ty đã làm tốt công tác tổ chức cán bộ, thực hiện việc sắp xếp, cơ cấu lao động theo Chỉ thị của cấp trên và kế hoạch của Công ty. Tổng số lao động tính đến hiện tại của Công ty là 349 người/351 người được định biên. Đảm bảo được nguồn nhân lực cho dây chuyền sản xuất.

- Triển khai việc xây dựng, ban hành sửa đổi, bổ sung Quy chế dân chủ ở cơ sở, Nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể... theo đúng quy định.

- Công ty đã thực hiện quản lý, sử dụng quỹ tiền lương đúng quy định và phù hợp với điều kiện của Công ty, xây dựng khoán lương đến từng bộ phận, tổ đội góp phần nâng cao được trách nhiệm của CB-NLĐ trong việc sớm khắc phục sự cố, hỏng vặt thiết bị để sớm đưa máy vào hoạt động, nâng cao sản lượng sản xuất từ đó nâng cao tiền lương, thu nhập cho NLĐ.

- Rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục duy trì, nghiên cứu việc lựa chọn nguyên, nhiên liệu có giá thấp đưa vào sử dụng nhằm hạ giá thành sản phẩm sản xuất.

- Công ty đã có chiến lược tiêu thụ và từng bước chủ động, nắm bắt diễn biến thị trường, các chính sách của đối thủ cạnh tranh để đưa ra những chính sách bán hàng linh hoạt, cơ chế phù hợp để thu hút khách hàng, giữ vững thị trường hiện có và mở rộng được thêm các thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Chú trọng công tác quảng bá và nâng cao hình ảnh thương hiệu của Xi măng Quán Triều bằng các hình thức như: Bổ sung và cấp mới biển hiệu; đầu tư các biển quảng cáo lớn ở các Nhà phân phối lớn, ở các vị trí trung tâm; quảng cáo qua mạng xã hội như zalo, facebook v.v.

- Nhận thấy công tác xây dựng kế hoạch là 1 khâu rất quan trọng trong điều hành sản xuất kinh doanh; bởi vậy Công ty đã lập bản kế hoạch điều hành chi tiết, sát với nguồn lực và tình hình thực tiễn trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh Tổng công ty, HĐQT Công ty giao.

- Hàng Quý, tháng Công ty giao kế hoạch tới các phòng ban, phân xưởng trong Công ty, qua đó hết Quý, tháng phân tích đánh giá các yếu tố cấu thành giá thành sản phẩm, định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, so sánh với giá bán để từ đó đề xuất những giải pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

- Năm 2021 ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết để vượt qua khó khăn trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân, cán bộ trong Công ty đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy hoàn thành tốt công việc được giao.

PHẦN THỨ HAI**NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2022****I/ Đặc điểm tình hình:**

Năm 2022 tình hình kinh tế vĩ mô thế giới và Việt Nam sẽ còn chịu ảnh hưởng lớn từ cú sốc dịch bệnh Covid 19; Căng thẳng chính trị giữa Nga và Ukraine dẫn đến bất ổn về giá dầu tăng phi mã. Cầu về xi măng trong nước dự đoán sẽ khó khăn khi mà dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân; Giá nhiên liệu và vật liệu liên tục tăng cao, đặc biệt, giá than trong nước đã điều chỉnh tăng trong năm 2022.

Trong bối cảnh đó đòi hỏi chúng ta, toàn thể CNVC, NLD và sự đóng góp tích cực của các cổ đông tiếp tục nỗ lực hơn nữa vượt qua khó khăn thách thức để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2022 tạo tiền đề thuận lợi cho Công ty bước vào giai đoạn phát triển mới.

II/ Nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể trong công tác điều hành:**1- Nhiệm vụ thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2022:**

Qua những đánh giá, nhận định về thị trường xi măng năm 2022, trên cơ sở những nguồn lực hiện có; Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI phấn đấu hoàn thành kế hoạch với Các chỉ tiêu chính đề ra như sau:

Stt	Danh mục	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	20.108	
2	Sản lượng Tiêu thụ	Tấn	790.000	
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	633.238	
4	Cổ tức	%	2	
5	Lợi nhuận	Tr.đồng	40.800	
6	Lao động	Người	351	
7	Tiền lương bình quân	Đ/ng.th	10.150.983	

2 - Nhiệm vụ thực hiện công tác đầu tư xây dựng:

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Năm 2022 Công ty dự kiến đầu tư các hạng mục sau:

- Đầu tư vận thăng 2 tấn lên tháp trao đổi nhiệt.
- Đầu tư hệ thống lọc bụi khu vực xả Clinker.

3- Về các giải pháp cụ thể trong công tác điều hành:

- Tuân thủ các quy định về vận hành, có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng định kỳ thiết bị, tăng cường chất lượng bảo dưỡng sửa chữa thiết bị, rà soát tình trạng hoạt động của thiết bị để nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả, tăng năng suất huy động thời gian chạy lò đạt trên 295 ngày.

- Thực hiện các giải pháp hạ giá thành sản phẩm đã đem lại hiệu quả trong năm 2021, tiếp tục tìm nguồn nguyên liệu thay thế nhằm hạ giá thành sản xuất, nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường kỷ luật lao động đối với các cá nhân vi phạm, động viên, khen thưởng kịp thời các cá nhân xuất sắc. Nâng cao ý thức tự giác của người lao động, thực hiện tốt việc sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng quy định, tuyên truyền, vận động người lao động tự bảo vệ mình, bảo vệ đồng đội.

- Tìm mọi biện pháp để giữ ưu thế cạnh tranh, tăng sản lượng tại các địa bàn cốt lõi, phát triển hệ thống đại lý trên các thị trường, nâng cao tỷ trọng tiêu thụ trong khối dân sinh (xi măng bao). Nâng cao sức cạnh tranh để phát huy hết năng lực của dây truyền sản xuất, tận dụng lợi thế để cạnh tranh với các sản phẩm xi măng khác.

- Tăng cường công tác quản lý vùng thị trường nhằm bám sát thị trường hơn nữa, nắm bắt thông tin giá cả thị trường để kịp thời điều chỉnh và đưa ra các chính sách hỗ trợ kịp thời nhất nhằm giữ vững thị trường, thúc đẩy tăng sản lượng tiêu thụ.

- Giải quyết cân đối các nguồn vốn phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo tài chính kịp thời cho việc mua bán nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất cũng như quản lý chặt chẽ các chi phí khác trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Quản lý tốt công tác khoán quản trị, giao chi phí sản xuất chặt chẽ, sát với tình hình thực tế đảm bảo cụ thể, hiệu quả phù hợp giá thành sản xuất. Cung ứng kịp thời, đầy đủ về chủng loại, đảm bảo chất lượng, hợp lý về giá cả vật tư phụ tùng phục vụ sản xuất, có kế hoạch dự trữ vật tư cho SXKD hợp lý giúp quản lý tốt chỉ tiêu tồn kho vật tư, tiết kiệm chi phí sử dụng vốn kinh doanh.

- Đảm bảo quản lý tốt lao động: Rà soát, sắp xếp, sử dụng lao động tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sản xuất. Đảm bảo chế độ, quyền lợi cho NLĐ; Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ, luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, tăng cường vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, tăng cường đào tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm, các kỹ sư công nghệ, chuyên viên kinh tế tạo nguồn nhân lực lâu dài phục vụ sản xuất.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể cùng góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2021, phương hướng nhiệm vụ và một số giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông năm 2022. Kính trình Đại hội xem xét cho ý kiến để triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT;
- UBCKNN, SGDCCKHN;
- Công bố TT trên Website Cty.



Trần Việt Cường



Thái Nguyên, ngày 26 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV (2022-2027)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Báo cáo tài chính các năm (2017-2021) của Công ty đã được Kiểm toán.

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022.

Ban kiểm soát Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong nhiệm kỳ III (2017-2022), kế hoạch hoạt động của ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2022-2027) và kiểm điểm thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 như sau:

I. Tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Nhân sự của Ban kiểm soát:

Nhân sự của Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên, trong nhiệm kỳ có thay đổi một số nhân sự cụ thể như sau:

1. Ông Tạ Văn Long

(Trưởng ban từ 4/2017 – Nay)

2. Bà Phạm Thị Thúy Nga

(Thành viên BKS từ 4/2017 – Nay)

3. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

(Thành viên BKS từ 4/2021 – nay)

4. Ông Lê Minh Hiền

(Thành viên BKS từ 4/2017 – 3/2018)

5. Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

(Thành viên BKS từ 4/2018 – 10/2018)

6. Ông Phạm Đình Tuấn

(Thành viên BKS từ 11/2018 – 3/2021)

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong suốt nhiệm kỳ, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều và Quy chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát trong công tác quản lý, điều hành và giám sát nhằm thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông các năm.

Ban kiểm soát luôn giữ mối quan hệ làm việc đầy đủ, thường xuyên với HĐQT, Ban giám đốc trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám sát các hoạt động để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Pháp luật, thường xuyên trao đổi với HĐQT và Ban giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các Nghị quyết đã được Hội đồng cổ đông thông qua.

- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, giám sát và đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch của Công ty.

- Xem xét và đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch sản xuất kinh của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật của hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

- Thẩm tra các báo cáo tài chính, quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và khách quan, hợp lý của các số liệu tài chính.

Ban kiểm soát đã bám sát các nội dung được thông qua tại các kỳ đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các hoạt động của công ty, chủ động thực hiện việc kiểm tra tình hình hoạt động và tình hình tài chính của công ty.

II. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017-2022:

Giai đoạn từ 2017-2022 là một giai đoạn tiếp tục khó khăn của ngành xi măng nói chung, lượng xi măng sản xuất trong nước dư thừa nhiều, cung vượt xa cầu, cạnh tranh diễn ra hết sức gay gắt. Tuy nhiên, Công ty luôn bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm mà ĐHĐCĐ đã đề ra, tập trung các giải pháp nâng cao năng lực sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tìm kiếm thị trường, đảm bảo chất lượng sản phẩm để từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm, đưa sản phẩm có chỗ đứng trên thị trường để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh:

Danh mục	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
SX và Tiêu thụ	Tấn	700,000	670,576	720,000	781,627	740,000	828,346	760,000	838,098	780,000	818,122
Tổng Doanh thu	tr.đồng	565,373	483,733	548,361	593,534	592,098	664,488	602,870	665,152	617,379	640,136
Lợi nhuận Tổng số	tr.đồng	18,000	-27,889	5,700	5,357	20,000	28,280	25,000	36,673	30,800	47,090
Lao động Bình quân	người	405	377	368	361	361	352	354	354	351	350
Thu nhập Bình quân	Trđ/n/t	6,2	5,6	6,1	6,7	6,7	7,9	7,6	8,9	8,9	10,3
Nộp Ngân sách	tr.đồng	19,926	17,178	18,503	19,303	18,582	23,520	20,819	23,643	20,201	25,270

Nhận xét chung về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 5 năm:

Qua số liệu trên cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty đã có sự tăng trưởng rõ rệt, đặc biệt là các năm gần đây. Công ty đã có nhiều giải pháp trong điều hành quản lý sản xuất kinh doanh

Công ty đã nhận thức rõ và tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc, các yếu kém, tồn tại, thực hiện hàng loạt các giải pháp cải thiện tình hình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Từ giữa năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh đã dần ổn định, hệ thống thiết bị được vận hành trơn tru, xi măng sản xuất đảm bảo chất lượng,

có được chỗ đứng trên thị trường, sản xuất kinh doanh có lãi, thu nhập của người lao động được nâng lên một bước rõ rệt. Sản lượng tiêu thụ tăng dần và ổn định ở mức sản lượng trên 800.000 tấn/năm. Các chỉ tiêu đều đạt và vượt mức so với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông các năm đã đề ra. Đặc biệt, Lỗ lũy kế giảm từ -138,1 tỷ xuống còn - 25,2 tỷ đồng. Dự kiến đến 6 tháng năm 2022, Công ty sẽ bù hết khoản lỗ Lũy kế và kinh doanh có lãi.

2. Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

STT	Danh mục	Đơn	KH theo NQ số 07/NQ-ĐHĐCĐ năm 2021	Thực hiện	So sánh %
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	780.000	835.750	107,1
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	617,378	660,637	107,01
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30,800	47,089	152,89
4	Trả lãi cổ tức	Tr.đồng	0	0	0
5	Lao động bình quân	Người	351	350	99,7
6	Tiền lương bình quân	Đ/ng.th	8.976.176	10.323.748	114,4

- Về sản lượng: Các thiết bị hoạt động đạt năng suất cao. So với cùng kỳ năm 2020, sản lượng sản xuất Clinker tăng 10.528 tấn, tuy nhiên, xi măng tiêu thụ có kết cấu sản phẩm thay đổi đáng kể, sản lượng xi măng tiêu thụ giảm 90.745 tấn (xi măng bao PCB30 giảm 3.719 tấn; xi măng bao PCB40 giảm 50.176 tấn; xi măng bột PC40 giảm 36.908 tấn; xi măng bột PCB 30 tăng 59,2 tấn) nhưng lượng clinker tiêu thụ tăng 130.034 tấn.

- Về giá bán: Trong năm 2021, giá bán xi măng tương đối ổn định. So với kế hoạch, Công ty có tăng được giá bán của các chủng loại xi măng, do vậy, Công ty đảm bảo hoàn thành vượt mức doanh thu và lợi nhuận so với kế hoạch đầu năm.

- Kết quả SXKD: Công ty có lãi trước thuế 47,089 tỷ đồng/30,8 tỷ đồng = 152,89%. Năm 2021, Công ty bảo toàn và phát triển vốn.

+ Hệ số nợ phải trả/vốn CSH là: 2,13 lần/KH 2,43 lần = 88%. So với thực hiện năm 2020 giảm 1,2 lần.

+ Hệ số Khả năng thanh toán nợ đến hạn là 0,18 lần/KH 0,16 lần = 1.11%. So với thực hiện năm 2020 bằng 100%.

+ Dư vay ngắn hạn ngày 31/12/2021 là 59,377 tỷ đồng/KH 89,636 tỷ đồng năm 2021.

+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2021 là 0,22 lần, tăng 0,17 lần so với năm 2020.

+ Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản (ROA) năm 2021 là 0,06 lần, tăng 0,05 lần so với năm 2020.

2. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Ban giám đốc:

1. Hội đồng quản trị:

Hoạt động của Hội đồng quản trị đảm bảo tính tuân thủ và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Các thành viên HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra những quyết định chỉ đạo kịp thời. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2017-2022;

- Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp định kỳ đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của công ty;

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà ĐHCĐ thông qua, bám sát chiến lược của Công ty. Hội đồng quản trị luôn tuân thủ Điều lệ Công ty, pháp luật Nhà nước và đưa ra các giải pháp hữu hiệu giúp Công ty từng bước vượt qua những khó khăn để hoàn thành các chỉ tiêu của ĐHCĐ đề ra.

2. Giám đốc Công ty:

- Cùng với HĐQT, Giám đốc Công ty có những biện pháp chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình;

- Giám đốc đã có nhiều nỗ lực đảm bảo duy trì hoạt động SXKD của công ty. Điều hành, quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động để phục vụ cho SXKD đạt hiệu quả. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động;

- Phân công nhiệm vụ cho các Phó giám đốc để điều hành các hoạt động của Công ty theo từng lĩnh vực;

- Phối hợp với tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể trong Công ty để nâng cao hiệu quả điều hành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

III . Sự phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Ban giám đốc:

- Thực hiện quy chế phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của Tổng công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành của Công ty. Qua các cuộc kiểm tra, Ban kiểm soát có kiến nghị và đề xuất với HĐQT và Ban điều hành để có biện pháp xử lý kịp thời những hạn chế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý;

- Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS. Ban Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty khi có yêu cầu;

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý và giám sát hoạt động SXKD của Công ty.

001
P
M
V
V

mức đã ban hành để kiểm soát chi phí nhằm hạ giá thành sản xuất, tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Nhiệm kỳ 2022-2027 sẽ tiếp tục có rất nhiều khó khăn, Công ty cần sát sao hơn nữa trong việc quản lý điều hành, thường xuyên liên tục cập nhật để kịp thời nắm được những biến động về thị trường, về doanh thu chi phí để có những điều chỉnh thích hợp, thích ứng ngay với tình hình thực tiễn.

- Phát huy tối đa công suất của dây chuyền thiết bị, duy trì bảo dưỡng máy móc, xử lý sự cố kịp thời đảm bảo thiết bị luôn chạy ổn định. Tăng cường cải thiện chất lượng sản phẩm, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin vào sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động.

- Mở rộng và phát triển thị trường. Điều chỉnh chính sách bán hàng linh hoạt trên cơ sở điều hành của Tổng công ty để đem lại hiệu quả cao nhất trong công tác kinh doanh tiêu thụ sản phẩm. Bán hàng theo hướng tập trung có chọn lọc khách hàng, hạn chế bán cho nợ, tuyệt đối không để phát sinh công nợ khó đòi.

- Năm 2022 dự kiến sẽ bù đắp được hết khoản lỗ lũy kế và có lợi nhuận, HĐQT, Ban điều hành cần bám sát hơn nữa Nghị quyết ĐH đồng cổ đông để có các biện pháp điều hành phù hợp nhằm tăng lợi nhuận. Từ đó làm cơ sở để trích lập các quỹ và dự kiến phần chi trả cổ cổ tức cho cổ đông Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2022-2027.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ban kiểm soát quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Kế hoạch hoạt động SXKD của Công ty nhiệm kỳ 2022-2027. Ban kiểm soát đề ra kế hoạch hoạt động như sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2022-2027;

- Soát xét báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm của Công ty. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính các năm của công ty;

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn của chủ sở hữu;

- Tham gia với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thảo luận nội dung chỉ tiêu, cụ thể hoá Nghị quyết ĐHĐCĐ để đề ra các Nghị quyết thực hiện;

- Cùng với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung những vấn đề chưa phù hợp trong Quy chế quản trị của công ty; Phối kết hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong công tác điều hành, quản lý và giám sát các hoạt động của công ty; Giám sát việc thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định.

- Phối hợp với các đoàn kiểm tra của Tổng công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại công ty trong việc thực hiện Quy chế quản trị và các quy định khác của công ty.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Số: 08 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo quyết toán tài chính năm 2021 sau kiểm toán của Công ty Cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2022

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-HĐQT ngày 14/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI V/v Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua;

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2021 và báo cáo quyết toán tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

Căn cứ vào kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán tài chính năm 2021 của Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2021 sau kiểm toán của Công ty.

(Có báo cáo tài chính năm 2021 sau kiểm toán kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và cho biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT;
- Công bố TT trên Website Cty.

**T.M/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMII

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 42



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Trong quá trình hoạt động, các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 4600409377 ngày 14/06/2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4600409377 thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/06/2017 và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	21.228.014	84,91%
Các đối tượng khác	3.771.986	15,09%
Tổng cộng	25.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	Đến hết ngày 25/11/2021 (*)
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	Kể từ ngày 25/11/2021 (*)
- Ông Trần Việt Cường	Ủy viên	
- Ông Hà Văn Chuyển	Ủy viên	
- Ông Đỗ Ngọc Huy	Ủy viên	
- Bà Đỗ Thu Hương	Ủy viên	

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT ngày 25/11/2021.

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Trần Việt Cường	Giám đốc	
- Ông Văn Trọng Tuấn	Phó Giám đốc	Đến hết ngày 01/04/2021 (**)
- Ông Nguyễn Sóng Gió	Phó Giám đốc	
- Ông Đỗ Ngọc Huy	Phó Giám đốc	

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT ngày 23/03/2021.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>		
- Ông Tạ Văn Long	Trưởng ban		
- Bà Phạm Thị Thúy Nga	Ủy viên		
- Ông Phạm Đình Tuấn	Ủy viên	Đến hết ngày 14/04/2021	(***)
- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Ủy viên	Kể từ ngày 14/04/2021	(***)

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2021.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, 28 ngày 02 năm 2022

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



TRẦN VIỆT CƯỜNG

Số: 08 /2022/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI được lập ngày 28 tháng 02 năm 2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2018-242-1

Nguyễn Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0740-2018-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.539.493.410	69.112.370.950
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.468.868.010	6.334.668.634
Tiền	111	5.1	7.468.868.010	6.334.668.634
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.313.573.944	33.367.152.346
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	47.720.349.822	38.829.824.454
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		803.467.240	2.935.889.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.633.521.003	1.660.073.573
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	(9.843.764.121)	(10.058.634.681)
Hàng tồn kho	140	5.5	17.354.806.648	27.924.290.480
Hàng tồn kho	141		17.839.801.832	28.568.510.928
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(484.995.184)	(644.220.448)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.402.244.808	1.486.259.490
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.188.571.088	1.486.259.490
Thuế GTGT được khấu trừ	152		189.529.600	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	24.144.120	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		637.221.054.881	711.047.018.989
Tài sản cố định	220		619.348.388.233	692.539.983.600
TSCĐ hữu hình	221	5.7	603.608.978.295	675.729.166.608
- Nguyên giá	222		1.417.233.957.335	1.414.114.059.001
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(813.624.979.040)	(738.384.892.393)
TSCĐ vô hình	227	5.8	15.739.409.938	16.810.816.992
- Nguyên giá	228		27.115.865.482	27.115.865.482
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(11.376.455.544)	(10.305.048.490)
Tài sản dở dang dài hạn	240		80.000.000	57.745.454
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	80.000.000	57.745.454
Tài sản dài hạn khác	260		17.792.666.648	18.449.289.935
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	17.792.666.648	18.449.289.935
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		703.760.548.291	780.159.389.939

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	300		479.025.844.304	600.147.543.991
Nợ ngắn hạn	310		372.728.768.738	390.754.880.450
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	176.864.895.981	183.365.015.421
Người mua trả tiền trước	312		11.555.439.415	7.298.173.465
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	19.915.585.390	21.945.402.088
Phải trả người lao động	314		12.787.007.554	8.897.707.961
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.077.280.845	855.213.798
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	293.050.420	221.550.834
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	150.235.509.133	168.171.816.883
Nợ dài hạn	330		106.297.075.566	209.392.663.541
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	106.297.075.566	209.392.663.541
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224.734.703.987	180.011.845.948
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	224.734.703.987	180.011.845.948
Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(25.265.296.013)	(69.988.154.052)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(69.988.154.052)	(105.573.627.871)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44.722.858.039	35.585.473.819
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		703.760.548.291	780.159.389.939

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH HẢI



NGUYỄN ANH TUẤN



TRẦN VIỆT CƯỜNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	660.550.264.938	665.131.731.964
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		660.550.264.938	665.131.731.964
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	548.658.921.529	554.020.921.268
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.891.343.409	111.110.810.696
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.300.092	10.145.200
Chi phí tài chính	22	6.4	31.944.097.837	44.311.498.450
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.560.247.050	37.776.735.232
Chi phí bán hàng	24	6.7	9.682.067.372	10.173.519.243
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	23.256.478.251	19.656.619.835
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.016.000.041	36.979.318.368
Thu nhập khác	31	6.5	80.000.000	10.190.819
Chi phí khác	32	6.6	6.462.000	316.815.863
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		73.538.000	(306.625.044)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.089.538.041	36.672.693.324
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	2.366.680.002	1.087.219.505
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		44.722.858.039	35.585.473.819
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.789	1.423
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH HẢI



NGUYỄN ANH TUẤN



TRẦN VIỆT CƯỜNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		47.089.538.041	36.672.693.324
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		76.311.493.701	79.927.124.585
Các khoản dự phòng	03		(374.095.824)	(1.498.157.323)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.300.092)	(10.145.200)
Chi phí lãi vay	06		26.560.247.050	37.776.735.232
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08		149.579.882.876	152.868.250.618
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(6.945.224.758)	(793.317.281)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		10.728.709.096	(10.112.224.331)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		706.119.451	(4.929.673.138)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		954.311.689	6.176.042.843
Tiền lãi vay đã trả	14		(25.913.149.552)	(37.441.559.068)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.861.955.459)	(575.348.582)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		125.248.693.343	105.192.171.061
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(3.089.898.334)	(854.206.151)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.300.092	10.145.200
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.082.598.242)	(844.060.951)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	271.380.065.467	194.031.526.610
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(392.411.961.192)	(299.935.662.965)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(121.031.895.725)	(105.904.136.355)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		1.134.199.376	(1.556.026.245)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.334.668.634	7.890.694.879
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		7.468.868.010	6.334.668.634

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





NGUYỄN MINH HẢI

NGUYỄN ANH TUẤN

TRẦN VIỆT CƯỜNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI là một doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Trong quá trình hoạt động, các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện theo pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 4600409377 ngày 14/06/2017.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (xi măng, gạch xây, ngói, đá, sỏi và vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng và máy khác chưa phân vào đâu);
- Khai thác đá, cát sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Xây dựng công trình đường bộ);
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa đường sắt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số cán bộ công nhân viên Công ty là 349 người, trong đó số nhân viên quản lý là 27 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| - Giá trị nguyên vật liệu | Phương pháp bình quân gia quyền |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác | Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định bằng sản lượng dở dang (bán thành phẩm: xi măng bột, clinker) nhân với (x) đơn giá thực tế trong năm. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 10/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 10 - 25 năm
- Máy móc thiết bị 20 năm
- Phương tiện vận tải 07 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng 05 - 07 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất 25 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa thường xuyên và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay và các khoản chi phí phải trả khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.11 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4600409377 thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày ngày 14/06/2017 và cho đến ngày kết thúc năm tài chính này, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP	212.280.140.000	212.280.140.000	100%
Các cổ đông khác	37.719.860.000	37.719.860.000	100%
Cộng	250.000.000.000	250.000.000.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Công ty áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm từ năm 2014 - 2028, do dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty được miễn thuế trong 4 năm tính từ năm 2014 và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo áp dụng theo khoản 1, điều 20, thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

3440
ÔNG
NHIỆM
PK
ỆT I
QUAN

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	404.387.092	252.324.381
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	7.064.480.918	6.082.344.253
Cộng	<u>7.468.868.010</u>	<u>6.334.668.634</u>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		404.387.092
Cộng		<u>404.387.092</u>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		7.064.480.918
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ</i>		17.053.049
<i>Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.114.006.703
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		2.229.591.323
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.111.739.748
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn, Thái Nguyên</i>		18.745.929
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		2.347.190.290
<i>Ngân hàng VPBank - Chi nhánh thái nguyên</i>		226.153.876
Cộng		<u>7.064.480.918</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.2. Phải thu khách hàng

	<u>31/12/2021</u> (VND)	<u>01/01/2021</u> (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	47.720.349.822	38.829.824.454
Ủy ban nhân dân Huyện Đại Từ	30.698.422.430	21.624.551.550
UBND Huyện Phú Lương	8.386.069.500	8.281.250.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.635.857.892	8.924.022.904
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>47.720.349.822</u>	<u>38.829.824.454</u>

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan : Xem Phụ lục 03 đính kèm

5.3. Phải thu khác

	<u>31/12/2021</u> (VND)		<u>01/01/2021</u> (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.633.521.003	(1.420.194.775)	1.660.073.573	(1.449.194.775)
Tạm ứng	-	-	22.544.000	-
Ông Dương Văn Hường	800.388.864	(800.388.864)	800.388.864	(800.388.864)
Ông Đỗ Viết Thọ	593.805.911	(593.805.911)	598.805.911	(598.805.911)
Ông Nguyễn Trung Hiếu	26.000.000	(26.000.000)	50.000.000	(50.000.000)
Phải thu khác	213.326.228	-	188.334.798	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	<u>1.633.521.003</u>	<u>(1.420.194.775)</u>	<u>1.660.073.573</u>	<u>(1.449.194.775)</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.4. Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	9.843.764.121	-	10.166.595.181	107.960.500
- Từ 3 năm trở lên	9.843.764.121	-	9.834.619.181	-
+ Công ty CP Xây dựng Ngọc Mai	1.452.868.400	-	1.452.868.400	-
+ Công ty CP tư vấn xây dựng Kiến Trúc Việt	1.877.520.010	-	1.877.520.010	-
+ Công ty CP ĐTXD và Thương Mại Nguyên Hồng	895.735.000	-	895.735.000	-
+ Công ty TNHH thương mại và vận tải Hợp Thành	769.562.749	-	769.562.749	-
+ Công ty CP thương mại công nghệ Đức Hùng	512.450.000	-	512.450.000	-
+ Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng 19-8	439.056.000	-	439.056.000	-
+ Ông Dương Văn Hùng	800.388.864	-	800.388.864	-
+ Ông Đỗ Viết Thọ	593.805.911	-	598.805.911	-
+ Đối tượng khác	2.502.377.187	-	2.488.232.247	-
- Từ 2 đến dưới 3 năm	-	-	290.137.500	87.041.250
+ Công ty TNHH vật liệu Phú Sỹ	-	-	290.137.500	87.041.250
- Từ 1 đến dưới 2 năm	-	-	41.838.500	20.919.250
+ Cửa hàng VLXD Hải Vân	-	-	41.838.500	20.919.250

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.457.390.099	(484.995.184)	13.077.174.613	(644.220.448)
Công cụ, dụng cụ	92.783.664	-	56.023.243	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.289.628.069	-	15.435.313.072	-
Cộng	17.839.801.832	(484.995.184)	28.568.510.928	(644.220.448)

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 818.573.316 đồng.

- Nguyên nhân và hướng xử lý: Đây là các vật tư phục vụ sửa chữa, thi công các hạng mục của dây chuyền tồn đọng; Hướng xử lý: tiếp tục tận dụng (nếu được) và thanh lý theo trình tự quản lý vật tư của Công ty.

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Mua sắm	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	80.000.000	57.745.454
<i>Dự án: Đầu tư lọc bụi đóng bao (2 cái 6000m3/h)</i>	-	57.745.454
<i>Dự án: Đầu tư hệ thống lọc bụi khu vực xả Clinker</i>	80.000.000	-
- Sửa chữa	-	-
Cộng	80.000.000	57.745.454

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI
Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	402.249.438.784	1.002.702.597.253	3.233.768.310	5.928.254.654	1.414.114.059.001
- Mua trong năm	-	804.261.970	2.285.636.364	-	3.089.898.334
- Đầu tư XD/CB trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	30.000.000	-	30.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	402.249.438.784	1.003.506.859.223	5.549.404.674	5.928.254.654	1.417.233.957.335
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	189.307.971.408	545.221.522.504	2.002.083.645	1.853.314.836	738.384.892.393
- Khấu hao trong năm	18.970.718.686	55.372.857.326	306.291.178	590.219.457	75.240.086.647
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	208.278.690.094	600.594.379.830	2.308.374.823	2.443.534.293	813.624.979.040
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	212.941.467.376	457.481.074.749	1.231.684.665	4.074.939.818	675.729.166.608
Tại ngày cuối năm	193.970.748.690	402.912.479.393	3.241.029.851	3.484.720.361	603.608.978.295
- Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố					594.068.215.630
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng					117.172.532.100
- Nguyên giá TSCĐ chờ thanh lý					-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	27.115.865.482	-	27.115.865.482
Số dư cuối năm	27.115.865.482	-	27.115.865.482
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	10.305.048.490	-	10.305.048.490
- Khấu hao trong năm	1.071.407.054	-	1.071.407.054
Số dư cuối năm	11.376.455.544	-	11.376.455.544
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	16.810.816.992	-	16.810.816.992
Tại ngày cuối năm	15.739.409.938	-	15.739.409.938

5.9. Chi phí trả trước

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a. Ngắn hạn	1.188.571.088	1.486.259.490
Chi phí sửa chữa	100.863.565	41.483.976
Công cụ, dụng cụ	920.391.531	1.281.502.016
Các khoản khác	167.315.992	163.273.498
b. Dài hạn	17.792.666.648	18.449.289.935
Chi phí sửa chữa	5.089.132.203	10.818.822.402
Công cụ, dụng cụ	12.703.534.445	7.630.467.533
Cộng	18.981.237.736	19.935.549.425

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI
Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.10. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2021 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	71.114.866.493	71.114.866.493	253.102.509.760	264.839.619.015	59.377.757.238	59.377.757.238
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thái Nguyên</i>	<i>31.787.560.592</i>	<i>31.787.560.592</i>	<i>83.733.607.580</i>	<i>101.935.693.514</i>	<i>13.585.474.658</i>	<i>13.585.474.658</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên</i>	<i>39.327.305.901</i>	<i>39.327.305.901</i>	<i>134.774.763.889</i>	<i>136.720.553.116</i>	<i>37.381.516.674</i>	<i>37.381.516.674</i>
<i>Ngân hàng VPBank Thái Nguyên</i>	-	-	<i>34.594.138.291</i>	<i>26.183.372.385</i>	<i>8.410.765.906</i>	<i>8.410.765.906</i>
b. Gốc vay dài hạn	306.449.613.931	306.449.613.931	18.277.555.707	127.572.342.177	197.154.827.461	197.154.827.461
Từ 1 đến 5 năm	306.449.613.931	306.449.613.931	18.277.555.707	127.572.342.177	197.154.827.461	197.154.827.461
<i>Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên</i>	<i>172.029.729.070</i>	<i>172.029.729.070</i>	-	<i>68.782.729.070</i>	<i>103.247.000.000</i>	<i>103.247.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tây Hồ</i>	<i>102.000.000.000</i>	<i>102.000.000.000</i>	-	<i>45.000.000.000</i>	<i>57.000.000.000</i>	<i>57.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thái Nguyên</i>	<i>23.675.553.328</i>	<i>23.675.553.328</i>	<i>1.817.600.000</i>	<i>9.470.221.320</i>	<i>16.022.932.008</i>	<i>16.022.932.008</i>
<i>Vay dài hạn CBCNV</i>	<i>8.744.331.533</i>	<i>8.744.331.533</i>	<i>16.459.955.707</i>	<i>4.319.391.787</i>	<i>20.884.895.453</i>	<i>20.884.895.453</i>
Cộng	377.564.480.424	377.564.480.424	271.380.065.467	392.411.961.192	256.532.584.699	256.532.584.699

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI
Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	01/01/2021 (VND)		31/12/2021 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	97.056.950.390	97.056.950.390	90.857.751.895	90.857.751.895
<i>Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên</i>	<i>51.586.729.070</i>	<i>51.586.729.070</i>	<i>51.588.000000</i>	<i>51.588.000000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tây Hồ</i>	<i>36.000.000.000</i>	<i>36.000.000.000</i>	<i>27.000.000.000</i>	<i>27.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thái Nguyên</i>	<i>9.470.221.320</i>	<i>9.470.221.320</i>	<i>9.870.221.320</i>	<i>9.870.221.320</i>
<i>Vay dài hạn CBCNV</i>	-	-	2.399.530.575	2.399.530.575
d. Số dư tại thời điểm lập BCTC	377.564.480.424	377.564.480.424	256.532.584.699	256.532.584.699
d.1 Vay và nợ ngắn hạn	168.171.816.883	168.171.816.883	150.235.509.133	150.235.509.133
d.2 Vay và nợ dài hạn	209.392.663.541	209.392.663.541	106.297.075.566	106.297.075.566

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.11. Phải trả người bán

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	176.864.895.981	176.864.895.981	183.365.015.421	183.365.015.421
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	55.040.125.741	55.040.125.741	60.381.966.575	60.381.966.575
Công ty Than Núi Hồng - VVMI	68.265.680.802	68.265.680.802	70.937.270.486	70.937.270.486
Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	28.702.527.794	28.702.527.794	28.420.300.390	28.420.300.390
Các nhà cung cấp khác	24.856.561.644	24.856.561.644	23.625.477.970	23.625.477.970
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	176.864.895.981	176.864.895.981	183.365.015.421	183.365.015.421
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	41.319.237.061	41.319.237.061
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	-	-	40.381.966.575	40.381.966.575
Công ty than Núi Hồng - VVMI	-	-	937.270.486	937.270.486
Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	-	-	-	-
d. Phải trả người bán là các bên liên quan : Xem Phụ lục 03 đính kèm				



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.12. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2021 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	20.351.384.890	22.709.555.479	23.220.057.990	19.840.882.379
Thuế thu nhập cá nhân	13.523.089	113.713.002	119.213.082	8.023.009
Thuế tài nguyên	18.538.650	35.261.010	53.799.660	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.561.955.459	2.366.680.002	3.861.955.459	66.680.002
Thuế đất và tiền thuê đất	-	10.454.553	10.454.553	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	34.072.750	34.072.750	-
Cộng	21.945.402.088	25.269.736.796	27.299.553.494	19.915.585.390
b. Phải thu				
Thuế tài nguyên	-	-	24.144.120	24.144.120
Cộng	-	-	24.144.120	24.144.120

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI**

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.13. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2021</u> (VND)	<u>01/01/2021</u> (VND)
a. Ngắn hạn	1.077.280.845	855.213.798
Lãi vay	962.282.845	729.479.498
Các khoản trích trước khác	114.998.000	125.734.300
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>1.077.280.845</u>	<u>855.213.798</u>

5.14. Phải trả khác

	<u>31/12/2021</u> (VND)	<u>01/01/2021</u> (VND)
a. Ngắn hạn	293.050.420	221.550.834
Kinh phí công đoàn	101.916.106	102.268.420
Đoàn phí công đoàn	33.506.559	5.567.625
Các khoản phải trả, phải nộp khác	157.627.755	113.714.789
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>293.050.420</u>	<u>221.550.834</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI**

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.15. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	250.000.000.000	(105.573.627.871)	144.426.372.129
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	35.585.473.819	35.585.473.819
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	250.000.000.000	(69.988.154.052)	180.011.845.948
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	44.722.858.039	44.722.858.039
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm nay	250.000.000.000	(25.265.296.013)	224.734.703.987

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
	(VND)	(VND)
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	212.280.140.000	212.280.140.000
Vốn góp của đối tượng khác	37.719.860.000	37.719.860.000
Cộng	250.000.000.000	250.000.000.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	250.000.000.000	250.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	250.000.000.000	250.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/cổ phiếu	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	660.550.264.938	665.131.731.964
Doanh thu bán hàng	656.965.798.748	661.978.411.225
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.584.466.190	3.153.320.739

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	545.394.257.228	550.850.692.818
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.423.889.565	2.984.809.479
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(159.225.264)	185.418.971
Cộng	548.658.921.529	554.020.921.268

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền gửi	7.300.092	10.145.200
Cộng	7.300.092	10.145.200

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí lãi vay	26.560.247.050	37.776.735.232
Chiết khấu thanh toán, lãi trả chậm	5.383.850.787	6.534.763.218
Cộng	31.944.097.837	44.311.498.450

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Các khoản khác	80.000.000	10.190.819
Cộng	80.000.000	10.190.819

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.6 Chi phí khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Các khoản bị phạt	-	38.186.363
Giá trị bị loại khỏi QT TSCĐ	-	278.629.500
Các khoản khác	6.462.000	-
Cộng	6.462.000	316.815.863

6.7 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.471.348.811	21.340.196.129
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, động lực	1.940.754.805	1.666.842.055
Chi phí dụng cụ	266.065.505	166.267.472
Chi phí nhân công	12.243.004.058	10.862.397.071
Chi phí khấu hao TSCĐ	541.478.269	482.358.242
Thuế và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.032.399.135	2.304.352.414
Chi phí khác bằng tiền	6.444.647.039	5.854.978.875
b. Chi phí bán hàng	9.682.067.372	10.173.519.243
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	592.105.924	669.957.292
Chi phí nhân công	5.845.679.198	5.378.700.691
Chi phí khấu hao TSCĐ	363.544.730	301.383.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	322.000.000	1.948.865.181
Chi phí khác bằng tiền	2.558.737.520	1.874.612.808
c. Các khoản ghi giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp	(214.870.560)	(1.683.576.294)
Hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu	(214.870.560)	(1.683.576.294)

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	406.404.021.408	428.386.298.823
Chi phí nhân công	50.636.143.538	45.013.801.342
Chi phí khấu hao TSCĐ	76.311.493.701	79.927.124.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.870.691.984	10.577.707.309
Chi phí khác bằng tiền	34.437.072.658	27.781.220.384
Cộng	575.659.423.289	591.686.152.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.089.538.041	36.672.693.324
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	244.062.000	566.415.863
<i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>244.062.000</i>	<i>566.415.863</i>
- Tổng thu nhập chịu thuế	47.333.600.041	37.239.109.187
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	47.333.600.041	37.239.109.187
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.733.360.004	3.723.910.919
- Thuế TNDN được miễn giảm (thuế suất ưu đãi miễn giảm 50%) <i>(Thuế TNDN được giảm theo TT96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015)</i>	(2.366.680.002)	(1.861.955.459)
- Thuế TNDN được giảm theo NĐ 68	-	(774.735.955)
- Thuế TNDN phải nộp	2.366.680.002	1.087.219.505
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.366.680.002	1.087.219.505

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	44.722.858.039	35.585.473.819
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	44.722.858.039	35.585.473.819
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.789	1.423

10-C
 TỶ
 HỮU
 AM
 T.P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 271.380.065.467 VND

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường 392.411.961.192 VND

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI**

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2021			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.468.868.010	-	7.468.868.010
Phải thu khách hàng	47.720.349.822	-	47.720.349.822
Phải thu khác	1.633.521.003	-	1.633.521.003
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(9.843.764.121)	-	(9.843.764.121)
Tổng cộng	46.978.974.714	-	46.978.974.714
Ngày 31/12/2021			
Các khoản vay và nợ	150.235.509.133	106.297.075.566	256.532.584.699
Phải trả người bán	176.864.895.981	-	176.864.895.981
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	1.370.331.265	-	1.370.331.265
Tổng cộng	328.470.736.379	106.297.075.566	434.767.811.945
Chênh lệch thanh khoản thuần	(281.491.761.665)	(106.297.075.566)	(387.788.837.231)
Ngày 01/01/2021			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.334.668.634	-	6.334.668.634
Phải thu khách hàng	38.829.824.454	-	38.829.824.454
Phải thu khác	1.637.529.573	-	1.637.529.573
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(10.058.634.681)	-	(10.058.634.681)
Tổng cộng	36.743.387.980	-	36.743.387.980
Ngày 01/01/2021			
Các khoản vay và nợ	168.171.816.883	209.392.663.541	377.564.480.424
Phải trả người bán	183.365.015.421	-	183.365.015.421
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	1.076.764.632	-	1.076.764.632
Tổng cộng	352.613.596.936	209.392.663.541	562.006.260.477
Chênh lệch thanh khoản thuần	(315.870.208.956)	(209.392.663.541)	(525.262.872.497)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý:

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI
Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	49.353.870.825	40.467.354.027	39.510.106.704	30.408.719.346
<i>Phải thu khách hàng</i>	47.720.349.822	38.829.824.454	39.296.780.476	30.220.384.548
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.633.521.003	1.637.529.573	213.326.228	188.334.798
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.468.868.010	6.334.668.634	7.468.868.010	6.334.668.634
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	7.468.868.010	6.334.668.634	7.468.868.010	6.334.668.634
Tổng cộng	56.822.738.835	46.802.022.661	46.978.974.714	36.743.387.980
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	256.532.584.699	377.564.480.424	256.532.584.699	377.564.480.424
<i>Phải trả người bán</i>	176.864.895.981	183.365.015.421	176.864.895.981	183.365.015.421
<i>Phải trả khác</i>	1.370.331.265	1.076.764.632	1.370.331.265	1.076.764.632
Tổng cộng	434.767.811.945	562.006.260.477	434.767.811.945	562.006.260.477

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xi măng, clinker, hoạt động kinh doanh dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% về doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này), do đó công ty không trình bày báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Giao dịch với các bên liên quan

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ lục 01: Bảng kê hàng hoá, dịch vụ bán với bên liên quan
- Phụ lục 02: Bảng kê mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ với bên liên quan;
- Phụ lục 03: Bảng kê các khoản phải thu, phải trả với bên liên quan;

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

	Năm 2021
	(VND)
Lương, thưởng của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	1.236.960.000
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	636.600.000
Tổng cộng	1.873.560.000

8.4 Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN MINH HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN ANH TUẤN

GIÁM ĐỐC



TRẦN VIỆT CƯỜNG

BẢNG KÊ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN VỚI BÊN LIÊN QUAN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

TT	Tên đơn vị mua	Nội dung	Giá trị
A	B	C	VND
1	Công ty cổ phần Cơ Khí Mỏ Việt Bắc - VVMI		283.018.272
		<i>Xi măng PCB30+40</i>	3.163.636
		<i>Sắt thép phế liệu</i>	279.854.636
2	Công ty Than Khánh Hòa - VVMI		62.427.273
		<i>Xi măng PCB30+40</i>	62.427.273
	Tổng cộng		345.445.545

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





NGUYỄN MINH HẢI

NGUYỄN ANH TUẤN

TRẦN VIỆT CƯỜNG

BẢNG KÊ MUA VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Nội dung	Giá trị mua trong năm
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP		101.235.431.486
		Nhập than cám	98.642.426.800
		Lãi chậm trả	2.593.004.686
2	Công ty Than Núi Hồng - VVMI		41.945.934.491
		Nhập vỏ bao	40.909.050.000
		Vận chuyển	940.071.400
		Lãi chậm trả	69.635.818
		Chi phí hội trường, ăn nghỉ	27.177.273
3	Công ty Than Khánh Hòa - VVMI		21.752.475.911
		Nhập đá vôi thải, đá thải sau tuyển nước và đất sét thải	21.607.912.273
		Chi phí rửa xe tiêu thụ	144.563.638
4	Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên VVMI		1.293.955.855
		Chi phí lưu trú	30.125.455
		Nhập hàng	1.263.830.400
5	Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	Nhập dầu diezen	1.534.465.556
6	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin	Chi phí Tư vấn và Lập báo cáo	285.081.620
7	Công ty cổ phần VLXD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	Chi phí thuê kho	240.000.000
8	Công ty nhiệt điện Cao Ngạn TKV - CN Tổng CTY điện lực TKV - CTCP	Chi phí điện năng	473.814.076
9	Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	Kinh phí đào tạo	63.300.680
10	Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI		2.927.655.429
		Nhập vật tư	1.430.992.000
		Chi phí sửa chữa	1.496.663.429
11	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI	Nhập xi măng bột	1.990.450.909
12	Bệnh viện Than - Khoáng sản	CP khám sức khỏe định kỳ	323.692.200
13	Công ty Vật tư hóa chất mỏ Hà Nội - CN Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	Nhập bảo hộ lao động	241.566.800
14	Chi nhánh Hà Nội - Công ty cổ phần Vật tư - TKV	Nhập dầu Cominlub	76.055.100
	TỔNG CỘNG		174.383.880.113

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





NGUYỄN MINH HẢI

NGUYỄN ANH TUẤN

TRẦN VIỆT CƯỜNG

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI BÊN LIÊN QUAN
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VNĐ

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ	
		131	331
A	B	1	
A	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN		
I	Nợ phải thu	108.120.648	-
1	Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	108.120.648	-
II	Nợ phải trả	-	152.829.507.652
1	Công ty Than Núi Hồng - VVMI	-	68.265.680.802
2	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	-	55.040.125.741
3	Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	-	28.702.527.794
4	Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	-	456.699.617
5	Công ty CP VLXD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	-	66.000.000
6	Công ty nhiệt điện Cao Ngạn TKV - CN Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP	-	43.126.530
7	Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	-	10.429.500
8	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin	-	88 000 000
9	Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	-	156 917 668
B	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-
I	Nợ phải thu	-	-
II	Nợ phải trả	-	-

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN MINH HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN ANH TUẤN

GIÁM ĐỐC



TRẦN VIỆT CƯỜNG

Số: 07 /TTr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc quyết toán chi trả thù lao năm 2021 và kế hoạch
chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2022

Căn cứ và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI;

Để đảm bảo gắn trách nhiệm với quyền lợi của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong công tác điều hành, giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022 như sau:

1. Quyết toán chi trả thù lao năm 2021 cho HĐQT, BKS:

Chức danh	Số người	Kế hoạch (đồng/tháng)	Thực hiện (đồng/tháng)	T/H năm 2021 (đ)
1. Chủ tịch HĐQT				
Ngô Ngọc Sơn (11 tháng)	1	4.560 000	4.560 000	50 160 000
Nguyễn Văn Dũng (1 tháng)	1	4 560.000	4 560.000	4 560.000
2. Thành viên HĐQT				
Hà Văn Chuyển (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48 000 000
Đỗ Ngọc Huy (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48 000 000
Trần Việt Cường (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48 000 000
Đỗ Thu Hương (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48 000 000
3. Thành viên BKS				
Phạm Thúy Nga (12 tháng)	1	3 620 000	3 620 000	43 440 000
Nguyễn Thị Hồng Nhung (8,5 tháng)	1	3 620 000	3 620 000	30 770 000
Phạm Đình Tuấn (3,5 tháng)	1	3 620 000	3 620 000	12 670 000

Tổng Cộng				333.600.000
------------------	--	--	--	--------------------

2. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2022 cho HĐQT, BKS:

Chức danh	Số người	Kế hoạch (đồng/tháng)	KH năm 2022 (đồng/năm)
1. Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000	57.120.000
2. Thành viên HĐQT	4	4.000.000	192.000.000
3. Thành viên BKS	2	4.000.000	96.000.000
4. Thư ký HĐQT	1	3.000.000	36.000.000
Tổng Cộng			381.120.000

(Đây là mức tối thiểu, trong năm căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các Người quản lý công ty (NQL) được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của NQL)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Số: 02 /TTr- BKS

TỜ TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2022
Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2022

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI ban hành kèm theo Quyết định số 09//2021/QĐ-HĐQT ngày 14/4/2021 đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua;

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

Ban kiểm soát xin đề xuất tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Chọn một đơn vị kiểm toán hoạt động tại Việt Nam.
- Là một trong những công ty kiểm toán có uy tín về chất lượng kiểm toán; có nhiều kinh nghiệm kiểm toán các BCTC theo các chuẩn mực kế toán, hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS).
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm; đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán, có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Ban Kiểm soát xin đề xuất 03 đơn vị kiểm toán có uy tín sau đây để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Công ty năm 2022 như sau:

- Công ty TNHH PKF Việt Nam;
- Công ty TNHH kiểm toán BDO;



- Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.

3. Đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán

Với các đề xuất nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Các tiêu thức nêu tại mục 1 Tờ trình và danh sách 03 đơn vị kiểm toán độc lập nêu tại mục 2 tờ trình để làm căn cứ lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các BCTC trong năm 2022 của Công ty
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong ba (3) công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất của Ban kiểm soát tại Tờ trình này và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét các BCTC năm 2022 của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, biểu quyết thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, TGD;
- Công bố trên Website Cty;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Tạ Văn Long

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2022
của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2022 cụ thể như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022
1	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	20.108
2	Sản lượng Tiêu thụ	Tấn	790.000
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	633.238
4	Cổ tức	%	2
5	Lợi nhuận	Tr.đồng	40.800
6	Lao động bình quân	Người	351
7	Tiền lương bình quân	Đ/ng.th	10.150.983

2. Kế hoạch ĐTXD năm 2022:

STT	Hạng mục	ĐVT	Thành tiền
1	Đầu tư vận thăng 2 tấn lên tháp trao đổi nhiệt	Tr.đồng	1.812
2	Đầu tư hệ thống lọc bụi khu vực xả Clinker	Tr.đồng	2.111
	Tổng cộng		3.923

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và cho biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT;
- Công bố TT trên Website Cty.

**T.M/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

Số: 05 /TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bảo lãnh
cho Công ty vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2022

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020.

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-HĐQT ngày 14/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI V/v Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua;

Căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 của đơn vị.

Với mục đích đảm bảo vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022 xem xét và thông qua nội dung sau:

Đồng ý đề nghị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bảo lãnh cho Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI vay vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh năm 2022 của đơn vị tại các đơn vị tổ chức tín dụng khi có nhu cầu vay vốn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

Số: 04 /TTr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch của Công ty với những đối tượng có lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 167 - Luật Doanh nghiệp

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI;

Theo quy định tại Điều 167 - Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty: Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng có liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận nếu giá trị hợp đồng lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc được HĐQT chấp thuận nếu giá trị hợp đồng nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

Theo đó, Các hợp đồng, giao dịch Công ty ký với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn và trong Tổng công ty được xác định là các hợp đồng ký với các đối tượng có liên quan, tuy nhiên, giá trị hợp đồng đều nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất nhưng các thành viên HĐQT đều là đại diện cho pháp nhân là Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc nên không có quyền biểu quyết chấp thuận các hợp đồng này.

Do đó, HĐQT trình Đại hội xem xét, ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch của Công ty với những đối tượng có lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 167 - Luật Doanh nghiệp để Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và báo cáo các việc thực hiện các hợp đồng liên quan vào kỳ ĐHĐCĐ thường niên hàng năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022 Công ty xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XI MĂNG
QUẢN TRIỀU
VVMI
Nguyễn Văn Dũng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DỰ THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐÁ VÔI THẢI

Số:...../HĐ/TKH - XMQT

- Căn cứ Luật Thương mại có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Quyết định số/QĐ-XMQT ngày/...../202... của Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI V/v phê duyệt dự toán đơn hàng và kế hoạch mua sắm nguyên liệu phục vụ sản xuất Clinker năm 2022, thuộc kế hoạch SXKD năm 2022;

- Căn cứ biên bản thương thảo V/v thực hiện đơn hàng số 01 Cung cấp đá vôi thải làm nguyên liệu sản xuất Clinker năm 2022 giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI và Công ty than Khánh Hòa VVMI ngày/...../2022.

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 202....., tại Văn phòng Công ty than Khánh Hòa - VVMI, chúng tôi gồm có:

1. BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI (Gọi tắt là bên A)

- Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: 0208 3843 185 Fax: 0208 3843 185
- Tài khoản: 114000028142 Ngân hàng Công thương Thái Nguyên
- Mã số thuế: 4600409377
- Đại diện: Ông Trần Việt Cường Chức vụ: Giám đốc

2. BÊN BÁN: CÔNG TY THAN KHÁNH HÒA-VVMI (Gọi tắt là bên B)

- Địa chỉ: Xã Sơn Cẩm – TP Thái Nguyên – Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: 0208 3844 226 Fax: 0208 3844 048
- Tài khoản: 115000022938 Ngân hàng TMCP Công Thương Thái Nguyên
- Mã số thuế: 0100100015-024
- Đại diện: Ông Bùi Ngọc Hùng Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau trao đổi và thống nhất ký kết hợp đồng mua bán với những điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

- Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán đá vôi thải để làm nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất cho nhà máy xi măng Quán Triều năm 2022 như sau:

Stt	Danh mục	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/tấn)	Thành tiền (đồng)
1	Đá vôi thải	Tấn	790.935	27.700	21.908.899.500
	Thuế VAT				2.190.889.950
	Tổng giá trị sau thuế				24.099.789.450



(Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm chín tám nghìn, hai trăm mười sáu đồng)

- Khối lượng trên là khối lượng tạm tính, khối lượng thực tế theo nhu cầu phục vụ sản xuất của bên A tại từng thời điểm.

- Đơn giá bán đá vôi thải nội bộ dùng cho sản xuất xi măng của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP phê duyệt. Trong trường hợp đơn giá bán trên thay đổi, hai bên thống nhất điều chỉnh thông qua Phụ lục hợp đồng.

- Loại Hợp đồng: Theo đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2022 đến hết 31/12/2022

Điều 2: Chất lượng đá vôi

- Đá vôi thải dùng để làm nguyên liệu sản xuất cho Nhà máy xi măng Quán Triều yêu cầu phải có thành phần hóa học thỏa mãn các chỉ tiêu cụ thể sau:

STT	Chỉ tiêu thành phần	Giá trị (%)
1	Hàm lượng CaO	≥ 46
2	Hàm lượng MgO	≤ 2

- Đá vôi không lẫn các tạp chất có hại cho thiết bị gia công của bên A như sắt thép và các tạp chất có ảnh hưởng đến chất lượng khác.

- Kích thước đá vôi thải trước khi đưa vào nhập kho chiều lớn nhất < 800 (mm). Nếu vượt quá kích thước trên gây ách tắc sản xuất và hư hỏng thiết bị của bên A thì bên B phải chịu toàn bộ chi phí thiệt hại.

- Chất lượng đá vôi thải được kết hợp giám sát của hai bên, bên A sẽ cử đại diện đến tại khai trường bên B kiểm tra sơ bộ đánh giá và phân loại chất lượng. Sau khi đánh giá bên A thông báo cho bên B để bên B tiến hành tập kết về các bãi chứa có chất lượng tương đồng hoặc đổ thải, trong quá trình tập kết nếu chất lượng không như khảo sát thì bên A sẽ thông báo phương án điều chỉnh cho bên B.

- Hai bên phối hợp quy hoạch bãi chứa để có hai khu vực chứa đá có hai khoảng chất lượng khác nhau nhằm phục vụ cho quá trình tập kết và đồng nhất.

- Chất lượng đá vôi thải cụ thể được kiểm nghiệm phân tích tại phòng hóa nghiệm bên A làm căn cứ nghiệm thu.

Điều 3: Giao nhận, vận chuyển

- Bên B có trách nhiệm bốc dỡ và vận chuyển đá vôi thải đổ vào phễu tiếp liệu thuộc trạm nghiền sản xuất theo hướng dẫn của bên A.

- Cuối mỗi ngày hai bên làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán qua cân băng tải của bên B làm cơ sở phát hành hoá đơn tài chính.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1 Trách nhiệm bên A:

- Thông báo nhu cầu nhập hàng cho bên B trước 03 ngày để bên B có kế hoạch chuẩn bị đủ số lượng, chất lượng và thời gian giao nhận.

- Chuẩn bị đủ điều kiện kho bãi, thiết bị hoạt động tốt để bên B thuận lợi trong việc cấp đá tại phễu tiếp liệu trạm đập.

- Cuối mỗi ngày cùng bên B làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán qua cân băng tải làm cơ sở phát hành hoá đơn thanh toán giữa hai bên.

- Nghiệm thu số lượng, chất lượng hàng hóa và thanh toán, bù trừ giá trị thực hiện hợp đồng cho bên B.



4.2 Trách nhiệm bên B:

- Bên B cung cấp đá vôi thái đúng tiên độ; số lượng, chất lượng theo yêu cầu của bên A trên cơ sở hợp đồng ký kết.
- Cuối mỗi ngày cùng bên A làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán qua cân băng tải làm cơ sở phát hành hoá đơn thanh toán giữa hai bên.
- Phối hợp với bên B để đối chiếu khối lượng, giá trị thanh toán và bù trừ công nợ.

Điều 5: Thanh toán

5.1. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 45 ngày khi bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, bao gồm:

- + Hóa đơn GTGT do bên B phát hành theo quy định .
- + Biên bản giao nhận khối lượng hàng hóa.
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ.
- Đơn vị thụ hưởng: CÔNG TY THANH KHÁNH HÒA-VVMI.

Tài khoản: 115000022938 Ngân hàng TMCP Công Thương Thái Nguyên.

5.2. Bên B đồng ý cho bên A được nợ một khoản thanh toán tiền hàng với hạn mức là 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) trong khoảng thời gian 45 ngày. Theo đó bên A sẽ phải thực hiện việc thanh toán giá trị tiền hàng phát sinh đảm bảo rằng không nợ vượt hạn mức số tiền trên. Trường hợp bên A chậm thanh toán thì bên A phải trả lãi suất bằng lãi suất tiền vay ngắn hạn ngân hàng do Vietinbank công bố tại thời điểm đó.

Điều 6: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này, trong quá trình thực hiện có vấn đề gì phát sinh hai bên thông báo cho nhau kịp thời cùng giải quyết bằng thương lượng. Nếu bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường bằng vật chất và chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành của nhà nước. Nếu hai bên không tự giải quyết được tranh chấp bằng thương lượng thì đưa vụ việc ra tòa án tỉnh Thái Nguyên để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thi hành, phí và các chi phí phát sinh trong quá trình kiện tụng sẽ do bên thua kiện chịu.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến 31 tháng 12 năm 2022, hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng hai bên hoàn tất nghĩa vụ pháp lý đối với nhau thì Hợp đồng coi như được thanh lý.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**

Trần Việt Cường

Bùi Ngọc Hùng





Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2021

DU THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN

/HĐMB – KHTT - XMQT

Về việc mua bán đá thải sau tuyển nước

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 năm 2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

- Căn cứ vào Luật Thương mại số: 36/2005/QH11 sửa đổi đã được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005;

- Căn cứ Quyết định số: /QĐ – CMV ngày tháng năm 202... của Tổng Giám đốc Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV – CTCP V/v tạm giao các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV – CTCP.

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMQT ngày / /202 của Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI V/v phê duyệt dự toán đơn hàng và kế hoạch mua sắm nguyên liệu phục vụ sản xuất Clinker năm 2022, thuộc kế hoạch SXKD năm 2022;

- Căn cứ biên bản thương thảo V/v thực hiện đơn hàng số 02 Cung cấp đá thải sau tuyển nước làm nguyên liệu sản xuất Clinker năm 2022 giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI và Công ty than Khánh Hòa VVMI ngày / /202 .

Hôm nay, tại văn phòng Công ty than Khánh hòa – VVMI thành phần tham gia ký kết Hợp đồng gồm có:

I. CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI (Gọi tắt là bên A)

Địa chỉ: Xã An Khánh , H. Đại Từ, T. Thái Nguyên

Điện thoại: 0208 3843185

Fax: 02083843185

Số tài khoản : 114000028142 tại NHTMCP Công Thương- CN Thái Nguyên

Mã số thuế: 4600409377

Đại diện : Ông Trần Việt Cường

Chức vụ: Giám Đốc

II/ CÔNG TY THAN KHÁNH HOÀ - VVMI (Gọi tắt là bên B)

Địa chỉ: Xã Sơn Cẩm – TP. Thái Nguyên – tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại số: 02083 844 226

Fax: 02083 844 048

Tài khoản số: 115000022938 tại NH TM CP Công Thương - CN Thái Nguyên

Mã số thuế: 0100100015 – 024

Đại diện: Ông Bùi Ngọc Hùng

- Chức vụ: Giám đốc Công ty

Hai bên cùng nhau trao đổi, thoả thuận ký kết Hợp đồng mua bán với các điều khoản:

Điều 1: Nội dung công việc:

- Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán đá thải sau tuyển nước để làm nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất cho nhà máy xi măng Quán Triều năm 2022 như sau:

Stt	Danh mục	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/tấn)	Thành tiền (đồng)
1	Đá thải sau tuyển nước (độ tro Ak \geq 70%)	Tấn	86.140	32.900	2.834.006.000
	Thuế VAT				283.400.600
	Tổng giá trị sau thuế				3.117.406.600

(Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm mười bảy triệu, bốn trăm linh sáu nghìn, sáu trăm đồng chẵn)

- Khối lượng trên là khối lượng tạm tính, khối lượng thực tế theo nhu cầu phục vụ sản xuất của bên A tại từng thời điểm.

- Đơn giá bán đá thải sau tuyển nước nội bộ dùng cho sản xuất xi măng của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP phê duyệt. Trong trường hợp đơn giá bán trên thay đổi, hai bên thống nhất điều chỉnh thông qua Phụ lục hợp đồng.

- **Loại Hợp đồng:** Theo đơn giá cố định

- **Thời gian thực hiện:** Từ ngày 01/01/2022 đến hết 31/12/2022

Điều 2: Địa điểm, phương thức giao nhận hàng

2.1 Địa điểm giao nhận: Trên phương tiện vận chuyển của bên A tại khu tập kết đá thải sau tuyển nước của bên B.

2.2 Hình thức giao nhận: Qua cân điện tử của bên B (thực hiện như quy trình mua bán sản phẩm than)

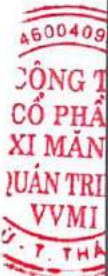
Điều 3: Trách nhiệm các bên

3.1 Trách nhiệm của bên A:

- Đăng ký số lượng hàng dự kiến mua trong tháng với bên B trước 03 ngày.
- Đăng ký số lượng xe thực hiện vận chuyển khối lượng đá thải sau tuyển nước với bên B. Xe vận chuyển phải dán phù hiệu của bên A.
- Xe vào bãi nhận hàng phải tuân thủ chấp hành đúng các nội quy, quy định của bên B.
- Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác an toàn cho người, thiết bị trong quá trình vận chuyển từ kho bãi của bên B đến vị trí tập kết hàng của bên A.
- Quản lý khối lượng hàng trên đường vận chuyển, chỉ sử dụng khối lượng đá thải sau tuyển mua theo hợp đồng này để sản xuất clinke của đơn vị mình, không được bán cho đơn vị khác.
- Cuối mỗi ngày tiêu thụ cùng bên B làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán làm cơ sở viết hoá đơn thanh toán giữa hai bên.
- Thanh toán cho bên B theo cam kết ở điều 4 của Hợp đồng này.

3.2 Trách nhiệm của bên B:

- Chuẩn bị số lượng hàng tiêu thụ (dự kiến) 1.000 tấn/ ngày, tại khu tập kết đá thải sau tuyển nước, vị trí gần khu vực tuyển nước của Công ty.



- Phối hợp với Công ty CP giám định - Vinacomin thực hiện giám định về mặt chất lượng và số lượng theo đúng quy định của Nhà Nước, của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam và của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP.

- Tạo điều kiện cho phương tiện của bên B vào kho bãi nhận hàng thuận lợi.

- Cuối mỗi ngày tiêu thụ cùng bên B làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán làm cơ sở viết hoá đơn thanh toán giữa hai bên.

- Phát hành hoá đơn GTGT theo quy định hiện hành.

Điều 4: Thanh toán:

4.1. Thanh toán:

Bên B thanh toán 100% giá trị hàng đã mua trong tháng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên B nhận được biên bản nghiệm thu thanh toán, hóa đơn tài chính theo đúng quy định.

4.2. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

Điều 5: Điều khoản chung.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc với trách nhiệm cao tất cả các điều khoản của Hợp đồng này. Nếu có khó khăn trở ngại hai bên cùng nhau bàn bạc để giải quyết trên cơ sở tôn trọng và đảm bảo lợi ích của mỗi bên.

Hai bên thỏa thuận không được đơn phương hủy bỏ Hợp đồng. Trong trường hợp có tranh chấp mà hai bên không thể tự giải quyết thì vụ việc được đưa ra Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định của Pháp luật Việt Nam. Bên thua kiện sẽ chịu mọi án phí theo quyết định của Tòa án.

Nếu có bất kỳ sửa đổi nào, hai bên phải bàn bạc, thảo luận, thống nhất bằng văn bản mới có giá trị thực hiện. Hợp đồng này sẽ tự động thanh lý (mà không phải lập văn bản) sau 30 ngày kể từ khi hai bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 6 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 03 bản làm cơ sở thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**

Trần Việt Cường

Bùi Ngọc Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DỰ THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐÁ SÉT THẢI

Số /HĐ-TKH-XMQT

- Căn cứ Luật Thương mại có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMQT ngày / /202 của Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI V/v phê duyệt dự toán đơn hàng và kế hoạch mua sắm nguyên liệu phục vụ sản xuất Clinker năm 2022, thuộc kế hoạch SXKD năm 2022;

- Căn cứ biên bản thương thảo giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI và Công ty than Khánh Hòa VVMI về việc Mua bán đá sét thải làm nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất cho Công ty cổ phần xi măng Quán Triều năm 2022 ngày / /202 ;

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 202 , tại Văn phòng Công ty than Khánh Hòa - VVMI, chúng tôi gồm có:

1. BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI (Gọi tắt là bên A)

- Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: 0208 3843 185 Fax: 0208 3843 185
- Tài khoản: 114.0000.28142 Ngân hàng Công thương Thái Nguyên
- Mã số thuế: 4600409377
- Đại diện: Ông Trần Việt Cường Chức vụ: Giám đốc Công ty

2. BÊN BÁN: CÔNG TY THAN KHÁNH HÒA-VVMI (Gọi tắt là bên B)

- Địa chỉ: Xã Sơn Cẩm – TP Thái Nguyên – Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: 0208 3844 226 Fax: 0208 3844 048
- Tài khoản: 115000022938 Ngân hàng TMCP Công Thương Thái Nguyên
- Mã số thuế: 0100100015-024
- Đại diện: Ông Bùi Ngọc Hùng Chức vụ: Giám đốc Công ty

Hai bên cùng nhau trao đổi và thống nhất ký kết hợp đồng mua bán với những điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán đá sét thải để làm nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất cho nhà máy xi măng Quán Triều năm 2022 như sau:

Stt	Danh mục	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/tấn)	Thành tiền (đồng)
1	Đá sét thải	Tấn	9.446	30.000	283.380.000
	Thuế VAT				28.338.000
	Tổng giá trị sau thuế				311.718.000

(Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu, bảy trăm mười tám nghìn đồng)

- Khối lượng trên là khối lượng tạm tính, khối lượng thực tế theo nhu cầu phục vụ sản xuất của bên A tại từng thời điểm.

- Đơn giá bán đá sét thải nội bộ dùng cho sản xuất xi măng của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP phê duyệt. Trong trường hợp đơn giá bán trên thay đổi, hai bên thống nhất điều chỉnh thông qua Phụ lục hợp đồng.

- **Loại Hợp đồng:** Theo đơn giá cố định

- **Thời gian thực hiện:** Từ ngày 01/01/2022 đến hết 31/12/2022

Điều 2: Chất lượng đá sét.

Đá sét thải dùng để làm nguyên liệu sản xuất cho Nhà máy xi măng Quán Triều yêu cầu phải có thành phần hóa học thỏa mãn các chỉ tiêu cụ thể sau:

- Đá sét thải không lẫn các tạp chất sắt thép có hại cho thiết bị gia công của bên A.

- Thành phần hóa học:

+ $62\% \leq \text{SiO}_2 \leq 78\%$

+ $10\% \leq \text{Al}_2\text{O}_3 \leq 18\%$.

- Kích thước đá sét thải trước khi đưa vào nhập kho chiều lớn nhất < 300 (mm). Độ ẩm $\leq 15\%$. Bên B trong quá trình khai thác tập kết phải có phương án đảm bảo về kích thước và độ ẩm theo yêu cầu trên.

- Chất lượng đá sét thải được kết hợp giám sát của hai bên, bên A sẽ cử đại diện đến tại khai trường bên B kiểm tra sơ bộ đánh giá và phân loại chất lượng. Sau khi đánh giá bên A thông báo cho bên B để bên B tiến hành tập kết về các bãi chứa, trong quá trình tập kết nếu chất lượng không như khảo sát thì bên A sẽ thông báo phương án điều chỉnh cho bên B.

- Chất lượng đá sét cụ thể được kiểm nghiệm phân tích tại phòng hóa nghiệm bên A.

Điều 3: Giao nhận, bốc dỡ, vận chuyển

- Bên A có trách nhiệm xúc bốc và vận chuyển đá sét thải tại kho bãi của bên B.

- Khối lượng đá sét mua bán trong tháng được hai bên xác định qua cân điện tử của bên A.

- Cuối mỗi ngày hai bên làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán theo số liệu bàn cân Bên A làm cơ sở phát hành hóa đơn tài chính.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các bên

4.1 Quyền và nghĩa vụ bên A:

*** Quyền của Bên A:**

- Yêu cầu bên B cung cấp hàng hóa kịp thời theo đơn hàng.

- Đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên B vi phạm hợp đồng.

- Từ chối nhận hàng nếu hàng không đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn.

*** Nghĩa vụ Bên A:**

- Thông báo nhu cầu nhập hàng cho bên B trước 03 ngày để bên B có kế hoạch chuẩn bị đủ số lượng, chất lượng.

- Bên A phải lấy hết số lượng hàng theo đơn đặt hàng mà bên B đã tập kết tại các bãi chứa đá của bên B

6004
CÔNG
ĐỒ P
XI M
QUÁN
VV
T. T.

- Đăng ký số lượng xe máy thiết bị thực hiện bốc xúc, vận chuyển khối lượng đá sét với bên B. Xe máy thiết bị phải dán phù hiệu của bên A.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng xe máy thiết bị phải tuân thủ chấp hành đúng các nội quy, quy định của bên B.
- Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác an toàn cho người, thiết bị trong quá trình vận chuyển từ kho bãi của bên B đến vị trí tập kết hàng của bên A.
- Quản lý khối lượng hàng trên đường vận chuyển, chỉ sử dụng khối lượng đá sét mua theo hợp đồng này để phục vụ sản xuất của bên A, không được bán cho đơn vị khác.
- Cuối mỗi ngày cùng bên B làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán theo số liệu bàn cân bên A làm cơ sở phát hành hoá đơn thanh toán giữa hai bên.
- Nghiệm thu số lượng, chất lượng hàng hóa và thanh toán, bù trừ giá trị thực hiện hợp đồng cho bên B.

4.2 Quyền và nghĩa vụ bên B:

*** Quyền của Bên B:**

- Yêu cầu bên A thanh toán đúng hạn như Điều 5 của Hợp đồng này
- Yêu cầu bên A tuân thủ các quy định về vận chuyển, nhận hàng trong kho bãi của bên B.
- Đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A vi phạm hợp đồng.

*** Nghĩa vụ Bên B:**

- Bên B cung cấp đá sét thái đúng tiến độ, số lượng, chất lượng theo yêu cầu của bên A trên cơ sở hợp đồng ký kết.
- Cuối mỗi ngày cùng bên A làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán theo số liệu bàn cân Bên A làm cơ sở phát hành hoá đơn thanh toán giữa hai bên.
- Phối hợp với bên A để đối chiếu khối lượng, giá trị thanh toán và bù trừ công nợ.

Điều 5: Thanh toán

- Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 45 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, bao gồm:
 - + Hóa đơn GTGT do bên B phát hành theo quy định.
 - + Biên bản giao nhận hàng hóa.
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ.
- Đơn vị thụ hưởng: CÔNG TY THANKHÁNH HÒA-VVMI.
- Tài khoản: 115000022938 Ngân hàng TMCP Công Thương Thái Nguyên.

Điều 6: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này, trong quá trình thực hiện có vấn đề gì phát sinh hai bên thông báo cho nhau kịp thời cùng giải quyết bằng thương lượng. Nếu bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường bằng vật chất và chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành của nhà nước. Nếu hai bên không tự giải quyết được tranh chấp bằng thương lượng thì đưa vụ việc ra tòa án tỉnh Thái Nguyên để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thi hành, phí và các chi phí phát sinh trong quá trình kiện tụng sẽ do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ của mình. Hợp đồng sẽ tự động thanh lý sau 15 ngày sau khi hết hiệu lực.



- Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**

Trần Việt Cường

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**

Bùi Ngọc Hùng



DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
V/v cung cấp dịch vụ rửa xe vận chuyển hàng tiêu thụ
SỐ: /2022/HĐ/TKH - QT

Căn cứ vào Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 năm 2015 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015.

Căn cứ vào Luật Thương mại số: 36/2005/QH11 sửa đổi đã được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ công văn số 3687/CV-TKH ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Công ty than Khánh Hòa – VVMI về việc đưa các xe vận tải qua trạm rửa xe trước khi ra tuyến đường bê tông Phúc Hà - Quán triều và phương thức thanh toán chi phí rửa xe của đơn vị.

Căn cứ quyết định số /QĐ-XMQT ngày / /202.... của Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI V/v Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn vận chuyển than bằng đường sắt và rửa xe vận chuyển hàng tiêu thụ.

Căn cứ biên bản thương thảo V/v thực hiện đơn hàng số 01 Cung cấp dịch vụ rửa xe vận chuyển hàng đi tiêu thụ năm 2022 giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI và Công ty than Khánh Hòa VVMI ngày/...../202....

Căn cứ nhu cầu và khả năng đáp ứng của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 202..... tại văn phòng Công ty than Khánh Hoà - VVMI thành phần ký hợp đồng gồm:

I/ CÔNG TY THAN KHÁNH HOÀ - VVMI (Gọi tắt là bên A)

Địa chỉ: Xã Sơn Cẩm – TP. Thái Nguyên – tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại số: 02083 844 226

Fax: 02083 844 048

Tài khoản số: 115000022938 tại NH TM CP Công Thương - CN Thái Nguyên

Mã số thuế: 0100100015 – 024

Đại diện: Ông Bùi Ngọc Hùng - Chức vụ: Giám đốc Công ty

II. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔ PHẢN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI (Gọi tắt là bên B)

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0208 3843185

Fax: 02083843185

Số tài khoản : 114000028142 tại NHTMCP Công Thương- CN Thái Nguyên

Mã số thuế: 4600409377

Đại diện : Ông Trần Việt Cường Chức vụ: Giám Đốc

Sau khi bàn bạc hai bên cùng nhau thỏa thuận thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản như sau:

Điều 1. Công việc trong hợp đồng

1. Thực hiện việc rửa xe vận chuyển hàng đi tiêu thụ thông qua tuyến đường bê tông xã Phúc Hà – phường Quán Triều, phục vụ công tác môi trường từ mỏ than Khánh Hòa đến ngã 6 Quán Triều, tại trạm rửa xe của bên A.

2. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/1/2022 đến hết ngày 31/12/2022

Điều 2. Giá trị Hợp đồng, nghiệm thu và thanh toán.

1. Giá trị Hợp đồng:

Tên xe	Số lượt rửa/ tháng	Đơn giá	Số tháng	Thành tiền
		(đồng/lượt)		
Loại xe \geq 4 trục	220	36.363,64	12	96.000.000
Loại xe 3 trục	350	27.272,73	12	114.545.455
Loại xe 2 trục	400	18.181,82	12	87.272.727
Tổng				297.818.182
<i>Thuế VAT 10%</i>				29.781.818
Tổng				327.600.000

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm ngàn đồng

Ghi chú: - Đơn giá trên đã bao gồm các loại thuế phí
- Giá trị trên là giá trị tạm tính, Giá trị cụ thể sẽ căn cứ vào biên bản nghiệm thu số lượt rửa xe hàng tháng giữa hai bên nhân với đơn giá.

2. Loại Hợp đồng: Theo đơn giá cố định

3. Nghiệm thu:

- Nghiệm thu: Vào ngày cuối cùng của tháng, hai bên sẽ ký biên bản nghiệm thu số lượng và giá trị rửa xe.

4. Thanh toán:

- Bên B thanh toán bằng chuyển khoản giá trị rửa xe cho Bên A trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên B nhận được biên bản nghiệm thu và hóa đơn tài chính của bên A.

Điều 3: Trách nhiệm của mỗi bên

1. Trách nhiệm của Bên A:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các xe Bên B khi vào rửa xe tại trạm rửa xe.
- Cuối tháng cùng Bên B nghiệm thu số lượng giá trị rửa xe trong tháng.
- Phát hành hóa đơn tài chính giá trị rửa xe hàng tháng cho bên B theo quy định hiện hành.

2. Trách nhiệm của Bên B:

- Lái xe qua trạm rửa xe đưa giấy tờ xuất hoặc giao hàng của bên B để bên A làm căn cứ vào bảng kê số lượng và mức phí rửa xe.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu lái xe bên B vi phạm nội quy, quy định khi vào rửa xe gây thiệt hại về tài sản Bên A thì Bên B phối hợp với lái xe bồi thường 100% giá trị thiệt hại cho Bên A.
- Cuối mỗi tháng cùng Bên A làm biên bản nghiệm thu giá trị rửa xe trong tháng
- Thanh toán giá trị rửa xe trong tháng cho Bên A theo đúng thời gian hai bên đã thống nhất.

Điều 4: Cam kết chung

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng trên cơ sở pháp luật của Nhà nước và tôn trọng quyền lợi chính đáng của nhau. Trong quá trình thực hiện, nếu có trở ngại gì hai bên sẽ thông báo cho nhau để cùng bàn bạc giải quyết. Mọi sự thay đổi liên quan đến hợp đồng phải được sự đồng ý của hai bên bằng văn bản. Bên nào đơn phương không thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng này thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia theo pháp luật hiện hành.



Mọi mâu thuẫn phát sinh từ hợp đồng này, nếu không giải quyết được bằng thương lượng trên tinh thần hữu nghị và hợp tác sẽ được đưa ra tòa án tại Thái Nguyên để phán xử. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng và buộc hai bên phải thi hành. Lệ phí tòa án và các chi phí khác do bên thua kiện chịu.

Hợp đồng này sẽ tự động thanh lý (mà không phải lập văn bản) sau 30 ngày kể từ khi hai bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Trần Việt Cường

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

Bùi Ngọc Hùng





**DỰ THẢO
HỢP ĐỒNG**

Mã việc vận chuyển than bằng đường sắt năm 2022
Số: /HĐKT

Căn cứ Bộ Luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại nước CHXHCN Việt Nam số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ luật đường sắt nước CHXHCN Việt Nam số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMQT ngày tháng năm 202 về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn vận chuyển than bằng đường sắt và rửa xe vận chuyển hàng tiêu thụ.

Căn cứ biên bản thương thảo ngày 30/12/2021 giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều và Công ty Than Núi Hồng VVMI

Hôm nay, ngày tháng năm 202, tại Công ty than Núi Hồng - VVMI

Chúng tôi gồm:

I/- ĐẠI DIỆN CÔNG TY THAN NÚI HỒNG -VVMI CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP (Sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ: Yên Lãng - Đại Từ - Thái Nguyên.

Do ông: **Nguyễn Quốc Tuấn** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Có tài khoản số: 39010000000359 Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Chi nhánh Thái Nguyên

Điện thoại số: 0208 3826138; FAX: 0208 3826138

Mã số thuế: 01 001 00015 - 001

II/ ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU -VVMI (Sau đây gọi là Bên B).

Địa chỉ: Xã An Khánh - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên

Do ông: **Trần Việt Cường** - Chức vụ : Giám đốc làm đại diện

Có tài khoản số: 114000028142 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.

Điện thoại số: 0208 3843185; FAX: 0208 3843185

Mã số thuế: 4600409377

Hai bên thống nhất thỏa thuận ký hợp đồng vận chuyển than bằng đường sắt với các điều khoản sau:

Điều 1: Giá trị hợp đồng (Số lượng, giá cả).

- Bên B thuê Bên A vận chuyển than cám Núi Hồng bằng đường sắt từ kho than Núi Hồng đến kho than Trạm trộn PX Băng tải - Công ty than Núi Hồng (xóm 3, xã Phúc Hà, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên) như sau:

TT	Nội dung	KL (tấn)	Đơn giá	Thành tiền
1	Vận chuyển than cám Núi Hồng bằng đường sắt	44.065	40.000	1.762.600.000
	Thuế GTGT			176.260.000
	Tổng giá sau thuế			1.938.860.000

- Khối lượng hàng hóa vận chuyển: 44.065 tấn ($\pm 10\%$).
- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định
- . Giá trên đã bao gồm cả chi phí bốc xúc than lên phương tiện vận tải của Bên B tại kho than Trạm trộn.

Điều 2: Thời gian, địa điểm giao hàng, phương thức giao nhận.

- Thời gian vận chuyển: Từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022.
- Nơi xếp hàng: Kho than Núi Hồng - Yên Lãng - Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên
- Nơi giao hàng: Qua cân ô tô của Bên A tại kho than Trạm trộn trên phương tiện vận chuyển của Bên B.

Điều 3: Trách nhiệm mỗi bên.

1- Trách nhiệm của bên A:

- Vận chuyển than theo kế hoạch đăng ký của Bên B từ kho than Núi Hồng đến kho than Trạm trộn của Bên A.
- Bố trí thiết bị xúc bốc than lên phương tiện vận tải của Bên B đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.
- Hàng tháng cùng Bên B đối chiếu số lượng than vận chuyển thực xuất trên hoá đơn. Lập biên bản đối chiếu số lượng để làm cơ sở thanh quyết toán giữa hai bên.
- Bên A có trách nhiệm viết hoá đơn GTGT tiền cước vận chuyển hàng tháng cho Bên B.

2- Trách nhiệm của bên B:

- Đăng ký với Bên A khối lượng vận chuyển than hàng tháng chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng.
- Đăng ký số xe vận chuyển than gửi Bên A để làm cơ sở theo dõi xuất than.
- Bố trí xe vận chuyển đến nhận than tại kho than Trạm trộn của Bên A đúng tiến độ.
- Chấp hành các quy định thủ tục xuất bán than của Công ty than Núi Hồng – VVM.
- Hàng tháng cùng Bên A đối chiếu số lượng than vận chuyển thực xuất trên hoá đơn. Lập biên bản đối chiếu số lượng để làm cơ sở thanh quyết toán giữa hai bên.

Điều 4: Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.

- Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Thời hạn thanh toán: Hàng tháng hai bên cùng nhau đối chiếu số lượng than vận chuyển trong tháng. Lập biên bản để làm cơ sở viết hoá đơn thanh toán giữa hai đơn vị. Bên B thanh toán tiền cước vận chuyển cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ khi Bên A cấp hoá đơn GTGT cho Bên B.

Điều 5: Điều khoản thi hành.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng đã ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện hợp đồng nếu có vướng mắc phải thông báo cho nhau để hai bên gặp gỡ giải quyết. Nếu không tự giải quyết được thì đưa ra toà án kinh tế tỉnh Thái Nguyên giải quyết, phán quyết của toà án là kết luận cuối cùng mà hai bên phải thực hiện. Hợp đồng này sẽ tự động thanh lý (mà không phải lập văn bản) sau 30 ngày kể từ khi hai bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình.

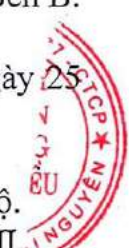
Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 và được lập thành 6 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 3 bản, bên B giữ 3 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc

TRẦN VIỆT CƯỜNG

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc

NGUYỄN QUỐC TUẤN





Số: /HĐ-KTKH

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2022

ĐU THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN THAN NĂM 2022

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, tại Văn phòng Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP chúng tôi gồm:

I. Đại diện Bên bán (Gọi tắt là Bên A):

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ : Số 1 Phan Đình Giót - P. Phương Liệt - Q. Thanh Xuân - TP. Hà Nội
Điện thoại : 024.36647975 Fax: 024.36647493
Tài khoản số : 21310000299702
Tại : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Nam Hà Nội.
Tài khoản số: 1410206555666
Tại : Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – CN. Mỹ Đình
Và tài khoản số: 61628888401
Tại : Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong
Mã số thuế : 0100100015
Đại diện : Ông **Trịnh Hồng Ngân** Chức vụ: **Quyền Tổng Giám đốc**

II. Đại diện Bên mua (Gọi tắt là Bên B):

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU - VVM

Địa chỉ : Xã An Khánh - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại : 0208.3843185 Fax: 0208.3843185
Tài khoản số : 114000028142
Tại : Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Thái Nguyên
Mã số thuế : 4600409377
Đại diện : Ông **Trần Việt Cường** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên cùng nhau thỏa thuận và thống nhất ký hợp đồng mua bán than năm 2022 với các điều khoản cụ thể dưới đây:

Điều 1. Chứng loại, khối lượng, chất lượng:

- 1.1. Chứng loại: + Than cám **4a.3** (mã sản phẩm 04-C4A.3).
+ Than cám **5a.6** (mã sản phẩm 05-C5A.6).
+ Than cám **7B** (mã sản phẩm: CKH 07B)

1.2. Khối lượng: **102 000 tấn** ($\pm 10\%$)

Trong đó + Than cám 4a.3: 48 000 tấn ($\pm 10\%$).

+ Than cám 5a.6: 9 000 tấn ($\pm 10\%$).

+ Than cám 7B: 45 000 tấn ($\pm 10\%$).

1.3. Chất lượng: Theo tiêu chuẩn quốc gia hiện hành TCVN 8910:2020, TCCS 04:2012/VINACOMIN và các thoả thuận khác giữa hai bên.

1.3.1. Các chỉ tiêu chất lượng cụ thể:

Các chỉ tiêu	Than cám 4a.3 (TCVN 8910:2020)	Than cám 5a.6 (TCVN 8910:2020)	Than cám 7B (TCCS 04:2012/ VINACOMIN)
1. Cỡ hạt (mm):	≤ 25	≤ 25	≤ 25
Tỷ lệ trên cỡ tối đa (%):	10	10	10
2. Độ tro khô A^k (%):			
Trung bình:	21,00	29,00	52,50
Giới hạn:	19,01 ÷ 23,00	27,01 ÷ 31,00	50,01 ÷ 55,00
3. Độ ẩm toàn phần W^{tp} (%):			
Trung bình:	20,00	10,50	11,00
Không lớn hơn:	23,00	14,00	15,00
4. Chất bốc khô V^k (%):			
Trung bình:	9,00	12,00	12,00
Không lớn hơn:	12,00	14,00	
5. Lưu huỳnh chung khô S^k_{ch} (%):			
Trung bình:	3,00	2,00	2,00
Không lớn hơn:	4,00	3,00	3,00
6. Trị số toả nhiệt toàn phần khô Q^k_{gr} (cal/g)			
Không nhỏ hơn:	6.100	5.350	3.300

1.3.2. Thỏa thuận khác:

(a) Độ ẩm toàn phần (W^{tp}) để giao nhận: theo thực tế.

(b) Độ ẩm toàn phần (W^{tp}) để xác định khối lượng than thanh toán:

+ Độ ẩm để xác định khối lượng than thanh toán: là độ ẩm trung bình theo TCVN 8910:2020 hoặc TCCS 04:2012/VINACOMIN (20% đối với than cám 4a.3; 10,5% đối với than cám 5a.6; 11,00% đối với than cám 7B). Các lô hàng có độ ẩm toàn phần khác độ ẩm trung bình sẽ được quy về độ ẩm trung bình để xác định khối lượng than thanh toán.

Điều 2. Điều kiện giao hàng

2.1. Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được Bên Bán giao cho Bên Mua trên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho Bên Bán (kho mỏ than Núi Hồng và Khánh Hoà).

2.2. Chuyển rủi ro: Rủi ro về mất mát hoặc hư hại hàng hóa được chuyển cho Bên Mua kể từ khi hàng hóa được xếp lên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho của Bên Bán.

2.3. Xác định và chấp nhận về chất lượng:

a) Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu theo tiêu chuẩn hiện hành. Hai bên tiến hành lấy mẫu đồng tại kho Bên Bán, mỗi đồng lấy một mẫu chung. Mẫu được chia thành 03 phần: 01 phần giao cho Bên Mua, 01 phần giao cho Bên Bán, 01 phần để lưu. Mẫu lưu phải được đại diện hai bên cùng niêm phong, giao cho Bên Bán giữ và bảo quản. Bên Bán phân tích mẫu và gửi kết quả phân tích cho Bên Mua trong vòng 01 ngày (24 giờ) sau khi lấy mẫu. Việc phân tích mẫu than được thực hiện theo các TCVN hiện hành.

- Nếu chất lượng than đảm bảo như quy định tại các khoản 1.3 thì hai bên tổ chức giao nhận than. Bên Mua cử cán bộ giám sát quá trình bốc hàng lên xe tại kho Bên Bán từ khi bắt đầu giao nhận đến khi kết thúc giao nhận lô hàng.

- Trong quá trình giao nhận, nếu phát hiện bất thường về chất lượng than, đại diện Bên Mua phải thông báo ngay cho Bên Bán để xử lý. Trong trường hợp này, hai bên tạm dừng việc giao nhận cho đến khi thống nhất giải quyết về chất lượng than.

b) Trường hợp kết quả phân tích của các bên có sai lệch mà hai bên không thỏa thuận được, thì xử lý theo một trong hai cách sau:

- Mẫu lưu (còn nguyên niêm phong) được đại diện hai bên cùng phân tích lại tại phòng thí nghiệm của Bên Bán. Kết quả phân tích này là cơ sở để xác định chất lượng lô hàng.

- Hai bên tiến hành lấy mẫu lại trên đồng và cùng phối hợp phân tích chất lượng than tại phòng thí nghiệm của Bên Bán.

- Mọi chi phí phát sinh do bên sai chịu.

2.4. Xác định và chấp nhận về khối lượng:

a) Khối lượng than được xác định qua cân tại kho Bên Bán.

b) Độ ẩm:

+ Độ ẩm giao hàng: Theo độ ẩm thực tế. Mẫu độ ẩm được hai bên lấy mẫu và phân tích hàng ngày.

+ Độ ẩm để tính khối lượng than thanh toán là độ ẩm trung bình theo TCVN hiện hành.

+ Khối lượng than thanh toán được xác định theo công thức:

$$G_q = G_t \times \frac{100 - W^{p_t}}{100 - W^{p_0}}$$

Trong đó:

G_q : Khối lượng than thanh toán tương ứng độ ẩm trung bình của than.

G_t : Khối lượng thực tế giao hàng qua cân tại kho Bên Bán và tương ứng độ ẩm thực tế.

W_t^{tp} : Độ ẩm thực tế của than theo phân tích của Bên Bán và được Bên Mua thống nhất.

W_0^{tp} : Là độ ẩm trung bình của than theo TCVN 8910:2020 hoặc TCCS 04:2012/VINACOMIN

2.5. Biên bản giao nhận than:

- Biên bản giao nhận than được lập trước 9 giờ sáng hàng ngày cho khối lượng than giao nhận trong ngày hôm trước.

- Cứ mỗi 7 ngày, hai bên tập hợp khối lượng, chủng loại than giao nhận của 07 ngày trước đó bằng một biên bản kèm bảng kê chi tiết làm cơ sở thanh toán tiền hàng.

Điều 3. Tiến độ giao hàng:

3.1. Khối lượng than theo hợp đồng sẽ được Bên Bán giao bình quân cho Bên Mua trong thời gian hợp đồng.

3.2. Trước ngày 20 hàng tháng, Bên Mua gửi cho Bên Bán đăng ký nhận than của tháng sau về khối lượng, chủng loại. Căn cứ đề nghị của Bên Mua, Bên Bán sẽ cân đối và thông báo bằng văn bản cho Bên Mua về kế hoạch giao hàng trước ngày 05 của tháng thực hiện.

3.3. Nếu Bên Mua không gửi đăng ký nhu cầu than thì Bên Mua được coi là không có yêu cầu nhận than tháng kế tiếp. Trong trường hợp này, Bên Bán được quyền từ chối giao than và không chịu trách nhiệm về việc thiếu than sản xuất của Bên Mua.

3.4. Lịch giao nhận hàng cụ thể do Bên Mua và đơn vị giao hàng (do Bên Bán ủy quyền theo mục 6.1 dưới đây) thống nhất hàng tháng.

Điều 4. Phương tiện vận chuyển:

Vận chuyển bằng ô tô của Bên Mua (Bên Mua bố trí phương tiện đến nhận hàng tại kho Bên Bán).

Phương tiện đến nhận than phải có giấy giới thiệu, có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo quy định hiện hành và đủ các điều kiện để giao nhận hàng, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của Bên Bán tại các địa điểm giao nhận trong suốt thời gian kể từ khi phương tiện đến địa điểm giao nhận chờ làm hàng đến khi làm hàng xong.

Điều 5. Giá cả, thanh toán:

5.1. Giá than giao trên phương tiện của Bên Mua tại kho của Bên Bán (chưa bao gồm thuế GTGT) thực hiện theo bảng giá bán than trong nước do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam công bố từng thời điểm.

- Giá than các loại (chưa bao gồm thuế GTGT) tại thời điểm ký hợp đồng thực hiện theo quyết định số 2288/QĐ-TKV ngày 31/12/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, cụ thể như sau:

- + Than cám 4a.3: 1.340.000 đồng/tấn
- + Than cám 5a.6: 1.412.000 đồng/tấn

+ Than cám 7B: 700.000 đồng/tấn

- Các bên thống nhất đồng ý rằng, giá bán than quy định tại Điều này có thể được thay đổi theo quyết định của Bên Bán và Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam phù hợp với các quy định hiện hành. Trong trường hợp Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam thay đổi giá bán than trong quá trình hai Bên thực hiện Hợp đồng, giá than mua bán theo Hợp đồng này sẽ được áp dụng theo giá mới theo quyết định thay đổi giá bán bởi Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam. Mọi quyết định thay đổi giá bán than của Bên Bán và Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

- Riêng đối với các cơ chế khuyến khích tiêu thụ của Bên Bán tại từng thời điểm (nếu có), Bên Bán sẽ gửi cho Bên Mua thông báo bằng văn bản để phối hợp triển khai thực hiện mà không cần phải lập Phụ lục hợp đồng.

5.2. Thủ tục thanh toán: Bộ chứng từ thanh toán gồm:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng.

+ Giấy chứng nhận giám định chất lượng (cấp theo lô hàng).

+ Biên bản giao nhận than giữa đại diện hai bên kèm bảng kê chi tiết.

5.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản ngân hàng hoặc bù trừ công nợ.

5.4. Thời hạn thanh toán:

- Trước 14 giờ ngày thứ Sáu hàng tuần, hai bên lập Biên bản xác nhận khối lượng, giá trị than đã giao nhận trong vòng 07 ngày trước đó. Căn cứ Biên bản và bộ chứng từ thanh toán theo quy định, Bên Mua có trách nhiệm chuyển trả tiền cho Bên Bán trong vòng 50 ngày lịch.

Trường hợp Bên Mua thanh toán chậm, để dư nợ vượt hạn mức được phê duyệt, Bên Bán có quyền dừng giao than cho đến khi Bên Mua thanh toán xong cho Bên Bán số tiền vượt quá hạn mức dư nợ cho phép cùng khoản tiền lãi chậm trả phát sinh, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Lãi suất chậm trả bằng 1,5 lần mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội hoặc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tây Thăng Long công bố tại từng thời điểm đối với số tiền vượt hạn mức.

- Trước ngày 10 hàng tháng, hai bên tiến hành đối chiếu hàng hóa, công nợ phát sinh trong tháng trước đó, trong đó xác định số tiền và thời gian thanh toán chậm (nếu có) làm căn cứ tính tiền lãi chậm trả.

- Trong trường hợp dừng giao than, Bên Bán không phải cấp bù khối lượng than thiếu hụt do tạm dừng giao nhận và không phải chịu trách nhiệm về việc Bên Mua thiếu than phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 6. Trách nhiệm của các bên:

6.1. Bên Bán:

+ Đảm bảo đủ nguồn hàng để giao than cho Bên Mua đúng khối lượng, chất lượng và tiến độ đã thỏa thuận.

+ Tạo điều kiện cho phương tiện của Bên Mua vào kho, bãi nhận hàng thuận lợi.

+ Bên Bán giao: Công ty than Khánh Hòa - VVMI và Công ty than Núi Hồng - VVMI thay mặt Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP:

- Tổ chức thực hiện việc giao than cho Bên Mua;
- Viết hóa đơn giá trị gia tăng điện tử cho Bên Mua; đối chiếu khối lượng, chất lượng hàng hóa, công nợ và phối hợp với Bên Mua giải quyết vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Hai Bên thống nhất rằng: Khối lượng và chất lượng lô hàng được căn cứ theo Giấy chứng nhận kết quả giám định khối lượng, chất lượng kèm theo lô hàng do Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin cấp.

6.2. Bên Mua:

+ Bố trí đủ xe nhận than theo lịch và tiến độ thỏa thuận hàng tháng. Xe vào bãi nhận hàng phải tuân thủ đúng các quy định của Bên Bán.

+ Kiểm soát, quản lý an toàn hàng hóa trên đường vận chuyển từ kho Bên Bán về nơi sử dụng.

+ Thanh toán tiền hàng kịp thời cho bên Bán.

+ Chỉ sử dụng khối lượng than mua theo hợp đồng này để sản xuất clinker của đơn vị mình, không bán cho đơn vị khác.

Điều 7. Bất khả kháng:

7.1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

7.2. Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống sau đây hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thỏa mãn các quy định tại mục 7.1 của Điều này:

a) Bão lớn, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hoạt động thù địch của nước ngoài;

d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;

e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa mỏ than, nhà máy;

f) Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7.3. Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia

đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

- Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng v.v.

- Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại mục 7.5 dưới đây.

7.4. Trong thời gian xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

7.5. Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

7.6. Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời hạn 60 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại mục 7.5 của Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 8. Giải quyết tranh chấp:

8.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc phát sinh, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm mọi biện pháp giải quyết, trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên.

8.2. Trường hợp hai bên đã nỗ lực cao nhất mà không thể tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để xét xử. Quyết định của Tòa án

là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

Điều 9. Các điều khoản chung:

9.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

9.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ thường xuyên thông báo cho nhau những vấn đề liên quan tới hợp đồng, nếu xảy ra vướng mắc, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của các bên và tuân thủ các quy định của pháp luật.

9.3. Hợp đồng sẽ tự động được thanh lý mà không cần lập văn bản sau 30 (ba mươi) ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong nghĩa vụ của mình.

9.4. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 và được lập thành 06 (sáu) bản có cùng nội dung, giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám đốc

Trần Việt Cường

ĐẠI DIỆN BÊN A

Q. Tổng giám đốc

Trịnh Hồng Ngân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐU THẢO HỢP ĐỒNG THUÊ KHO

Số: /HĐTK TL-QT

- Căn cứ Luật Thương mại có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMQT ngày / /2022 của Giám đốc công ty về việc phê kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp dịch vụ thuê kho chứa Clanker sức chứa > 15.000 tấn.

Hôm nay, ngày tháng năm 202....., chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH TỔNG HỢP – VVMi (gọi tắt là bên A)

- Đại diện: Nguyễn Văn Sinh Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.
- Điện thoại: 0253.851.555 Fax: 0253.853.777
- Mã số thuế: 4900243394

Bên Thuê: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU – VVMi (gọi tắt là bên B)

- Đại diện là : Ông Trần Việt Cường Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : Xã An Khánh – Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại : 0280 3 843 185 Fax: 0280 3 843185
- Mã số thuế : 4600409377
- Số tài khoản : 114.0000.28142 tại Ngân hàng TMCP Công thương Thái Nguyên.

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Bên A đồng ý cho bên B thuê kho chứa hàng hoá .

Diện tích kho thuê: 2106 m², Nền láng xi măng, mái lợp tôn, có khe thông gió ở tường và trên mái,

2. Địa điểm thuê: Tại nhà máy xi măng Quán Triều Xã An Khánh – Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên

3. Đơn giá: 27.545.455 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT)

4. Thời gian thuê: 1 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Tiền thuê kho như mô tả tại Điều 1 là:

Stt	Danh mục	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thuê kho chứa Clinker	Tháng	12	24.545.454,54	294.545.455
2	Thuế VAT 10%				29.454.545
3	Tổng cả thuế				324.000.000

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi bốn triệu đồng chẵn

ĐIỀU 3. HÌNH THỨC THANH TOÁN

1. Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ.
2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (Viết tắt: VND)
3. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo từng quý trong vòng 30 ngày sau khi bên A xuất hoá đơn cho bên B và biên bản nghiệm thu hoàn thành.

ĐIỀU 4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. **Bên A** có các nghĩa vụ sau đây:
 - Bàn giao mặt bằng kho cho bên B theo đúng thoả thuận
 - Bảo đảm cho Bên B sử dụng ổn định và thuận tiện địa điểm trong thời gian thuê. Chịu trách nhiệm bảo dưỡng sửa chữa nhưng hư hỏng mà không thuộc về nguyên nhân do bên B gây ra.
2. **Bên A** có quyền chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:
 - Bên B sử dụng không đúng mục đích thuê.
 - Bên B làm hư hỏng nghiêm trọng địa điểm thuê.
 - Bên B sửa chữa, thay đổi kiến trúc, tự ý cải tạo, nâng cấp địa điểm cho thuê hoặc cho người khác thuê lại toàn bộ hoặc một phần diện tích đang thuê mà không có sự đồng ý của bên A
 - Bên B làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến vệ sinh môi trường;

ĐIỀU 5. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. **Bên B** có các nghĩa vụ sau đây :
 - Sử dụng địa điểm thuê đúng mục đích đã thỏa thuận; trường hợp hàng gửi không phải là xi măng, clanhke và các phụ gia phục vụ cho sản xuất xi măng, bên B phải thông báo trước cho bên A để tiện theo dõi, quản lý.
 - Thanh toán tiền thuê kho cho bên A theo thỏa thuận ở điều 2, điều 3 bản hợp đồng này
 - Chịu trách nhiệm về tình trạng hợp pháp của hàng hoá và thực hiện các khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các thủ tục liên quan tới hoạt động kinh doanh của mình khi cần thiết.
 - Tự chịu trách nhiệm về việc bảo vệ, bảo quản hàng hoá của mình.
 - Tự phải sửa chữa nhưng gì hỏng hóc do bên B gây ra. Trong thời hạn thuê nếu muốn cải tạo thay đổi kiến trúc thì phải có văn bản và được sự đồng ý kiến của bên A.
 - Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
 - Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn cháy nổ, bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình sử dụng kho chứa hàng.
2. **Bên B** có các quyền sau đây:
 - Nhận địa điểm thuê theo đúng thoả thuận; tự quản lý và xuất nhập hàng hoá.
 - Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận với Bên A

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết và đưa vào phụ lục hợp đồng; trong trường hợp không tự



giải quyết được, cần phải thực hiện bằng cách hòa giải; nếu hòa giải không thành thì đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 7. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

Bên A và **Bên B** chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cùng cam kết sau đây :

1. Đã khai đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin đã ghi trong hợp đồng này.
2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả những thỏa thuận với Bên thuê đã ghi trong hợp đồng này; nếu bên nào vi phạm mà gây thiệt hại, thì phải bồi thường cho bên kia hoặc cho người thứ ba (nếu có).

ĐIỀU 8. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Hai bên đã tự đọc lại hợp đồng này, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng này.
2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn thực hiện xong các điều khoản ghi trong hợp đồng này hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.
3. Hợp đồng này được lập thành 04 bản. Mỗi bên giữ 02 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Nguyễn Văn Sinh

ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Việt Cường



DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG MUA BÁN VỎ BAO XI MĂNG

Số: 3112/HĐMB/NH-QT

- Căn cứ bộ Luật Dân sự và Luật Thương mại đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua.

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMQT ngày 31/12/2021 của giám đốc công ty về việc Phê duyệt kết quả chào giá Cung cấp Vỏ bao 3 lớp KPK phục vụ sản xuất xi măng 6 tháng đầu năm 2022.

Hôm nay, ngày tháng năm 202, tại Văn phòng Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI, chúng tôi gồm có:

1. BÊN BÁN: CÔNG TY THAN NÚI HỒNG - VVMI CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP (Bên B)

Tên viết tắt: CÔNG TY THAN NÚI HỒNG - VVMI.

Đại diện: Ông Nguyễn Quốc Tuấn Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Xã Yên Lãng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 0280 3826 138 Fax: 0280 3826 139.

Tài khoản: 39010000000359 tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Thái Nguyên.

Mã số thuế: 0100100015-001.

2. BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI (Bên A)

Đại diện: Ông Trần Việt Cường Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 0280. 3843.185 Fax: 0280. 3843185.

Tài khoản: 114.0000.28142 Tại: Ngân hàng TMCP Công thương VN chi nhánh Thái Nguyên.

Mã số thuế: 4600409377

Hai bên cùng nhau trao đổi và thống nhất ký kết hợp đồng mua bán với những điều khoản sau:

Điều 1. Đối tượng của hợp đồng:

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán cho bên A vỏ bao xi măng KPK (Loại PCB30 + PCB40) với số lượng, chủng loại và đơn giá như sau:

TT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Vỏ bao 3 lớp KPK	779±2mm x 420±2mm x 80±2mm	Vỏ	4.290.700	5.250	22.526.175.000
	Thuế GTGT					2.252.617.500
	Tổng					24.778.792.500

Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng chẵn).

Giá trị trên đã bao gồm thuế GTGT 10% và chi phí vận chuyển đến kho của bên A trên phương tiện bên B.

- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định

- Hàng tháng bên A có thông báo bằng văn bản hoặc điện thoại cụ thể về số lượng, chủng loại, tiến độ giao hàng vào ngày 25 của tháng trước và gửi tới bên B.

Điều 2: Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa.

- Vỏ bao xi măng 03 lớp, loại bao 50kg \pm 0,5 - KPK (Giấy Kraft- ép manh tráng PP-giấy Kraft lót trong) mới 100%.

- Nhân hiệu in ngoài vỏ bao, logo, màu sắc, kích thước bao, chỉ may... theo quy định và yêu cầu của Bên A (có bản in mẫu vỏ bao, market và phụ lục kèm theo hợp đồng) và thuộc bản quyền của bên A.

- Vỏ bao bên B giao cho bên A được bó thành bó (100 vỏ/01 bó).

- Các lô hàng trước khi nhập kho được nghiệm thu lấy mẫu xác suất kiểm tra quy cách và ngoại quan.

- Độ bền của vỏ bao phải đảm bảo: Đối với lớp giấy ép bên ngoài không được bong rách trong quá trình đóng bao và vận chuyển, lưu kho. Đối với lớp lót bên trong không được rách vụn lẫn vào xi măng trong quá trình sử dụng. Nếu trong quá trình đóng bao tỷ lệ vỡ vượt tỷ lệ vỡ cho phép theo hợp đồng thì bên A sẽ thông báo cho bên B để cùng nhau lập biên bản xác định tỷ lệ căn cứ vào biên bản được hai bên thống nhất lập, bên B phải cấp bù cho bên A số lượng vỏ hư hỏng vượt tỷ lệ vỡ cho phép theo hợp đồng khi xác định do lỗi của bên B và bên A sẽ hoàn trả toàn bộ số vỏ bao vỡ đúng như số vỏ mà bên B cấp bù.

- Khi bên A có nhu cầu thay đổi market, kích thước, thông số kỹ thuật của vỏ bao thì thông báo cho bên B bằng văn bản trước từ 15 đến 20 ngày để bên B có thời gian đặt hàng thay đổi thiết bị, vật tư để sản xuất cho phù hợp với yêu cầu bên A.

Điều 3: Phương pháp kiểm tra:

a/ Phương pháp kiểm tra số lượng: Bên A tiến hành kiểm đếm xác suất 10 bó trong toàn bộ lô hàng (40.000 vỏ) nếu thiếu thì tính cho toàn bộ lô hàng và bên B phải cấp bù hàng vào đơn hàng sau.

b/ Phương pháp kiểm tra thử nghiệm:

* Được đóng thử tại dây chuyền đóng bao của bên A để làm cơ sở nghiệm thu chất lượng với tỷ lệ vỡ $\leq 0,5\%$, số lượng thử xác suất 10 vỏ/lô, phương pháp thử đưa vỏ vào đóng với trọng lượng 50 kg \pm 0,5 xi măng bên trong (Khi bao xi măng thử nghiệm đảm bảo thoát khí hoàn toàn) thả rơi 10 lần

N. 460
CÓ
CỨ
XI
QU
T. T. T.

không vỡ từ độ cao 1,2 m. Kết quả thử bao sẽ làm cơ sở cho việc đánh giá chất lượng và điều kiện thanh toán.

- Trong quá trình sản xuất, nếu tỷ lệ vỏ bao vỡ $> 0,5\%$ thì bên A thông báo cho bên B để hai bên cùng nhau tiến hành kiểm tra và xác định nguyên nhân dẫn đến lý do vỏ bao bị vỡ. Nếu nguyên nhân gây rách vỡ (trong ngày) do bên nào thì bên đấy phải chịu trách nhiệm dọn bao rách vỡ và xi măng tại khu vực sản xuất.

- Nếu tỷ lệ vỏ bao vỡ do lỗi Bên B thì Bên A sẽ không tính giá trị số vỏ bao được xác định hỏng, vỡ vượt quá quy định tỷ lệ vỡ trong tháng theo hợp đồng sẽ trừ vào giá trị thanh toán. Hoặc bên B phải cấp bù số lượng vỏ bao hỏng, vỡ vào đơn hàng sau.

Điều 4. Thanh toán và công nợ

- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B sau khi bên B gửi bộ chứng từ thanh toán bao gồm

- Biên bản nghiệm thu số lượng và chất lượng hàng hóa

- Hóa đơn tài chính theo quy định do bên B phát hành.

- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ.

- Hạn mức dư nợ tối đa tiền mua vỏ bao xi măng không quá 70 tỷ đồng (được tính cả số dư tại ngày 31/12/2021). Nếu số dư nợ tiền mua vỏ bao xi măng vượt quá 70 tỷ đồng thì bên A phải thanh toán tiền lãi tính trên giá trị vượt hạn mức cho bên B.

- Trường hợp giá trị chậm thanh toán lớn hơn 70 tỷ đồng thì Công ty Cổ phần xi măng Quán Triều VVMI phải chịu lãi suất chậm thanh toán như sau:

+ Trường hợp giá trị chậm thanh toán lớn hơn 70 tỷ đồng đến 75 tỷ đồng được tính theo lãi suất mà Công ty Than Núi Hồng-VVMI vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên (hoặc thông báo lãi suất vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên), nhưng không thấp hơn 6%/năm. (Nếu ngân hàng cho vay ngắn hạn $< 6\%$ /năm thì lãi suất áp dụng là 6%/năm, còn lãi suất ngân hàng $> 6\%$ /năm thì thực hiện theo lãi suất của ngân hàng). Tiền lãi vượt hạn mức = Số dư nợ vượt hạn mức nhân (x) Lãi suất vay ngắn hạn (%/năm) chia 360 ngày nhân (x) số ngày nợ quá hạn tại thời điểm sau khi bên A nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.

+ Trường hợp giá trị chậm thanh toán lớn hơn 75 tỷ đồng được tính theo lãi suất mà Công ty Than Núi Hồng-VVMI vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên (hoặc thông báo lãi suất vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên), nhưng không thấp hơn 6%/năm theo 02 mức lãi suất như sau:

Tiền lãi vượt hạn mức (Từ > 70 tỷ đồng đến 75 tỷ đồng) = 5 tỷ đồng nhân (x) Lãi suất vay ngắn hạn (%/năm) chia 360 ngày nhân (x) số ngày nợ

quá hạn tại thời điểm sau khi bên A nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ).

Tiền lãi vượt hạn mức (Mức dư nợ >75 tỷ đồng) = Số tiền nợ quá hạn trên 75 tỷ đồng nhân (x) Lãi suất vay ngắn hạn (%/năm) nhân (x) 1,5 chia 360 ngày nhân (x) số ngày nợ quá hạn tại thời điểm sau khi bên A nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.

- Trường hợp tiền lãi kỳ sau sẽ được cộng vào công nợ và tính lãi như phát sinh mua bán vỏ bao xi măng.

- Lãi vay ngắn hạn được quy định với thời hạn 03 tháng.

- Thời gian tính lãi dư nợ vượt hạn mức 03 tháng/lần vào ngày cuối quý.

* Trường hợp dư nợ tối đa bằng hoặc lớn hơn 77 tỷ đồng thì bên B sẽ ngừng cấp hàng cho bên A và vẫn được tính lãi vượt hạn mức như trên.

- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ giữa hai Bên.

Điều 5: Địa điểm và thời gian giao hàng:

5.1 Địa điểm giao hàng:

-Hàng được giao tại kho bên A. Số lượng giao nhận được được xác định thực tế tại kho của bên A và lưu ký tại sổ bàn giao của hai bên để làm cơ sở tổng hợp nghiệm thu, bàn giao vào cuối tháng.

5.2 Thời gian giao hàng: Từ ngày 01/01/2022 đến 30/6/2022.

Hàng ngày giao từ 07 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút vào tất cả các ngày trong tuần (Trừ trường hợp đặc biệt sẽ cấp theo đề nghị của bên A).

Điều 6. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Trường hợp tỷ lệ vỏ bao vỡ hỏng lớn hơn 1,5% thì bên mua hàng có quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng đồng thời Nhà cung cấp sẽ phải chịu phạt tương ứng với 10% giá trị của đơn hàng đã giao bị vỡ hỏng vượt quá tỷ lệ đã nêu trên.

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với Nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều

1377
TY
AN
NG
RIEU
II
HAI

này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 7: Điều khoản khác.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này, trong quá trình thực hiện có vấn đề gì phát sinh hai bên thông báo cho nhau kịp thời cùng giải quyết bằng thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được tranh chấp bằng thương lượng thì đưa vụ việc ra tòa án tỉnh Thái Nguyên để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thi hành, phí và các chi phí phát sinh trong quá trình kiện tụng sẽ do bên thua kiện chịu.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 đến khi hai bên hoàn tất nghĩa vụ pháp lý đối với nhau thì Hợp đồng coi như được thanh lý.

- Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, bên B giữ 03 bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----



**DỰ THẢO
HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA**

Số: 2001/2022 /XMQT-CKM

Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ các điều khoản có liên quan khác trong Luật số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMQT, ngày tháng 01 năm 2022, về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp đơn hàng thay thế hộp giảm tốc Rulo động

Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai Bên;

Hôm nay, ngày tháng 01 năm 2022, tại Công ty Cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI, chúng tôi gồm:

I. BÊN A (BÊN GIAO) CÔNG TY CP XI MĂNG QUÁN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại: 0208.3843185 Fax: 0208.3843185
Mã số thuế: 4600409377
Số tài khoản: 114000028142
Mở tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Thái Nguyên
Đại diện là: Ông Trần Việt Cường Chức vụ: Giám đốc.

II. BÊN B (BÊN NHẬN) CÔNG TY CP CƠ KHÍ MỎ VIỆT BẮC - VVMI:

Địa chỉ: Xóm 2, xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại: 0208.2212925
Mã số thuế: 4600432062
Số tài khoản: 39010000000410 tại Ngân hàng BIDV CN Thái Nguyên
Đại diện là: Ông Lê Văn Thịnh Chức vụ: Giám đốc

Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Nội dung công việc và giá trị hợp đồng:

Bên A đồng ý giao bên B đồng ý nhận thực hiện dịch vụ thay thế HGT rulo động của máy cán ép TRP 140x110 với nội dung giá trị cụ thể như sau:

TT	Dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Thay thế HGT ru lô động của máy cán ép TRP 140x110	CV	01	195.097.881	195.097.881
	Tổng				195.097.881
	Thuế GTGT 10%				19.509.788
	Tổng cả thuế				214.607.669

Bằng chữ: Hai trăm mười bốn triệu, sáu trăm linh bảy nghìn, sáu trăm sáu mươi chín đồng

Ghi chú: Giá trị nêu trên đã bao gồm toàn bộ chi phí dịch vụ, các loại thuế, phí và tất cả các chi phí khác để Bên B thực hiện các nghĩa vụ theo quy định trong Hợp đồng được Bên A nghiệm thu chấp nhận.

Điều 2. Phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật:

Thực hiện các công việc theo phương án sửa chữa của bên A cụ thể như sau:

a. Thay thế HGT ru lô động của máy cán ép TRP 140x110

Kết thúc vệ sinh mặt bằng, vận chuyển vật tư thu hồi về kho vật tư, bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng.

Điều 3. Địa điểm và tiến độ thực hiện:

- Địa điểm thực hiện: tại công trường Công ty CP xi măng Quán Triều - VVMI.

- Tiến độ thực hiện: 04 ngày tính từ thời điểm bàn giao thiết bị và mặt bằng sửa chữa đến thời điểm hai bên hoàn thành nghiệm thu kỹ thuật.

- Nếu Bên B chậm trễ trong tiến độ công việc thì sẽ chịu phạt 1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày giao chậm so với thời gian hoàn thành đã thống nhất nêu trên, nhưng không quá 5% giá trị phần hợp đồng như đã nêu tại điều 1.

Điều 4. Bảo hành:

- Bên B cam kết bảo hành các nội dung sau:

+ Sai số đồng tâm hộp giảm tốc so với trục con lăn $\leq 0,5\text{mm/m}$ do xô dịch vị trí tại khớp nối gây ra.

+ Khớp nối bị dịch chuyển tương đối giữa đầu trục con lăn và đầu cái khớp nối hộp giảm tốc (do lực xiết bu lông khớp nối gây ra).

+ Các lỗi khác do quá trình lắp đặt thay thế hộp giảm tốc gây ra (Ngoài trừ các lỗi do nhà chế tạo hộp giảm tốc gây ra).

- Bảo hành 03 tháng các lỗi của bên B kể từ ngày bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng.

- Bên B có trách nhiệm thực hiện bảo hành sau khi có yêu cầu của Bên A, chịu mọi phí tổn khắc phục và theo quy định hiện hành của Nhà nước. Nội dung bảo hành bao gồm khắc phục, sửa chữa những hư hỏng, khiếm khuyết của thiết bị đưa vào sử dụng không bình thường do lỗi của Bên B gây ra.

- Bên B chịu trách nhiệm bảo hành trong điều kiện chế độ vận hành thiết bị bình thường.

- Bên B chỉ chịu trách nhiệm bảo hành các hỏng hóc do lỗi kỹ thuật của bên B, không chịu trách nhiệm với bất kỳ lỗi vận hành nào do lỗi của bên A và các lỗi khách quan gây ra.

Điều 5. Điều kiện thanh toán:

- Hình thức hợp đồng: Trọn gói

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

*** Hình thức thanh toán và thời gian thanh toán:**

- Thời gian thanh toán: trong vòng 60 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán, bên A thanh toán đến 100% giá trị của hợp đồng, khi bên B nộp đủ hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng;

+ Hóa đơn VAT do Bên B phát hành.



- Thanh toán chậm quá hạn trên thì bên A chịu lãi suất quá hạn tại thời điểm quá hạn với tỷ lệ lãi xuất do ngân hàng BIDV thông báo.

Điều 6. Hiệu chỉnh và bổ sung hợp đồng

- Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

+ Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

+ Thay đổi, bổ sung các nội dung của Hợp đồng.

- Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, bên A và bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 7. Trách nhiệm của mỗi bên:

7.1. Trách nhiệm Bên A:

- Chuẩn bị và bàn giao mặt bằng cho bên B để bên B tiến hành công việc theo đúng tiến độ hai bên đã thống nhất.

- Thông báo cho bên B các quy định về công tác an toàn trong quá trình thực hiện, các yêu cầu và nội quy về việc sử dụng điện. Quy định về việc ra vào và làm việc tại bên A để bên B xem xét và tuân thủ.

- Bố trí mặt bằng phục vụ cho công tác sửa chữa của bên B nếu bên B yêu cầu.

- Tạo điều kiện thuận lợi cử cán bộ có thẩm quyền giám sát và có ý kiến kịp thời trong quá trình bên B thực hiện công việc.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B đi lại và sử dụng điện nước tại bên A để thực hiện công việc.

- Sau khi bên B hoàn thành từng hạng mục công việc, đại diện bên A phối hợp với bên B để kiểm tra các phần việc đã hoàn thành và ký biên bản kiểm tra nếu như kết quả kiểm tra đạt yêu cầu để bên B có thể thực hiện các công việc tiếp theo.

- Tổ chức nghiệm thu hàng hoá, công việc kịp thời khi bên B có yêu cầu.

- Thanh toán cho Bên B đúng thời gian quy định tại điều 5 của hợp đồng này

7.2. Trách nhiệm Bên B:

- Chuẩn bị và cung cấp đầy đủ các thiết bị, dụng cụ, vật tư phụ và các nguyên vật liệu tiêu hao khác để thực hiện và hoàn thành công việc như quy định tại điều 1, điều 2 cũng như khắc phục các sự cố trong thời gian bảo hành.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về công tác an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên A theo dõi, giám sát, kiểm tra và đo đạc từng phần một của các Công việc bên B đã thực hiện trừ khi bên A thông báo bằng văn bản là không cần kiểm tra những phần đó. Trường hợp bên B không đảm bảo được các quy trình kỹ thuật khi thực hiện công việc thì Bên A có quyền yêu cầu bên B dừng công việc và bên A sẽ không nghiệm thu cho phần việc bên B đã làm, ngoài ra, nếu bên B làm hư hại những thiết bị trong Nhà máy thì bên B phải chịu mọi chi phí khắc phục.

- Trong trường hợp bên B cần sử dụng điện tại công trường bên A phục vụ cho công việc thì bên B phải báo cho bên A để bên A bố trí và bên B phải lắp đặt đường điện từ nguồn hiện có của bên A theo đúng quy định về việc sử dụng điện trong Nhà máy. Nếu làm hỏng hóc thiết bị và tài sản của bên A do việc bên B sử dụng điện gây ra thì phải bồi thường toàn bộ cho bên A.

- Bên B có trách nhiệm bảo quản số vật tư, máy móc, thiết bị của mình để đảm bảo an toàn cho thiết bị. Nếu bên B làm hư hỏng, mất mát tài sản, thiết bị của bên A hoặc gây sự cố môi trường cho bên A thì bên B có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của bên A và không thấp hơn 5.000.000 đồng cho mỗi lần vi phạm.

- Bên B chuẩn bị toàn bộ công tác ăn, ở, đi lại cho nhân viên bên B trong suốt quá trình thi công tại bên A.

- Tuân theo các quy định và nội quy làm việc tại công trường mà bên A đã đề ra.

- Khi tiến hành công việc, bên B phải huấn luyện cho cán bộ công nhân viên của mình về an toàn và phải đảm bảo yêu cầu mới được bố trí làm việc tại công trường của bên A.

- Tuân thủ các quy định về công tác an toàn về sinh lao động và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành và của bên A.

- Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm giải quyết và bồi thường cho mọi khiếu nại có liên quan đến tai nạn xảy ra cho người lao động hoặc mọi mất mát hư hại về tài sản của bên B hoặc của những nhà thầu phụ do bên B thuê để thực hiện công việc và cho những tài sản của bên A và các đơn vị khác nếu nguyên nhân do bên B gây ra.

- Trong quá trình thực hiện công việc, bên B phải có các biện pháp cần thiết để ngăn chặn không để cho cán bộ công nhân viên của mình có bất kỳ hành động gì vi phạm pháp luật.

- Cán bộ công nhân viên của bên B có trách nhiệm thực hiện vệ sinh sạch sẽ, thu gom, xử lý các chất độc hại phát sinh đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường.

- Sau khi hoàn thành công việc Bên B có trách nhiệm vận chuyển bàn giao vật tư thu hồi (nếu có) về kho vật tư của bên A.

- Trong thời gian bảo hành, nếu hàng hóa và/hoặc dịch vụ do bên B cung cấp xảy ra hư hỏng: Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo về tình trạng hư hỏng của hàng hóa và/hoặc dịch vụ của bên B, Bên B có trách nhiệm cử cán bộ đến hiện trường cùng Bên A kiểm tra xác định nguyên nhân hư hỏng và bên B phải chuẩn bị đủ vật tư để khắc phục, ngay khi đủ điều kiện hai bên sẽ lập biên bản xác định thời hạn phải khắc phục xong. Bên B phải hoàn thành việc thay thế, sửa chữa phần hư hỏng theo đúng trách nhiệm bảo hành nếu phần hư hỏng được xác định nguyên nhân là do chất lượng hàng hóa và/hoặc dịch vụ

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về hóa đơn GTGT do bên B phát hành.

Điều 8. Các điều khoản khác:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng nội dung của Hợp đồng này. Những bất đồng và các vấn đề phát sinh liên quan đến Hợp đồng được hai Bên giải quyết thông qua thương lượng, đàm phán trong khuôn khổ Pháp luật hiện hành. Những tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng giữa hai bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án thành phố Thái nguyên. Phán quyết có hiệu lực của Tòa án là cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành, án phí do bên có lỗi chịu.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến khi Bên A thanh toán hết cho Bên B. Sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng này nếu hai bên không có ý kiến bằng văn bản thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

- Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 Bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 0301/2022/HĐ/XMQT-KSTN

Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ vào Luật thương mại năm 2005 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMQT ngày tháng năm 2022 về việc phê duyệt kết quả gói Cung cấp sửa tươi tiết trùng bồi dưỡng độc hại cho CB CNV năm 2022.

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng 01 năm 2022 tại văn phòng Công ty Cổ phần xi măng Quán Triều VVMI - xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Chúng tôi gồm có:

BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI (BÊN A)

Địa chỉ : Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại : 84-02083 843185 Fax : 84-02083 843185

Mã số thuế : 4600409377.

Tài khoản : 114000028142 Tại Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên

Đại diện : Ông Trần Việt Cường Chức vụ : Giám đốc

BÊN BÁN : CÔNG TY CP KHÁCH SẠN THÁI NGUYÊN VVMI (BÊN B)

Địa chỉ : Số 2, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên.

Điện thoại : 02083.855.361 Fax: 02083.754.562

Mã số thuế : 4600422402

Tài khoản : 119000022974 Tại NH TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên

Đại diện : Ông Nguyễn Văn An Chức vụ : Giám đốc

Hai Bên thoả thuận và thống nhất ký Hợp đồng mua bán với các điều khoản như sau:

Điều I: Phạm vi cung cấp, đơn giá, giá trị hợp đồng

1-Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán các loại sản phẩm sữa tươi của các hãng sản xuất trong nước với chủng loại, số lượng và giá trị như sau:

STT	Nội dung	Đặc điểm, thông số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
1	Sữa tươi tiệt trùng ADM 110ml Vinamilk	- Hộp nhỏ loại thể tích 110 ml - Hộp đóng gói gọn gàng, đảm bảo an toàn v/s thực phẩm - Thành phần dinh dưỡng: Năng lượng Kcal/100ml : 63,4 – 92,6 Hàm lượng chất khô g/100 ml : 13,5 – 20,2 Hàm lượng chất béo g/100 ml : 2,2 – 3,4 Hàm lượng chất đạm g/100ml : 2,8 – 3,6 Hàm lượng hydrat cacbon g/100ml: 8 – 12. - PH : 6,4- 6,8 - Vitamin A IU/100 ml : 105-225 - Vitamin D3 IU/ 100 ml : 21- 45 - Canxi mg/100 ml : 70 - 150	Hộp	210.740	4.380	923.041.200
	Cộng tiền hàng					923.041.200
	Thuế GTGT (10%)					92.304.120
	Tổng cộng					1.015.345.320



Số tiền bằng chữ: Một tỉ, không trăm mười năm triệu, ba trăm bốn mươi năm nghìn, ba trăm hai mươi đồng.

2-Hợp đồng theo đơn giá cố định

Điều II: Chất lượng, tiến độ giao hàng:

1-Chất lượng: Bên B chịu trách nhiệm với bên A về chất lượng sản phẩm, nguồn gốc sản phẩm, chủng loại theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Hàng mới 100%.

2-Tiến độ giao hàng: Khi bên A có nhu cầu mua hàng, Bên A thông báo trước cho Bên B 03 ngày theo từng thời điểm, Bên B có trách nhiệm cung cấp đủ số lượng và chủng loại sản phẩm theo yêu cầu của bên A.

3-Địa điểm giao hàng: Hàng được giao tại kho Bên A.

Điều III: Giá trị, phương thức thanh toán

1-Giá trị thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B theo số lượng sản phẩm thực tế giao nhận của hai bên.

2-Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản trong vòng 60 ngày kể từ ngày bên B nhận đủ hàng theo yêu cầu từng thời điểm, hóa đơn tài chính đúng quy định của nhà nước.

3-Chế độ bảo hành: Sản phẩm được bảo hành theo yêu cầu của nhà sản xuất, còn hạn sử dụng tối thiểu là 3 tháng (tính từ ngày giao hàng), trong thời gian bảo hành nếu sản phẩm không đảm bảo chất lượng làm ảnh hưởng đến sức khỏe CB CNV của bên A thì Bên B phải có trách nhiệm đổi hàng và bồi hoàn giá trị thiệt hại cho bên A.

Điều IV: Trách nhiệm của mỗi bên.

1-Trách nhiệm của Bên A.

- Bổ trí cán bộ giám sát việc thực hiện giao hàng.
- Tiếp nhận và nghiệm thu hàng khi Bên B giao.
- Thanh toán cho Bên B giá trị hợp đồng theo phương thức tại Điều III.2 của hợp đồng này.

2-Trách nhiệm của Bên B

- Giao hàng theo đúng số lượng; chất lượng, chủng loại và tiến độ giao hàng.
- Chịu trách nhiệm nguồn gốc hàng, hóa đơn tài chính khi giao hàng.
- Vận chuyển và bốc xếp hàng vào kho tại các điểm nhận hàng của Bên A, cùng Bên A làm biên bản nghiệm thu số lượng, chất lượng hàng giao, thực hiện chế độ bảo hành theo quy định tại điều III.3 hợp đồng này.

Điều V: Điều khoản thực hiện.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày kí đến hết ngày 31/12/2022.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc với trách nhiệm cao tất cả các điều khoản của Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn trở ngại gì hai bên cùng bàn bạc để giải quyết trên cơ sở tôn trọng và đảm bảo lợi ích của mỗi bên.

Khi hợp đồng hết hiệu lực, trong vòng 15 ngày nếu hai bên không có gì vướng mắc, Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 4 bản, Bên A giữ 2 bản, Bên B giữ 2 bản để thực hiện ./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Giám đốc

Trần Việt Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám đốc

Nguyễn Văn An



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
QUÁN TRIỀU VVMI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: /NQ - ĐHĐCĐ

Thái nguyên, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 VÀ NHIỆM KỲ IV 2022-2027
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và nhiệm kỳ IV 2022-2027 Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI ngày 19/4/2022;

Tham dự Đại hội có cổ đông, sở hữu và đại diện cho cổ phần, bằng % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

Với tinh thần làm việc khẩn trương và trách nhiệm, đại hội đã tập trung giải quyết từng nội dung trong chương trình nghị sự và thống nhất quyết nghị như sau.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và nhiệm kỳ IV 2022-2027 Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI nhất trí thông qua:

1. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI năm 2021 với một số kết quả như sau;

1.1. Kết quả SXKD năm 2021:

TT	Danh mục chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện		So sánh (%)	
				2020	2021	cùng kỳ 2020	TH/KH
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
I	Chỉ tiêu hiện vật						
1	Sản xuất sản phẩm	Tấn					
	Xi măng các loại	"	680.000	708.014,70	612.342,04	86,49	90,05
	Clinker	"	621.927,28	669.049,96	679.578,25	101,57	109,27
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	780.000	838.097,71	835.760,36		
-	Xi măng các loại	"	680.000	707.844,70	617.109,94	87,18	90,75
-	Clinker	"	100.000	130.253,01	218.650,42	167,87	218,65

3	Lao động bình quân	Ng	351	354	350	98,87	99,72
II	Chỉ tiêu tài chính						
1	Doanh thu thuần	Trđ	617.378,64	665.131,73	660.550,26	99,31	106,99
-	Xi măng, Clinker	"	616.103,64	661.978,41	656.965,80	99,24	106,63
-	SXKD khác	"	1.275	3.153,32	3.584,47	113,67	281,13
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	30.800	36.672,69	47.089,54	128,40	152,89
3	Thuế TNDN	Trđ	1.540	1.087,22	2.366,68	217,68	153,68
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	29.260	35.585,47	44.722,86	125,68	152,85
5	Nộp ngân sách (số phải nộp)	Trđ	20.201,34	22.295,42	25.269,74	113,34	125,09
6	Tiền lương BQ/người/tháng	1000đ	8.976,18	8.971,30	10.323,75	115,08	115,01
7	Nợ phải thu của khách hàng	Trđ	37.212	38.829,82	47.720,35	122,90	128,24
8	Trả cổ tức (% VDL)	%	0.00	0.00	0.00		

1.2. Công tác đầu tư xây dựng năm 2021:

STT	Hạng mục	ĐVT	Thành tiền
1	Hệ thống lọc bụi khu vực đóng bao	Tr.đồng	821
2	Đầu tư 01 máy xúc lật thủy lực bánh xích, dung tích gầu $\geq 0,8$ m ³	Tr.đồng	2.514
	Tổng cộng		3.335

2. Thông qua Báo cáo của Giám đốc về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

3. Thông qua Báo cáo của BKS tại đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III 2017-2022 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV 2022-2027 của BKS Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

4. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2021 sau kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI;

5. Thông qua quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022;

5.1 Quyết toán chi trả thù lao năm 2021 cho HĐQT, BKS:

Chức danh	Số người	Kế hoạch (đồng/tháng)	Thực hiện (đồng/tháng)	T/H năm 2021 (đ)
1. Chủ tịch HĐQT				
Ngô Ngọc Sơn (11 tháng)	1	4.560 000	4.560 000	50 160 000
Nguyễn Văn Dũng (1 tháng)	1	4 560.000	4 560.000	4 560.000
2. Thành viên HĐQT				
Hà Văn Chuyên (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48 000 000
Đỗ Ngọc Huy (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48 000 000
Trần Việt Cường (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48 000 000
Đỗ Thu Hương (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48 000 000
3. Thành viên BKS				
Phạm Thúy Nga (12 tháng)	1	3 620 000	3 620 000	43 440 000
Nguyễn Thị Hồng Nhung (8,5 tháng)	1	3 620 000	3 620 000	30 770 000
Phạm Đình Tuấn (3,5 tháng)	1	3 620 000	3 620 000	12 670 000
Tổng Cộng				333.600.000

5.2 Kế hoạch chi trả thù lao năm 2022 cho HĐQT, BKS, TK:

Chức danh	Số người	Kế hoạch (đồng/tháng)	KH năm 2022 (đồng/năm)
1. Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000	57.120.000
2. Thành viên HĐQT	4	4.000.000	192.000.000
3. Thành viên BKS	2	4.000.000	96.000.000
4. Thư ký HĐQT	1	3.000.000	36.000.000
Tổng Cộng			381.120.000

(Đây là mức tối thiểu, trong năm căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các Người quản lý công ty (NQL) được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của NQL)

6. Nhất trí thông qua tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2022. Đại hội ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán theo các tiêu chí đã nêu trong tờ trình;

7. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch ĐTXD năm 2022 như sau:

7.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022
1	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	20.108
2	Sản lượng Tiêu thụ	Tấn	790.000
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	633.238
4	Cổ tức	%	2
5	Lợi nhuận	Tr.đồng	40.800
6	Lao động bình quân	Người	351
7	Tiền lương bình quân	Đ/ng.th	10.150.983

7.2 Kế hoạch ĐTXD năm 2022:

STT	Hạng mục	ĐVT	Thành tiền
1	Đầu tư vận thăng 2 tấn lên tháp trao đổi nhiệt	Tr.đồng	1.812
2	Đầu tư hệ thống lọc bụi khu vực xả Clinker	Tr.đồng	2.111
	Tổng cộng		3.923

8. Thông qua việc đề nghị Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bảo lãnh cho Công ty vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2022;

9. Đại hội ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các hợp đồng ký kết năm 2022 và các hợp đồng phát sinh với các đơn vị có lợi ích liên quan theo quy định tại điều 167 luật doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2022 đến kỳ đại hội lần sau.

10. Công nhận kết quả bầu cử Thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ IV 2022-2027 như sau:

10.1. Thành viên Hội đồng quản trị

- Ông (bà)..... – Thành viên HĐQT
- Ông (bà)..... – Thành viên HĐQT
- Ông (bà)..... – Thành viên HĐQT
- Ông (bà)..... – Thành viên HĐQT
- Ông (bà)..... – Thành viên HĐQT

10.2. Thành viên Ban kiểm soát

- Ông (bà) – Thành viên BKS
- Ông (bà) – Thành viên BKS
- Ông (bà) – Thành viên BKS

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại nghị quyết này và tiến hành triển khai thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp quản lý trong

372
CÔNG TY
NIG
HỮU
HÀNG

Điều lệ Công ty, quản lý công ty thực hiện sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người và tài sản của Công ty trong quá trình lao động sản xuất. Hiệu lực từ ngày 19/4/2022.

Nghị quyết này đã được thông qua toàn văn trước Đại hội và được sự tán thành của tất cả cổ đông tham dự Đại hội ngày 19/4/2022 (Biểu quyết tán thành ...%)./.

Nơi nhận:

- UBCKNN (Thay báo cáo);
- Công bố trên Website Cty;
- Các TV HĐQT, sở GD&ĐT;
- Các TV BKS;
- Cổ đông của Cty;
- Lưu TCHC, TK HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nguyễn Văn Dũng



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 0058/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cử Người đại diện của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI, nhiệm kỳ 2022-2027

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động (sửa đổi) của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐQT ngày 8/03/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử Người đại diện của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI nhiệm kỳ 2022 - 2027 như sau:

1. Người đại diện của Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị:

a) Cử ông Nguyễn Văn Dũng, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty làm Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị và ứng cử giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều – VVMI.

b) Cử ông Hà Văn Chuyên, Trưởng phòng Thị trường – Vật tư Tổng công ty làm Người đại diện của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị và ứng cử giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều – VVMI.

c) Cử bà Đỗ Thu Hương, Phó Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Tổng công ty làm Người đại diện của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị và ứng cử giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều – VVMI.

d) Cử ông Trần Việt Cường, Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều – VVMI làm Người đại diện của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-



CTCP, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị và ứng cử giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI.

e) Cử ông Đỗ Ngọc Huy, Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI làm Người đại diện của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị và ứng cử giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI.

2. Người đại diện của Tổng công ty tham gia Ban kiểm soát:

a) Cử ông Tạ Văn Long, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách Công ty cổ phần xi măng Quán Triều-VVMI làm Người đại diện của Tổng công ty, giới thiệu tham gia Ban Kiểm soát và ứng cử Trưởng ban kiểm soát chuyên trách Công ty cổ phần xi măng Quán Triều- VVMI.

b) Cử bà Nguyễn Thị Hồng Nhung, Phó Trưởng phòng Quản lý vốn – Kiểm soát nội bộ Tổng công ty làm Người đại diện của Tổng công ty tại Công ty cổ phần xi măng Quán Triều – VVMI, giới thiệu tham gia Ban Kiểm soát và ứng cử giữ chức Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Quán Triều – VVMI.

c) Cử bà Phạm Thị Thúy Nga, chuyên viên phòng Kế toán thống kê tài chính Tổng công ty làm Người đại diện của Tổng công ty tại Công ty cổ phần xi măng Quán Triều – VVMI, giới thiệu tham gia Ban Kiểm soát và ứng cử giữ chức Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Quán Triều – VVMI.

Điều 2. Trách nhiệm của Người đại diện của Tổng công ty:

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP tại Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI có trách nhiệm đề cử và bầu để các cán bộ có tên tại Điều 1 tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI nhiệm kỳ 2022-2027.

2. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, các cán bộ có tên tại Điều 1 có trách nhiệm ứng cử tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI nhiệm kỳ 2022-2027. Đồng thời, bầu để Người đại diện của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP giữ các chức vụ trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI nhiệm kỳ 2022-2027 như nội dung ghi tại Điều 1.

3. Các cán bộ có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Người đại diện của Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Quy chế quản lý Người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp và các văn bản có liên quan.

Điều 3. Tổng giám đốc Tổng công ty, Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP tại Công ty cổ phần xi măng

14093
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU - VVMI
T. TH. A
1001
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
XUẤT

Quản Triệu - VVMI và các cán bộ có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Kiểm

Nơi nhận:

- HĐQT, TGD (e)
- Các PTGD TCT (e);
- BKS TCT (e);
- Như Điều 3 (e);
- CTCP XMQT;
- Lưu: VT, HĐQT, TCNS (4)

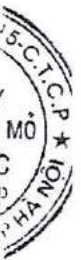
[Handwritten mark]

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Lê Quang Bình



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 3 năm 2022.

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

1/ Họ và tên: *Đỗ Ngọc Huy*

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: *19/04/1979*

4/ Nơi sinh: *Thành Phố Thái Nguyên*

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu): *019079008718*

Ngày cấp *11/8/2021*. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

6/ Quốc tịch: *Việt Nam*

7/ Dân tộc/Ethnic: *Kinh*

8/ Địa chỉ thường trú: *Tổ 6 Phường Tích Lương - Thành phố Thái Nguyên*

9/ Số điện: *0982190479*

10/ Địa chỉ email: *huyvvmi@gmail.com*

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: *Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: *Thành viên Hội đồng quản trị; Phó giám đốc*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

14/ Số CP nắm giữ: *0 CP chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): *không có*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Đỗ Ngọc Minh			Bố đẻ	CCCD	038047010530	17/6/2021	Cục CSQLH CTTXH	P.Tích Lương TPTN	0	0	20/3/2022			
2		Lê Thị Chúc			Mẹ đẻ		090755931	28/5/2012	CA TN	P.Tích Lương TP TN	0	0	20/3/2022			
3		Đỗ Ngọc Anh			Em ruột	CMND	090753156	06/3/2017	CA TN	P.Trung Thành TP TN	0	0	20/3/2022			
4		Đỗ Thị Khánh Ngọc	002C 14167 0		Em ruột	CMND	090892914	5/7/2007	CA TN	P.Tích Lương TP TN	0	0	20/3/2022			
5		Lê Thị Đỗ Oanh			Vợ	CCCD	019179008990	11/8/2021	Cục CSQLH CTTXH	P.Phú Xá TPTN	0	0	20/3/2022			
6		Đỗ Ngọc Linh			Con đẻ						0	0	20/3/2022			
7		Đỗ Ngọc Bảo			Con đẻ						0	0	20/3/2022			
8		Nguyễn Thị Thanh Thúy			Em dâu	CMND	090814051	30/5/2014	CA TN	P. Trung Thành	0	0	20/3/2022			
9		Lê Thanh Liêm			Bố vợ	CMND	090061367	8/8/2006	CA TN	P.Tích Lương TPTN	0	0	20/3/2022			

10	Đỗ Thị Điều	Mẹ vợ	CCCD	034150011850	31/8/2021	Cục CSQLH CTTXH	P.Tích Lương TPTN	0	0	20/3/2022			
11	Lê Thanh Minh	Anh vợ	CCCD	019073012117	31/8/2021	Cục CSQLH CTTXH	P.Tích Lương TPTN	0	0	20/3/2022			
12	Lê Thị Thu	Chị vợ	CCCD	019175000517	24/7/2021	Cục CSQLH CTTXH	ĐA HN	0	0	20/3/2022			
13	Lê Thị Thu Thùy	Em vợ	CCCD	019182010545	31/8/2021	Cục CSQLH CTTXH	P.Tích Lương TPTN	0	0	20/3/2022			

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đỗ Ngọc Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

1/ Họ và tên: **TRẦN VIỆT CUÔNG**

2/ Giới tính: nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 26/3/1974

4/ Nơi sinh: *Trạm xá khu trung tâm (Thái nguyên)*

5/ Số CMND, CCCD (hoặc số hộ chiếu): 090662573

Ngày cấp 05/9/2020 Nơi cấp: Công an Thái Nguyên

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Tổ 8 phường Hoàng Văn Thụ TPTN (Tạm trú: Tổ 2 phường Gia Sàng TPTN).

9/ Số điện: 0988.826.683

10/ Địa chỉ email: cuong26374@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: **Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI**

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: **Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty**

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

STT	Tên Công ty	Chức vụ nắm giữ
1		
2		

14/ Số CP nắm giữ: 0 CP chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu: *cổ phiếu Không.....*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): *không có*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*), Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Trần Nho Thái			Bố (ruột)		'Đã chết									
2		Nguyễn Thị Thái			Mẹ (ruột)	CMND	090046413			Tổ 8, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên			06/6/2017			
3		Nguyễn Thị Quỳnh Trang			Vợ	CMND	091576385	'15/9/2005	CA Thái Nguyên	Tổ 2 - Phường Gia Sàng - TP Thái Nguyên			06/6/2017			
4		Trần Thị Thanh Mai			Chị (ruột)	CMND	090467825	24/4/2017	CA Thái Nguyên	Tổ 11, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên			06/6/2017			
5		Trần Thị Lan Anh			Chị (ruột)	CMND	012089815	'21/02/2013	CA Hà Nội	Tổ 24, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội			06/6/2017			

6	Nguyễn Văn Long			Anh (đẻ)	CMND	011464529	'21/02/2013	CA Hà Nội	Tổ 24, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội			06/6/2017			
7	Trần Việt Quang			Con (ruột)	CMND	092008537	10/12/2017	CA Thái Nguyên	Tổ 2 - Phường Gia Sàng - TP Thái Nguyên			06/6/2017			
8	Trần Việt Dũng			Con (ruột)		Còn nhỏ			Tổ 2 - Phường Gia Sàng - TP Thái Nguyên			06/6/2017			

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Việt Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022.

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán:

1/ Họ và tên: *Nguyễn Thị Hồng Nhung*

2/ Giới tính: *Nữ*

3/ Ngày tháng năm sinh: *15/10/1978.*

4/ Nơi sinh: *Đông Anh – Hà Nội.*

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu: *001178001286*

Ngày cấp *14/5/2014* Nơi cấp: *Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.*

6/ Quốc tịch: *Việt Nam*

7/ Dân tộc/Ethnic: *Kinh*

8/ Địa chỉ thường trú: *Số nhà 57 Đản Dị - Uy Nỗ - Đông Anh – Hà Nội.*

9/ Số điện: *0989359178*

10/ Địa chỉ email: *hongnhungvvmi@gmail.com*

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: *Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: *Thành viên ban kiểm soát.*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức *khác:*

STT	Tên Công ty	Chức vụ nắm giữ
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	Phó trưởng phòng Quản lý vốn
2	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI	Thành viên ban kiểm soát
3	Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc – VVMI	Thành viên ban kiểm soát
4	Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	Trưởng ban kiểm soát

14/ Số CP nắm giữ: 0 CP chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): *không có*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Vũ Thị Hà			Mẹ đẻ	CMND	010492147	16/8/2010	CA TP Hà Nội	Nghỉ hưu- Xã Cổ Loa- Đông Anh – Hà Nội			10/4/2021			
2		Nguyễn Thị Hồng Vân			Em gái	CMND	012193509	30/12/2012	CA TP Hà Nội	Thống kê – Công ty CP xich lép			10/4/2021			

										Đông anh – Hà Nội						
3		Nguyễn Thị Mỹ			Em gái	CMND	001183019292	5/10/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Phòng kế hoạch Công ty CP Lam Sơn Đông anh- Hà Nội			10/4/2021			
4		Phí Vinh Tùng Hưng			Chồng	CMND	011754204	4/4/2012	CA TP Hà Nội	Kinh doanh tại Đông anh – Hà Nội			10/4/2021			
5		Phí Việt Hoàng			Con đẻ	CMND	001202007571	10/02/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Sinh viên Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội			10/4/2021			
6		Phí Việt Hiếu			Con đẻ					Học sinh trường THCS Nguyễn Huy Tường Đông anh – Hà Nội.			10/4/2021			
7		Phí Vinh Sự			Bố chồng	CMND	001038000437	24/3/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG	Nghỉ hưu tại thôn Đán Dị - uy nỗ - Đông anh Hà Nội			10/4/2021			

									về dân cư							
8		Đỗ Thị Hy			Mẹ chồng	CMND	010488078	8/2/2012	CA TP Hà Nội	Thôn Đản Di-Uy Nỗ - Đông Anh-Hà Nội			10/4/2021			
9		Phí Thị Hà			Chị Chồng	CMND	001173004223	02/6/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Kinh doanh tại Thôn Đản Di - Uy Nỗ - Đông Anh-Hà Nội			10/4/2021			
10		Lê Bá Bấy			Anh rể					Thôn Đông Tâm Xá - Đông Anh-Hà Nội			10/4/2021			
11		Lê Huy Tú			Em rể	CMND	013630487	30/3/2013	CA TP Hà Nội	Công ty CP nước và môi trường Việt Nam			10/4/2021			
12		Nguyễn Bình An			Em rể	CMND	012072829	09/10/2010	CA TP Hà Nội	Trưởng phòng tổ chức - Công ty CP xích lép Đông anh - Hà Nội			10/4/2021			

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized initials and a surname, likely representing Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Nguyễn Thị Hồng Nhung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2022

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

1/ Họ và tên: Hà Văn Chuyển

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh 18/9/1966

4/ Nơi sinh: Hiệp Lực, Ninh Giang, Hải Dương

5/ Số CMND, CCCD (hoặc số hộ chiếu): 030066018317

Ngày cấp 22/11/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

9/ Số điện: 0912 007 256

10/ Địa chỉ email: chuyen202122@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: UVHĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

STT	Tên Công ty	Chức vụ nắm giữ
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	Trưởng phòng Thị trường – Vật tư
2	Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI	Thành viên hội đồng quản trị

14/ Số CP nắm giữ: 0 CP chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: 0

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): không có

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Hà Lạp			Bố (ruột)		Đã chết									
2		Bùi Thị Nhỡ			Mẹ ruột		Đã chết									
3		Hà Minh Tuấn			Anh (ruột)	CMND	142706460	6/9/2010	Công an Hải Dương	Vĩnh Hòa - Ninh Giang - Hải Dương			04/2012			
4		Hà Văn Tuyên			Anh (ruột)	CMND	145030314	1/8/2011	Công an Hải Dương	Như Quỳnh - Hưng Yên			04/2012			
5		Hà Thị Nhân			Em (ruột)	CMND	141555902	6/10/2011	Công an Hải Dương	Hiệp Lực - Ninh Giang - Hải Dương			04/2012			

6	Lê Thị Thúy		Chị dâu						Như Quỳnh - Hưng Yên			04/2012			
7	Lê Thị Hôm		Chị dâu						Vĩnh Hòa - Ninh Giang - Hải Dương			04/2012			
8	Đào Thanh Chương		Em rể						Hiệp Lực - Ninh Giang - Hải Dương			04/2012			
9	Phùng Thị Thái		Vợ	CCCD	020173006440	14/12/2021	Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	Thị trấn Liệt Hoàng Mai HN				04/2012			
10	Hà Thùy Trang		Con (ruột)	CCCD	031197011165	16/12/2021	Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	Thị trấn Liệt Hoàng Mai HN				04/2012			
11	Hà Thùy Dung		Con (ruột)	CCCD	031303001403	22/11/2021	Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	Thị trấn Liệt Hoàng Mai HN				04/2012			

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): *Không*

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): *Không*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Văn Chuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2022

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

1/ Họ và tên: **Phạm Thị Thúy Nga**

2/ Giới tính: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh: 13/6/1973

4/ Nơi sinh: Phúc Yên

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 012989457

Ngày cấp: 08/11/2007 Nơi cấp: CA Hà Nội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Tổ 2 Cụm I phường Phú Thượng Quận Tây Hồ, Hà Nội

9/ Số điện thoại: 0386606680

10/ Địa chỉ email: ngaptt73@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Thành viên BKS

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

STT	Tên Công ty	Chức vụ nắm giữ
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	Chuyên viên phòng Kế toán thống kê tài chính

14/ Số CP nắm giữ: chiếm % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có):

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Phạm Văn Dũng			Bố	CMND	135550640	14/11/2002	CA Vĩnh Phúc	TP. Phúc yên - Vĩnh Phúc			05/4/2017			
2		Lương Văn Sỹ			Chồng	CMND	011411241	9/11/2007	CA Hà Nội	Tổ 2 cụm I Phú Thượng Tây Hồ Hà Nội			05/4/2017			
3		Lương Ian Phuong			Con	CMND	001302018067	8/6/2017	Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Tổ 2 cụm I Phú Thượng Tây Hồ Hà Nội			05/4/2017			
4		Lương Gia Linh			Con	CMND	001305010549	9/1/2020	Cục CS QLHC về TTXH	Tổ 2 cụm I Phú Thượng Tây Hồ Hà Nội			05/4/2017			
5		Phạm Thị Thúy Ngân			Em	CMND	024174000021	9/6/2014	Cục đkql cư trú và đlqg về dân cư	Nam Cương - Hiền Ninh - Sóc sơn - Hà Nội			05/4/2017			
6		Trương Xuân Thủy			Em rể	CMND	011709290	1/10/2011	CA Hà Nội	Nam Cương - Hiền Ninh - Sóc sơn - Hà Nội			05/4/2017			
7		Phạm Huy Hoàng			Em	CMND	024079000434	19/7/2018	Cục đkql cư trú và	Tổ 2 cụm I Phú Thượng			05/4/2017			

									dlqg về dân cư	Tây Hồ Hà Nội						
8		Phạm thị Hương			Em dâu	CMND	013255980	19/3/2010	CA Hà Nội	Tổ 2 cụm 1 Phú Thượng Tây Hồ Hà Nội			05/4/2017			
9		Lương Võ Toàn			Em chồng					Tổ 3 Cụm 1 Phú Thượng Tây Hồ Hà Nội			05/4/2017			
10		Nguyễn Thị Thơm			Mẹ chồng					Tổ 5 cụm 1 Phú Thượng Tây Hồ Hà Nội			05/4/2017			
11		Lương Võ Tông			Em chồng					Tổ 34 cụm 5 Phú Thượng Tây Hồ Hà Nội			05/4/2017			
12		Lương Thị Ngát			Em chồng					Tổ 5 cụm 1 Phú Thượng Tây Hồ Hà Nội			05/4/2017			
13		Lương Văn Quý			Em chồng					Chung cư B12 Phường Xuân La quận Tây Hồ, Hà Nội			05/4/2017			

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Thuý Nga

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022.

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

1/ Họ và tên: **Nguyễn Văn Dũng**

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 01/10/1966.

4/ Nơi sinh: *Nghĩa Hưng - Lạng Giang - Bắc Giang.*

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu: 024066013616

Ngày *cấp* 31/08/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Tổ 3 phường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên

9/ Số điện: 0913547895

10/ Địa chỉ email: Dungcplh@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức *khác*:

STT	Tên Công ty	Chức vụ nắm giữ
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	Phó tổng Giám đốc
2	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI	Chủ tịch hội đồng quản trị

14/ Số CP nắm giữ: 0 CP chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu: 62.760 cổ phiếu CLH

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): không có

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Nguyễn Thị Trường			Mẹ đẻ	CMND	091090938	08/6/2004	CA TP Thái nguyên	Nghi hưu- Đông quang Thái Nguyên			25/11/2021			
2		Nguyễn Thị Yến			Chị ruột	CCCD	024160000462	25/7/2021	Cục CS QLHCv ề trật tự XH	Nghi hưu- Phan đình phùng Thái Nguyên			25/11/2021			

3		Nguyễn Thị Yên			Chị ruột	CCCD	024162000023	01/5/2021	Cục CS QLHCvề trật tự XH	Đã nghỉ Đông anh- Hà Nội			25/11/2021			
4	CMV	Nguyễn Văn Hùng			Em ruột	CCCD	024069000053	11/11/2015	Cục CS QLHCvề trật tự XH	Phó TP cơ điện -VLXD Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CPCP	2.500	0,00238	25/11/2021			
5	CLH + KSTN	Ngô Thị Minh Hương			Vợ	CMND	090594457	21/9/2014	CA TPThái Nguyên	KTTCông ty CP KS Thái Nguyên VVMI	3.600 +2.000	0,03	25/11/2021			
6		Nguyễn Thanh Ngân			Con đẻ	CMND	091849835	10/5/2011	CA TPThái Nguyên	Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên			25/11/2021			
7		Nguyễn Thanh Hà			Con đẻ	CMND	091879736	24/3/2015	CA TPThái Nguyên	Sinh viên học Viên tài chính			25/11/2021			
8	CLH	Bùi Thị Hạnh Hiền			Em dâu	CMND	010488078	8/2/2012	CA TP Hà Nội	Siêu thị điện máy HC Hà nội	60.000	0,50	25/11/2021			
9		Ngô Hải Long			Con rể	CCCD	001092051070			Cán bộ Công ty cổ phần xi măng VVMI			25/11/2021			
9		Nguyễn Hồng			Anh rể	CMND	090645725	09/6/2015	CA TPThái	Nghi hưu-			25/11/2021			

		Ninh							Nguyễn	Phan đình phùng Thái Nguyễn						
10		Kim Ngọc Hải			Anh rể	CCCD	001061022708	01/5/2021	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Đã nghỉ Đông anh- Hà Nội			25/11/2021			
11	CLH	Ngô Xuân Thùy			Bố Vợ	CMND	091636211	08/8/2007	CA TPThái Nguyễn	Đã nghỉ hưu tại Sơn Cầm Phú Lương Thái Nguyễn	168.840	1,4	25/11/2021			
12		Nguyễn Thị An			Mẹ Vợ	CMND	090161807	17/11/2015	CA TPThái Nguyễn	Đã nghỉ hưu tại Sơn Cầm Phú Lương Thái Nguyễn			25/11/2021			
13		Ngô Xuân Hùng			Anh vợ					Làm việc tại Cộng hòa Séc			25/11/2021			
14		Ngô Trí Dũng			Anh Vợ	CMND	090608611	22/03/2017	CA TPThái Nguyễn	Giám Đốc bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyễn			25/11/2021			

15		Ngô Mạnh Thăng			Em vợ	CMND	090649480	22/3/2017	CA TPThái Nguyên	Công nhân Công ty cổ phần xi măng VVMI			25/11/2021			
----	--	----------------	--	--	-------	------	-----------	-----------	------------------	--	--	--	------------	--	--	--

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 3 năm 2022.

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

1/ Họ và tên: **Tạ Văn Long**

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 16/01/1979.

4/ Nơi sinh: Mai Trung- Hiệp Hòa - Bắc Giang.

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 024079016143

Ngày cấp 10/5/2021 .Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Tổ 7 phường Quan Triều - Thành phố Thái Nguyên

9/ Số điện thoại: 0902059986

10/ Địa chỉ email: Talongvumi@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Trưởng ban kiểm soát.

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

STT	Tên Công ty	Chức vụ nắm giữ
1		
2		

14/ Số CP nắm giữ: 800 CP chiếm 0,0003% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu: 800 cổ phiếu CQT

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): không có

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

St t	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc khôn g có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
		Tạ Văn Quang		Đã chết	Bố đẻ											
		Nguyễn Thị Hoàn			Mẹ đẻ					Mai Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang	0		16/4/2016			
		Tạ Thị Cảnh			Chị ruột	CMT	120480490	25/2/2008	CA Bắc Giang	Mai Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang	0		16/4/2016			
		Tạ Văn Anh			Anh ruột	CMT	121239094	30/3/2011	CA Bắc Giang	Mai Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang	0		16/4/2016			
		Tạ Thị Lý			Em ruột	CMT	121799959	25/10/2014	CA Bắc Giang	Mai Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang	0		16/4/2016			
		Nguyễn Văn Chiến			Anh rể	CMT	120481700	12/10/2018	CA Bắc	Mai	0		16/4/2016			

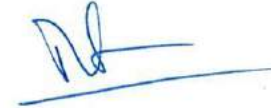
									Giang	Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang						
		Đỗ Tuấn Đạt			Em rể	CMT	121402166	29/7/2014	CA Bắc Giang	Mai Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang	0		16/4/2016			
		Dương Thùy Dung			Chị dâu	CMT	121452082	12/01/2013	CA Bắc Giang	Mai Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang	0		16/4/2016			
		Hoàng T Hồng Nga			Vợ	CCCD	019178007 870	10/5/2021	Cục CS QLHC về TTXH	P. Quan Triều, TP Thái Nguyên	0		16/4/2016			
		Tạ Minh Hiếu			Con ruột	CCCD	020206001 835	25/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	P. Quan Triều, TP Thái Nguyên	0		16/4/2016			
		Tạ Nam Khải			Con ruột					P. Quan Triều, TP Thái Nguyên	0		16/4/2016			
		Hoàng Chiêu Sớm		Đã chết	Bố vợ											
		Cao Thị Hfru			Mẹ vợ	CCCD	036148009 535	17/8/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Xã Sơn Cầm, TP Thái Nguyên	0		16/4/2016			
		Hoàng T. Lan Hương			Chị vợ	CCCD	019172003 120	01/9/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Xã Sơn Cầm, TP Thái Nguyên	0		16/4/2016			
		Hoàng T Bích Hường			Chị vợ	CCCD	019173000 631	06/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Xã Sơn Cầm, TP Thái Nguyên	0		16/4/2016			

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)



Tạ Văn Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022.

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

1/ Họ và tên: *Đỗ Thu Hương*

2/ Giới tính: *Nữ*

3/ Ngày tháng năm sinh: *06/4/1972*

4/ Nơi sinh: *Hoàn Kiếm – Hà Nội.*

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu): *001172000150*

Ngày cấp *04/01/2013*. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

6/ Quốc tịch: *Việt Nam*

7/ Dân tộc/Ethnic: *Kinh*

8/ Địa chỉ thường trú: *Số 11 ngách 15 Ngõ Hoàng An A, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội*

9/ Số điện: *0904956069*

10/ Địa chỉ email: *huongd88@gmail.com*

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: *Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: *Thành viên Hội đồng quản trị.*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

STT	Tên Công ty	Chức vụ nắm giữ
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	Phó phòng Kinh tế kế hoạch

14/ Số CP nắm giữ: *1400 cổ phiếu CQT chiếm % vốn điều lệ, trong đó:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu: *1900 cổ phiếu MVB*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): *không có*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*), Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu u sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Nghiêm Kim Hà			Mẹ đẻ	CCCD	001149004223	01/6/2017	Cục CS ĐKQL cư trú & DLQG về dân cư	Số 11 ngách 15 ngõ Hoàng An A, Trung Phụng Đống Đa Hà Nội			05/4/2018			
2		Vũ Đình Anh			Chồng	CMSQ	92009820	15/01/2015	Học viện chính trị	Số 11 ngách 15 ngõ Hoàng An A, Trung Phụng Đống Đa Hà Nội			05/4/2018			
3		Đỗ Hồng Hạnh			Em ruột	CMND	011912051	09/8/2010	CA thành phố Hà Nội	Số 11 ngách 15 ngõ Hoàng An A, Trung Phụng Đống Đa Hà Nội			05/4/2018			
4		Tạ Hoàng Linh			Em rể	CCCD	001067004943	17/02/2016	Cục CS ĐKQL	Số 27 ngõ 31 Xuân Diệu,			05/4/2018			

									Quảng An, tây Hồ, Hà Nội						
5	Vũ Hà Trang			Con ruột	CMND	0136567 02	30/7/201 3	CA tp Hà Nội	Số 11 ngách 15 ngõ Hoàng An A , Trung Phụng Đông Đa Hà Nội			05/4/2 018			
6	Vũ Việt Dũng			Con ruột					Số 11 ngách 15 ngõ Hoàng An A , Trung Phụng Đông Đa Hà Nội			05/4/2 018			

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)



Đỗ Thu Hương